TƯ TƯỞNG

LÀ LAM
070

2

4-1973

HÙNG VƯƠNG VÀ Ý THỨC VỀ NGUỒN

N ĐẠI HỌC VẠN HẠNH CHỦ TRƯƠNG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM

TƯ TƯỞNG

VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH CHỦ TRƯƠNG
NĂM THỨ VI, SỐ 2 THÁNG 4 NĂM 1973

Chủ Nhiệm : T.T. THÍCH MINH CHÂU

Tổng Thư Ký : G.S. ĐOÀN VIẾT HOẠT

BAN BIÊN TẬP :

Ngành Phật Học : T.T. THÍCH QUẢNG ĐỘ, Đ.Đ. TUỆ SỸ, Đ.Đ. CHƠN HẠNH.

Ngành Văn Học : T.T. THÍCH THUYỀN ẤN, GS. NGUYỄN ĐĂNG THỤC, GS. LÊ KIM NGÂN.

Ngành Khoa Học Xã Hội : Đ.Đ. THÍCH GIÁC ĐỨC, GS. BÙI TƯỜNG HUÂN.

Ngành Giáo Dục : Đ.Đ. THÍCH NGUYÊN HỒNG.

ĐẠI HỌC VẠN HẠNH — DUY TUỆ THỊ NGHIỆP

Tòa soạn và Trị sự: 222 Trương Minh Giảng Sg 3, ĐT. 25.946

- **Nguyệt san xuất bản do Nghị định số : 521/BTT/HCBC ngày 20 - 4 - 1970.**
- **Chi phiếu, Bưu phiếu xin gửi T.T. THÍCH MINH CHÂU (Chủ Nhiệm).**
- **Thư từ, bản thảo, xin gửi ông ĐOÀN VIẾT HOẠT (Tổng Thư ký)**
- **Giao dịch trực tiếp, ông NGUYỄN HIỀN (Thư ký Tòa soạn), nơi Văn phòng Tòa Viện Trưởng.**

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM — Thư Viện — HUỆ QUANG

SỐ ĐẶC BIỆT :

HÙNG VƯƠNG VÀ Ý THỨC VỀ NGUỒN

Nguyệt san TƯ TƯỞNG do Viện Đại học Vạn Hạnh chủ trương, phát hành 10 số một năm; kể từ đầu tháng 3 mỗi năm.

TƯ TƯỞNG nhằm giới thiệu các công trình nghiên cứu và sáng tạo của các Học giả, các nhà Nghiên cứu và Giáo sư tại Đại học Vạn Hạnh cũng như các Đại học khác. *Ý kiến do các tác giả phát biểu không nhất thiết phản ảnh quan điểm chính thức của Viện Đại học Vạn Hạnh.*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

VỀ NGUỒN

Về nguồn là chủ đề của kỳ đặc san Tư Tưởng này để kỷ niệm Tổ Hùng Vương. Bài học của người Anh hùng áo vải đất Lam sơn dạy con cháu với lời lẽ thống thiết chân thành là :

« Vật gốc từ Trời, người gốc từ Tổ, ví như cây với nước ắt phải có gốc, có nguồn... Gốc mạnh thì ngọn lá tốt, nguồn sâu thì dòng nước dài. »

(Lam sơn thực lục)

Nước có nguồn thì nước mới trong, người có về nguồn thì người mới sáng tạo, dân tộc có về nguồn thì dân tộc mới không vong bản.

Bởi thế nên kỳ này, Tư Tưởng có những bài nghiên cứu về cổ sử Việt nam, trong đó nói về kết quả của khảo cổ học cho tới hiện thời về Đông Nam Á để xem nguồn gốc Tổ Tiên đã từ đâu xuất hiện và đã tiến hóa như thế nào về tín ngưỡng tư tưởng, về chế độ xã hội kinh tế chính trị, về sinh hoạt trí thức và tình cảm, tóm lại là tìm hiểu cái quốc hồn quốc túy Việt nam trước khi thâu hóa ảnh hưởng ngoại lai đã có căn bản gì để tồn tại cho tới ngày nay.

Về nguồn không có nghĩa là thủ cựu, mà về nguồn là để tìm một định hướng cho các chương trình tái thiết Việt nam

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

một khi có hòa bình thực sự, bởi vì quá khứ của người chết còn đè nặng trên đầu người sống, mà dân tộc Việt nam không phải tờ giấy trắng. Nó đã có lịch sử dân tộc độc lập của nó, từng đã giải quyết cuộc sinh tồn cá nhân và đoàn thể trên bán đảo Đông dương trải qua thời gian hàng ngàn năm. Vậy nên, sự thâu hóa đòi phải thích ứng vào hoàn cảnh địa lý lịch sử thì mới có kết quả thực tế hữu hiệu sinh hoa kết quả. Bởi thế mà vấn đề « Hùng Vương », vấn đề « Bốn ngàn năm văn hiến » được đặt ra từ Bắc chí Nam cho giới tri thức với tất cả ý nghĩa tìm Việt hóa văn hóa ngoại lai, sau ngót một trăm năm bị thực dân Tây phương cắt đứt dân tộc khỏi liên hệ với truyền thống Đông phương, khiến cho nguồn sinh lực Việt nam cơ hồ bị đoạn tuyệt, làm cho dân tộc mất hồn, nửa sống nửa chết, sống không có tin tưởng vào ngày mai. Vậy nên, về nguồn là nối lại cái dòng sống liên tục để phục sinh, nhất là trong phạm vi sinh hoạt văn hóa giáo dục mà người ta đang tìm cải tổ chương trình để thích hợp cho thời hậu chiến.

TƯ TƯỞNG

TƯ TƯỞNG Số 3 :

Phát hành ngày 01-5-1973

Đặc biệt Đại lễ Phật Đản 2.517

Chủ đề :

PHẬT GIÁO VIỆT NAM

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Nguyễn Đăng Thục

BỐN NGÀN NĂM VĂN HIẾN

VẤN đề dân tộc Việt nam có «bốn ngàu năm văn hiến» như các nhà văn hóa hiện nay đã tuyên bố khiến cho trong giới thanh niên trí thức thắc mắc và nghi ngờ, không biết hai chữ « văn hiến » có ý nghĩa gì, và căn cứ vào đâu để nói với cả một tin tưởng.

Nguyễn Trãi, khi giúp Lê Thái Tổ đánh đuổi quân Minh, xây dựng lại nền độc lập, tự trị của nước nhà cũng chỉ tuyên cáo với quốc dân :

« Duy ngã Việt chi quốc,
Thực vi văn hiến chi bang.
Sơn xuyên chi phong vực ký thù,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Nam Bắc chi phong tục diệc dị.

Việt, Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triệu tạo ngã quốc

Dữ Hán, Đường, Tống, Nguyên nhi các đế nhất phương. » (1)

Nghĩa là :

« Thử xét nước nhà Đại việt.

Vốn thật một nước văn hiến.

Núi sông khu vực đã khác biệt,

Phong tục phương Bắc, phương Nam không giống.

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần dựng nên nước ta,

Với Hán, Đường, Tống, Nguyên ai nấy làm chúa một phương. »

Đấy là Nguyễn Trãi, muốn cổ võ cho tinh thần quốc gia dân tộc mà cũng chỉ dám kể từ nhà Triệu, tự xưng là Nam Việt vương đóng đô ở Phiên ngung ngày nay là Quảng châu tỉnh Quảng đông vào năm 237 trước T.c. Tính đến ngày nay 1973 thì mới được 1980 năm. Như vậy thì lấy đâu ra 4.000 năm văn hiến ? Nói đến Văn Hiến là ngụ ý có văn chương bút ký và người hiền tài, có công trình xây dựng cho nước, cho dân mà đời sau còn tôn thờ làm Anh hùng Dân tộc. Nói « Bốn ngàn năm văn hiến » của Việt nam chẳng hóa ra ngoa ngôn cuồng tín hay sao ? Khổng phu tử xưa kia nói đến nước Hạ, nước Ân cũng chỉ dám tuyên bố :

« Hạ lễ ngô năng ngôn chi, Kỷ bất túc trưng dã.

Ân lễ ngô năng ngôn chi, Tống bất túc trưng dã.

---

(1) Bình Ngô đại cáo.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Văn hiến bất túc, cố dã ! » (Luận ngữ — Bát dật)

Nghĩa là :

« Chế độ nhà Hạ ta có thể nói được mà nước Kỷ là dòng dõi nhà Hạ không còn gì đủ chứng lời ta.

« Chế độ nhà Ân ta có thể nói được mà nước Tống là dòng dõi nhà Ân không còn gì để chứng thực lời ta. Bởi vì văn thư và người hiền chẳng đủ nên không lấy gì làm chứng cứ được ! »

Xem thế đủ thấy nhà sử gia có lương tâm của một người học giả phải thận trọng điều mình nói, mình viết là nhường nào ! Nay nói « Bốn ngàn năm văn hiến » có nghĩa là bốn ngàn năm nước Việt nam đã có văn thư và người hiền, vậy thì lấy gì làm chứng cứ ?

Lại theo quốc sử, vua Trần Nhân Tông khi sai Quốc Tuấn ra chận đánh quân Nguyên có ban cho câu thơ nhắc đến Việt tộc :

« *Cối kê cựu sự quận tu ký*

Hoan Diễn do tồn thập vạn binh. »

Nghĩa là :

« Chuyện cũ ở kinh đô Cối kê của Việt vương Câu Tiễn, ông nên nhớ.

Châu Hoan, châu Diễn (Thanh hóa, Nghệ an) còn có mười vạn quân. »

Ở đây, Trần Nhân Tông đã nhắc đến dòng dõi nhà Trần ngược dòng lịch sử đến thời oanh liệt và nhục nhã của ông Tổ xa xăm là Việt vương Câu Tiễn, đóng đô ở Cối kê miền Triết

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

giang bên Tầu. Theo « Sử ký Tư Mã Thiên » mục « Việt vương Câu Tiễn thế gia », q. 41, ch. 11 :

« Việt vương Câu Tiễn dòng dõi vua Vũ mà là con thứ của vua Hạ hậu Thiếu Khang (2079 tr. T.c.) được phong ở Cối kê để thừa tự họ Vũ. *Vẽ mình cắt tóc*, phá cỏ rậm để lập ấp, sau hơn 20 đời đến Ô Doãn Thường. Doãn Thường bấy giờ cùng với vua Ngô Hạp Lư đánh nhau gây thành oán thù lẫn nhau. Doãn Thường mất, con là Câu Tiễn được nối ngôi làm vua Việt. Năm đầu vua nước Ngô là Hạp Lư nghe tin Doãn Thường đã chết mới kéo quân sang đánh nước Việt, vua Việt Câu Tiễn dùng mưu đem ba trăm tử tù đến trước cửa doanh vua Ngô, bầy hàng hô lên rồi tự đâm vào cổ chết. Quân vua Ngô ra xem, quân Việt nhân thế đánh tập kích quân Ngô, quân Ngô thua ở Tuy lý, quân Việt bắn trúng vua Ngô Hạp Lư, Hạp Lư bị thương rồi chết, bảo với con là Phù Sai rằng : « Không được quên mối thù đối với nước Việt ! ». Ba năm Câu Tiễn thấy vua Ngô Phù Sai đêm ngày luyện quân sĩ để báo thù nước Việt. Nước Việt muốn đánh Ngô trước khi nước Ngô chưa động binh. Phạm Lãi can vua rằng : — « Không nên. Tôi nghe dạy rằng binh đao là đồ dữ, đánh nhau là cái đức tính ngược, tranh dành là việc hèn mạt vậy. Âm mưu, bạo ngược, thích dùng khí giới dữ tợn, đem thân thí nghiệm vào công việc hèn mạt ấy là điều Thượng đế ngăn cấm, kẻ làm điều ấy không có lợi ích ! » Vua Việt nói : « Ta đã quyết định rồi ! » Vua kéo quân đi đánh nước Ngô. Vua nước Ngô được tin mới đem quân tinh nhuệ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

đánh quân Việt bại ở Phù tiêu. Vua Việt mới thu quân còn lại 5.000 người về giữ ở Cối kê. Vua Ngô đuổi đánh vây Cối kê. Vua Việt gọi Phạm Lãi lại nói: «Vì không nghe lời ông cho nên đến nỗi này, biết sao bây giờ ?» Lãi tâu: «Đầy mà không tràn là đạo Trời, khiêm nhường là đạo người, tiết dụng là theo phép đất: Đưa đồ lễ hậu sang, lấy lời nói nhún nhường của khúm núm, không để cho lấy nước Việt mà tự đem thân mình sang hầu hạ!» (1)

Nếu căn cứ vào dòng dõi Việt vương Câu Tiễn thì theo bộ sử cổ điển nhất của Tư Mã Thiên, một sử gia danh tiếng thế kỷ I trước Công nguyên thì chủng tộc Việt nam bắt nguồn từ nhà Hạ bên Tầu (2205 — 1770 tr. C.n.) mà họ Hồng Bàng theo Việt sử có từ 2879 tr. C.n, bắt đầu từ Kinh Dương Vương, truyền đến Hùng Vương tên nước là Văn lang, đóng đô ở Phong châu. Phong châu theo sử cũ thì phía Đông đến bể, Tây đến Ba thục, Bắc đến Động đình hồ, Nam tiếp giáp với Hồ tôn. (2)

«Việt sử lược» là bộ sử đầu tiên của Việt nam cũng viết rõ hơn:

«Xưa Hoàng đế dựng muôn nước thấy Giao chỉ ở xa ngoài cõi Bách Việt, không thể thống thuộc được bèn chia giới hạn ở góc Tây Nam.

«Đến đời Thành vương nhà Chu (1024-1005 tr C. n.) Việt Thường thị mới đem dâng bạch trĩ, sách Xuân Thu, gọi là

---

(1) Tư Mã Thiên — Sử ký q. 41, ch. 11 — «Việt vương Câu Tiễn thế gia.»

(2) Việt sử tiêu án.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

Khuyết địa Đài ký (Lễ ký Đại Đái, Tiểu Đái chú) gọi là Điêu đề.

« Đến đời Trung vương nhà Chu (696-682 tr C. n.) ở bộ Gia ninh (tức là Mê linh nhà Hán). Phong châu đời Đường quê hương của Trưng Trắc mà theo truyền thuyết là dòng dõi Hùng Vương) có người lạ, dùng ảo thuật áp phục được các bộ lạc, tự xưng là Hùng Vương, đóng đô ở Văng lang, hiệu là nước Văn lang, phong tục thuần hậu, chất phác, chính sự dùng lối kết nút. Truyền được 18 đời đều gọi là Hùng Vương. Việt Câu Tiễn (505-465 tr. C.n.) đã sai sứ tới dụ, Hùng vương chống cự lại.

« Cuối đời Chu, Hùng vương bị con vua Thục là Phán đánh đuổi mà lên thay. Phán đắp thành ở Việt thường, xưng hiệu là An Dương Vương, không thông hiếu với nhà Chu.

« Cuối đời Trần, Triệu Đà chiếm cứ Uất lâm Nam hải, Tượng quận, xưng vương đóng đô ở Phiên ngung, quốc hiệu là Việt, tự xưng là Vũ vương » (1).

Trong các đoạn văn sử kiện chính thức của Tầu và Ta thì có điểm nào là sự thực, điểm nào là truyền thuyết ?

Ông giáo sư Henri Maspéro, trường E.F.E.O. Viễn đông Bác cổ học viện, có căn cứ vào hai chữ Văn lang để mô tả xã hội cổ xưa của giống người Việt trên đất Giao chỉ. Truy nguyên hai chữ Văn lang, H. Maspéro viết : « có sự lầm lẫn giữa chữ Văn lang với chữ Dạ lang. Sự sai lầm không phải hoàn toàn là một giả thuyết ; những bản văn chứng rằng sự lầm lẫn đó đã sẩy

---

(1) Việt sử lược I, 1b.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

ra thực. Sách « Thông điển » viết : « Phong châu là nước Văn lang cũ và chú thích rằng hiện nay có con sông con gọi là sông Văn lang.» (q, 184. tr. 25b.) Sách «Nguyên hòa quận huyện chí » lại viết : « Phong châu là tên nước Dạ lang cũ. Thực vậy, hiện nay thuộc huyện Tân xương có con sông Dạ lang. Thế mà vào khoảng đầu đời nhà Hán có một nước Mèo ở về phía Nam Trung hoa tên gọi là Dạ lang chiếm một phần tỉnh Quảng tây và Quế châu. Về phía Tây giáp nước Điều của người Lô lô miền Tây tỉnh Vân nam bấy giờ, phía Đông hồ Vân nam. Nhưng người ta biết rằng nước Mèo đã qui phục nhà Hán năm 111 tr. Tây lịch và gọi là Kiện vi. Sau này quận đó chia làm hai, quận Kiện vi ở phía Bắc và quận Thương ngô ở về phía Nam. Nếu muốn biết rõ biên giới của hai quận này thì cũng không khó khăn lắm. Cuối đời Tiền Hán, quận Kiện vi phía Bắc và phía Tây giáp sông Dương tử giang ngăn quận Kiện vi với quận Ba. Còn quận Thương ngô thì phía Bắc giáp quận Kiện vi, phía Tây giáp quận Tấn ninh tức là nước Điền cũ, phía Đông Bắc giáp quận Vũ lăng tức là quận Kiến trung đời nhà Tấn. Ở đó có hồ Động đình ». (1)

«Vậy người ta có thể nói rằng, nước Dạ lang một mặt thì giáp quận Ba thục và một mặt thì giáp hồ Động đình. »

Đấy là Văn lang về khu vực địa lý. Maspéro còn truy nguyên Văn lang về ý nghĩa chủng tộc nữa như sau :

---

(1) H. Maspéro, Le royaume de Văn lang. BEFEO t. XVIII, 3, 1918.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

« Nhưng cái tên Văn lang ở đâu mà ra? Một tên không thấy nói đến trong văn chương đời xưa cho tới thời Đường xuất hiện một cách đột nhiên, và lúc bấy giờ đã bị lầm với tên Dạ lang. Phải chăng người ta tự hỏi cái tên đó là do một sự lẫn lộn khác? Sách « Lâm ấp ký » đặt về phía Nam huyện Chu ngô trong hạt Nhật nam, nơi có giống mọi gọi là Văn lang (sách Thủy kinh chú, Thái bình hoàn vũ ký cũng có ghi như thế). Họ không biết xây nhà, ở trên cây, ăn cá và thịt sống, buôn bán các chất thơm. Họ lấy tên họ đặt cho con sông phía Nam huyện ấy. Văn lang Cứu... sau này họ lại lầm Văn lang với Dạ lang, thành thử họ cho Văn lang ở quận Phong thuộc địa phận huyện Bạch hạc và Việt trì ngay nay, đồng thời lại viết lầm hai chữ mà sử gia Việt nam đã chép theo. »

Đoạn văn suy diễn trên đây của Maspéro toàn là suy từ giả thiết lầm chữ nọ ra chữ kia của người xưa, thật cũng khó cho chúng ta tin, duy có chữ Văn lang là tên một giống người ở phương Nam Trung hoa là đáng cho chúng ta để ý.

Sách Sử ký của Tư Mã Thiên chép lại đoạn văn ở Chiến quốc sách (q. 6 tờ 21) thế kỷ thứ III trước Tây lịch : « tiễn phát văn thân thố tí tả nhậm Âu việt chi dân dã » (Sử ký q. 43 tờ 9).

Sách Hoài Nam tử (q. 1 tờ 4) cũng có đoạn viết về tục người Việt, và là tài liệu xưa nhất về ký chú : « Cửu nghi chí Nam, lục sự quả nhi thủy sự chúng. Ư thị dân nhân bị phát văn thân dĩ tượng lân trùng. »

Nghĩa là : « Phía Nam Cửu nghi (tức Thương ngô) người ta

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

làm việc trên bộ ít mà làm việc dưới nước nhiều. Bởi thế nên nhân dân cắt tóc ngắn, vẽ mình để bắt chước thuồng luồng. »

Theo Giáo sư La Hương Lâm là nhà sử học danh tiếng Trung quốc hiện đại, trong tác phẩm « Bách Việt nguyên lưu dữ văn hóa » : Việt tộc thời cổ lấy cắt tóc vẽ mình « bị phát văn thân » làm dấu hiệu đặc trưng duy nhất. Mặc tử thiên « Công Mạnh » « Việt vương Câu Tiễn tiền phát văn thân. »

Hán Phi tử thiên Thuyết lâm :

« Lũ vì lí chi dã, nhi Việt nhân tiện hành, cảo vi quán chi dã, nhi Việt nhân bị phát » : « dép gai làm giầy mà người Việt đi chân, the lụa làm mũ mà người Việt búi tóc. » « Hán thư địa lý chí » viết :

« Nay Thương ngô, Uất lâm, Hợp phố, Giao chỉ, Cửu chân Nam hải, Nhật nam đều là địa phận của người Việt, là sau vua Vũ, con thứ vua Thiếu Khang đế, được phong ấp ở Cối kê, vẽ mình cắt tóc để tránh cái hại về giao long, thuồng luồng, cá sấu. »

Tóm lại, các sách cổ Hán văn đều ghi từ kỷ nguyên trước kỷ nguyên Thiên chúa, ở phương Nam nước Tầu ngày nay có một giống người có tục vẽ mình, Văn lang phân chia ra nhiều bộ lạc mà sử gia giáo thụ La Hương Lâm đã kê cứu : Ô việt, Âu việt, Mân việt, Dương việt, Sơn việt, Nam việt, Lạc việt, Tây Âu việt, Việt thường, Đan việt, Đằng việt, Điền việt, Việt tủy, Cứu việt, Dạ lang, Quì việt v.v... Đấy là tổng danh Bách việt vậy.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

Giáo sư L. E. Aurousseau Trường Viễn đông E.F.E.O. cũng căn cứ cái tục Văn lang, nghĩa đen là bộ lạc giống người vẽ mình để truy nguyên nòi giống Việt, căn cứ vào đoạn văn Sử ký sau đây :

« Tiễn phát văn thân thố tí tả nhậm Âu Việt chi dân dã. » (Sử ký q. 43 tờ 9).

Nghĩa là :

« Cắt tóc vẽ mình, khoanh tay, áo cài bên trái, đấy là tục của dân Âu việt. »

Và chú giải của Tư Mã Thành rằng : « Họ Lưu bảo ngày nay (đầu thế kỷ thứ VIII) người quận Châu nhai và Đàm nhĩ có Âu Việt. »

Trương Thủ Tiết (737) giải thích :

«Tôi nghĩ gọi là Âu việt bởi vì dân ấy thuộc về Nam việt. Theo « Dư địa chí » thì Giao chỉ là xứ Lạc việt thời nhà Chu (841-256 tr C. n.), đến thời nhà Tần gọi là Tây Âu. Vẽ mình, ngắn tóc để tránh rồng (cá sấu). Nếu người ta gọi là Âu lạc phía Tây (Tây Âu lạc) là cũng vì xứ ấy ở về Tây nam quận Phiên ngung. Việt với Âu lạc đều họ Mi. Thế Bản nói người Việt họ Mi cùng với người Sở một tổ vậy. »

Rồi Aurousseau suy luận rằng :

« Đoạn văn sử ký Tư Mã Thiên với lời chú giải và văn trích dẫn rất đáng chú ý về nhiều mặt. Những nét phong tục phác họa ở đấy ứng dụng vào cho nhân dân miền Lưỡng quảng

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

và Bắc kỳ hiện nay vào thời thế kỷ thứ III thứ II trước Công nguyên Tây lịch. Không có gì phân biệt giữa nhân dân trên lãnh thổ rộng lớn ấy cả. Điều ấy rất hợp cho các bộ lạc miền cực Nam là dân An nam trước Công nguyên cho nên có thể kết luận là toàn thể nhân dân tỉnh Quảng đông, Quảng tây và đảo Hải nam là giống người Việt nam trước thế kỷ II tr. T.c. Một danh từ nhân chủng là Việt chỉ định tổng quát.

« Mặt khác, một tên họ Mi thời ấy được xác nhận cho người Việt, — Việt Quảng đông và Việt Phúc kiến. Như vậy có sự quan hệ mật thiết về dòng dõi giữa nhân dân Phúc kiến và nhân dân các xứ Việt nam vào thế kỷ thứ III tr. Thiên chúa.

« Danh từ Việt vào giữa thế kỷ thứ IV trước kỷ nguyên Thiên chúa còn ứng dụng cho một nước mà kinh đô ở tại tỉnh Thiệu hưng (Triết giang) ngày nay. Theo tôi hiểu thì nhân dân của nước ấy là nước Đại việt thuộc về nòi giống Việt phương Nam tức là giống người Việt nam vậy.

« Thực thế, Tư Mã Thiên nói ở thiên sách sử ký về « Việt thế gia ! »

« Tổ Câu Tiễn là dòng vua Vũ... Văn thân đoạn phát... »

Danh từ « văn thân đoạn phát » đúng như danh từ được dùng ở « Chiến quốc sách » (thế kỷ III tr. T.c) ở sử ký (cuối thế kỷ II tr. T.c.) và ở « Tiền Hán thư » (thế kỷ I đầu kỷ nguyên) để nói về phong tục giống nhau của giống người Việt, Việt phương Nam và Âu việt tức Việt nam.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

« Một tác phẩm khác cổ xưa, chuyên nói về sự suy bại của nước Việt là « Việt tuyệt thư » (thế kỷ I kỷ nguyên Tây lịch) cũng nói ở mục Bản sự rằng : « Vua Việt Câu Tiễn, ở miền duyên hải phía Đông và cai trị một dân mọi vẽ mình. » Cái tên Việt với tục « Văn thân » giống nhau ấy là xác chứng danh từ Việt phổ thông chỉ định vào thế kỷ III tr. kỷ nguyên T.c. cho toàn thể chủng tộc nhân dân các tỉnh Trung hoa miền Nam và các xứ Việt nam.»

« Cùng một nhân chủng Việt, cùng một họ Mi và cùng một phong tục, như vậy phải kết luận rằng người Việt nam nguồn gốc ở nước Việt xưa, thiết dựng tại miền Triết giang từ bao giờ không biết và, lần đầu thấy ở trong lịch sử chính thức vào cuối thế kỷ IV trước kỷ nguyên Thiên chúa. » (1)

Vậy có thể nói chắc rằng thời cổ xưa ở miền Nam nước Trung hoa có một giống người theo tục vẽ mình gọi là « Văn thân », « Văn lang » phân biệt với giống người Hán tộc ở trên phía Bắc Trung hoa, trong lưu vực Hoàng hà, còn lưu vực Dương tử kể từ nước Sở trở xuống là khu vực sinh hoạt của Việt tộc Văn lang, họ Mi gọi chung là Bách việt, mà Việt vương Câu Tiễn ở kinh đô Cối kê, miền Triết giang đã từng có một thời đế bá oanh liệt. Bởi thế nên trong thơ « Sở từ » của Khuất Nguyên mới có lời ai oán, tiếc nhớ : »

Răng đen mình trổ dọc ngang.

---

(1) L. Aurousseau. La première conquête chinoise des pays Annamites, (IIIè siècle avant notre ère) BEFEO, T. XXIX — 1929).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Và lời thơ của Vua Trần Nhân Tông giữa lúc vận nước điêu linh đã nói cho Thượng tướng thống lĩnh quân dân cứu quốc :

Cối kê cựu sự quân tu ký !

như đã dẫn trên để chứng minh nhà Trần vẫn nghĩ đến dòng dõi Việt tộc Câu Tiễn ở Triết giang thuở xưa. Hơn nữa chính sử của ta đều chép về nhà Trần sự kiện sau đây :

« Thượng hoàng (Nhân Tông) thường ngự Trùng quang cung, Đế (Anh Tông) lai triều Quốc Công, Quốc Tuấn, Thượng hoàng viết : — « Ngã gia bản hạ lưu nhân, thế thượng hùng dũng, mỗi thích long thoa ư bề gian, thế nghiệp vũ, nghi văn bề thị bất vong bản » — Thời văn thích công dĩ sĩ mệnh cung môn ngoại ; Đế tư Thượng hoàng tha cố, tức hồi Trùng hoa cung. Lương cửu Thượng hoàng vấn Quan Gia hà tại. Tả hữu đối viết : — Dĩ hồi Trùng hoa cung hỷ !

« Thượng hoàng viết : — Quan Gia dĩ độn da ? Tắc văn thích Huệ Vũ, Quốc Chân, Quốc Phụ bề gian hữu long hoa chi thích. Thị hậu tự hoàng vô văn bề do Anh Tông thủy».

«Hựu quốc sơ quân sĩ giai hồn thích long văn ư phúc, bối cập lưỡng bề, vị chi thái long. Cái Tống thương khách kiến ngã Việt dân thích long văn ư thân vị hải giao úy long văn, tao phong châu trầm, giao bất cảm phạm, cố tự viết thái long dã. » (1)

Dịch nghĩa :

« Thượng hoàng (Nhân Tông) thường ngự ra cung Trùng

---

(1) Ngô Sĩ Liên, Đại Việt Sử ký Toàn thư. q. 6. — Trần kỷ Anh Tông.

quang. Vua (Anh Tông) đến chầu có Quốc Công, Quốc Tuấn đi theo. Thượng Hoàng nói :

— « Dòng nhà ta vốn sống nghề thuyền chài, đời đời hùng dũng ai ai đều xâm vẽ ở đùi. Đời nọ sang đời kia chuộng võ nghệ nên phải xem xâm vẽ đùi tỏ ra không quên gốc. Bấy giờ người thợ xâm mình đang chờ ở cửa để thừa hành mệnh lệnh. Vua Anh Tông liếc thấy Thượng Hoàng nhìn đi chỗ khác bèn bỏ về cung Trùng hoa. Một lát sau Thượng Hoàng hỏi : Vua đâu ? Tả hữu tâu rằng Vua đã về cung Trùng hoa. Thượng Hoàng nói : — Vua đã trốn chăng ? Mới chỉ xâm mình cho Huệ Vũ vương, Quốc Trân vương, Hưng Đạo vương ở đùi cái hình rồng « long thoa ». Từ đấy về sau các vua nối nghiệp nhà Trần không có xâm vẽ đùi nữa là bắt đầu từ vua Anh Tông vậy.

« Buổi đầu lập quốc nhà Trần, quân sĩ đều cùng xâm vẽ hình rồng ở bụng, ở lưng và ở hai bên đùi, gọi là « thái long » « vẻ rồng ». Bởi vậy mà lái buôn nhà Tống thấy dân Việt ta xâm vẽ hình rồng vào thân mình mới bảo là giống thuồng luồng ở biển sợ hình rồng, thuyền đi biển gặp gió chìm đắm thì thuồng luồng không dám làm hại cho nên tự gọi là « thái long » « vẻ rồng » vậy. »

Xem đấy đủ thấy rằng không những ở giới lãnh đạo có những người hiền năng « văn hiến » thuộc người phương Bắc, di cư xuống Việt nam, lai máu định cư ở đấy lâu năm với người bản xứ, mà còn có cả lớp người bình dân như họ Trần dòng Việt tộc phương Nam Trung hoa đã di cư xuống Việt nam còn giữ những tập tục cổ truyền Văn lang.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Ngoài ra, bên cạnh cái nền Văn hiến dòng Việt Câu Tiễn trong nền Văn hiến Việt nam kể từ thế kỷ thứ IV, thuộc về sử kiện lịch sử, ngày nay người ta lại chứng minh cách chính xác sự có thật của Văn hiến Ba thục (Tứ xuyên) trong lịch sử dân tộc Việt nam.

Theo Lã Sĩ Bằng trong tác phẩm « Bắc thuộc thời kỳ đích Việt nam » do « Đại học Trung văn » ở Hương cảng xuất bản có trình bầy sự kiện về tiền sử văn hóa Thục Việt như sau :

« Qua sự khai quật khảo cổ cận đại, người ta thấy chứng minh hai khu vực văn hóa trên rất giống nhau. Sự phát hiện về tiền sử ở Tứ xuyên có thể phân ra 4 thời kỳ đồ đá :

1) thời đồ đá đẽo,

2) thời đồ đá truốt đẽo,

3) thời đồ đá đẽo, truốt, mài,

4) thời đồ đá mài sáng.

« Trong bốn loại ấy, thì loại thứ 1 và thứ 2 thấy ở tầng lớp vị trí trước sau rõ ràng giống hệt với văn hóa Hòa bình và Bắc sơn ở Việt nam. Như thế có nghĩa là thời đại Trung thạch khí (Mesolithic) ở Tứ xuyên đến thời đại Á tân thạch khí (Sub-Neolithic) thì giống với văn hóa Việt nam thời đại Hòa bình Trung thạch khí, và thời đại Bắc sơn Nguyên tân thạch khí (Proso-Neolithic). »

Đại thể thì kỹ thuật thời tiền sử của hai khu vực văn hóa chỉ là một, có đường lối thông đồng. Chủ nhân của văn hóa

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Hòa bình ở Việt nam thuộc về chủng tộc « Proto-Australoid » và « Proto-Melanésoid », còn chủ nhân của văn hóa Bắc sơn thành phần chủ yếu thuộc về « Indonesian » và « Proto - Melanésoid ».

Về văn hóa thời đại Thanh đồng thuộc đồ kim khí ở Việt nam gọi là văn hóa Đông sơn lấy Trống đồng đại biểu cho nên gọi là văn hóa Trống đồng. Di tích phát hiện Trống đồng thấy ở một khu vực địa lý rộng lớn chu vi gồm lục địa Đông Nam Á châu, bán đảo hải đảo từ Tứ xuyên cho đến (Malacca) quần đảo Ma-lộc-da. Theo giáo sư Lăng Thuần Thanh từng nghiên cứu thì bắt đầu khởi đúc trống đồng là ở Trung quốc Bách việt mà Hoa trung là địa khu từ xưa của dân tộc Bách việt chiếm cứ sinh hoạt. Theo sự phát hiện trống đồng tới cổ ở Hoa trung thì thấy nhiều nhất ở huyện Hưng văn tỉnh Tứ xuyên. Còn ở bán đảo Đông dương thì trống đồng Lạc việt ở Bắc kỳ và Bắc Trung kỳ là có danh tiếng hơn cả. F. Heger, nhà khảo cổ học gọi trống đồng Lạc việt thuộc hạng thứ nhất.

Khảo về dân tộc Bách việt thời cổ, bao hàm Bách việt miền Đông Nam với Bách bộc miền Tây Nam Trung quốc thấy rằng thời cổ xưa khu vực địa lý của nước Thục với Bách việt vốn liền với nhau.

Theo « Hoa dương Quốc chí » q. 3 Thục chí :

« Vua Vũ nhà Chu đánh vua Trụ cùng với nước Thục. Đất Thục phía Đông liền với nước Ba, phía Nam giáp với nước Việt, phía Bắc phân giới với nước Tần, phía Tây gồm núi Nga và núi Phồn, đất ấy xưng là Thiên phủ. »

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Nước Thục giao thông với bên ngoài rất phát đạt. Sự giao thông ấy lấy Điền (Vân nam), và đất Kiềm làm chủ yếu, mà sự mở mang đất Vân nam lại hướng vào nước Thục làm trọng tâm để buôn bán mậu dịch. Vân nam với Bắc việt liền tiếp với nhau, từ thời cổ xưa hai miền giao thông rất thịnh, cho nên thời cổ sự giao thông giữa Tứ xuyên với Bắc việt chắc hẳn là tấp nập. Bấy giờ miền hạ lưu sông Trường giang chưa có ảnh hưởng khai hóa của Hán tộc, mãi đến thời Chiến quốc (dân mà người Hán gọi là Man di phía Tây trong vùng Tứ xuyên — Bắc việt, và « Tây nam di ở Điền, Kiềm (Vân nam, Quý châu ngày nay), nước Tần, nước Sở đang đua tranh vũ lực để thôn tính, kết quả là vua nước Sở Trang Kiêu làm vua Điền (Vân nam) nước Tần chiếm lấy nước Ba, nước Thục, nước Kiềm tức Quý châu.

Theo Hoa dương Quốc chí q. 1 Ba chí viết : « Chu Thuận (Thuyến) làm vua 5 năm (316 tr. T. c.) vua nước Thục đánh chúa Tư, chúa Tư chạy vào nước Ba, nước Ba xin nước Tần cứu. Vua Tần Huệ Văn sai Trương Nghi, Tư Mã Thác đi cứu nước Tư, Ba, bèn đánh nước Thục mà diệt đi.

Từ Chu Thuận Tỉnh làm vua 5 năm (316 tr. Tây nguyên) nước Thục mất về nước Tần, cho đến Chu Báo làm vua 58 năm (257 tr. Tây nguyên) An Dương Vương là Thục Phán xưng vua ở Việt nam, thời gian cách nhau là 59 năm. Trong khoảng thời gian ấy, người dân nước Thục chịu sự áp bách của thế lực quân sự nhà Tần, tập đoàn chống đối quân Tần dần dần đi xuống phương Nam, đi vào bắc bộ Việt nam, cùng với vua Hùng

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Vương nước Văn lang đánh nhau tranh dành. Lúc đầu, vì thế lực còn yếu, luôn luôn bị thua, mãi sau mới chinh phục được Văn lang. Về việc An Dương Vương từ nước Thục đi vào nước Việt, thì sách sử xưa của Tầu và Việt đều không ghi chép lịch trình tiến triển, nhưng cuộc chiến tranh giữa nước Tần và nước Thục có thể tìm thấy dấu vết ở cuộc thiên di về phương Nam của tập đoàn vương thất nước Thục chống đối với nhà Tần.

« Hoa dương Quốc chí » q. 3 mục Thục chí viết :

Chu Thuận Tĩnh làm vua 5 năm, quan đại phu nhà Tần là Trương Nghi, Tư Mã Thác, Đô Úy Mặc cùng theo đường Thạch ngưu đánh nước Thục. Vua nước Thục từ đất Hạ Manh chống cự, thất bại, vua chạy trốn đến đất Vũ dương bị quân Tần giết hại. Tướng, Phó cùng Thái tử rút lui về Bàng hương, chết ở dưới núi Bạch lộc, họ Khai minh mới hết, làm vua nước Thục 22 đời. »

Lã Sĩ Bằng trong « Bắc thuộc thời kỳ đích Việt nam » suy diễn sử kiện trên đây như sau :

« Xét việc vua Thục bị ở đất Vũ đương, ngày nay là Bái sơn, vị trí ở phía Nam Thành đô, trên bờ sông Manh khoảng giữa đến như Bàng hương núi Bạch lộc ngày nay ở đâu thì không thể tìm xét, chỉ nên hiểu là ở phía Nam núi Bành, thế nhân vì quân Tần từ phía Bắc xuống miền Nam, tập đoàn người Thục chống đối quân Tần bị thua mà hướng phương Nam để thoái lui vậy. Từ đấy về sau 59 năm có lịch sử đích thực là vua Thục Phán làm vua Việt. Chúng ta có thể suy định rằng vua Thục bị hại

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

ở Vũ dương, quan Tướng, Phó, Thái tử đều chết ở núi Bạch lộc, sau đấy đảng vua Thục còn lại mới suy tôn con hay cháu nhà vua lên tiếp tục chạy về phương Nam, theo hạ lưu sông Manh tiến vào khu đất tiếp giáp giữa Quý châu và Vân nam thuộc phạm vi thế lực người Sở... Nhưng khu đất giao tiếp giữa Quý châu (Kiềm) và Vân nam (Điền) thời Hán là Trường kha là đất thủy lảo nghèo nàn. Thục vốn là nước Thiên phủ, người Thục khó ở lâu tại đất ấy được, vã thế lực quân Tần đang rất mạnh, dòng dõi vua Thục hết hy vọng khôi phục lại đất cũ mới tìm phát triển về phương Nam tiến vào đất bình nguyên Bắc việt, khí hậu ôn hòa, nông sản phì nhiêu, cùng với Hùng Vương tranh chiến, nhiều phen thất bại đến đời Chu Bảo vương năm 518 (tr. Tây nguyên 257) mới chinh phục được Văn lang.

«Sách sử Trung hoa và Việt nam đều có ghi nhận giai đoạn lịch sử giữa Thục Phán An Dương Vương đánh nhau chinh phục Hùng Vương ». (1)

Xem thế đủ biết chắc chắn là có sự cống hiến vào văn hiến nước Việt nam của nòi giống Bách bộc bên cạnh sự cống hiến của Bách việt. Sự hiện diện của Bách bộc do Thục An Vương với tập đoàn nhà Thục từ Tứ xuyên đi xuống qua Quý châu và Vân nam phía Tây Bắc Bắc việt ngày nay mà di tích là kiểu thành Cổ loa vốn của nước Ba thục.

---

(1) Lã Sĩ Bằng — Bắc thuộc thời kỳ đích Việt nam, Đông Nam Á nghiên cứu chuyên san số 3.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Một khi đã chứng nhận có Thục An Dương Vương vào thế kỷ thứ III trước kỷ nguyên Thiên chúa thì phải công nhận có Hùng Vương của nước Văn lang, là chủ nhân đất Bắc việt trước khi tập đoàn vua Thục Phán chinh phục.

Căn cứ vào kết quả của khảo cổ học của Trường Viễn đông Bác cổ E.F.E.O. trước đây ở Thanh hóa, Bắc ninh (Bắc Việt nam), và ở Ốc eo (Nam Việt nam). Giáo sư Olov Janse, hội viên của Viện, đã tổng kết về « Việt nam ngả ba của dân tộc và văn minh » (carrefour de peuples et de civilisations) ed. France-Asie Tokyo 1961, tr 1645 — « Theo một ý kiến thông thường trước đây thì văn minh Việt nam hoàn toàn từ lưu vực sông Dương tử di chuyển xuống vào thế kỷ thứ IV tr. T. c. Dân mới đến định cư tại Bắc việt hiện thời đã mang theo một thứ văn hóa lai Tầu để rồi dần dần trở nên mô thức bản xứ. Thuyết ấy thiếu căn cứ, không dựa vào một cơ sở chắc chắn và không được hoặc khảo cổ học, hoặc ngữ học, hoặc nhân chủng học công nhận ấn chứng. Những phát hiện trong khoảng 30 năm gần đây chứng minh trái lại rằng văn minh Việt nam đã tuần tự phát triển ở miền Bắc việt và Trung việt từ những pha trộn chủng tộc và những công hiến văn hóa mà nguyên lai phải tìm không những ở Tầu mà là ở các biên giới phía Tây lục địa Á châu.

Nếu người ta nghiên cứu về thời gian tính sự thành lập cá tính văn hóa thuần túy Việt nam người ta có thể phân biệt được ba giai đoạn, mỗi giai đoạn có một đặc tính kỹ thuật nhất định.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Giai đoạn thứ nhất ngày nay gọi là văn minh Đông sơn bao quát một thời đại giữa kỷ nguyên trước Thiên chúa đến đầu kỷ nguyên sau Thiên chúa. Về khu vực Địa lý của kỹ thuật này thì thuộc miền Tây Nam Trung hoa mà dân cư ở đấy không phải Tầu, bao hàm khắp bán đảo Đông dương (Indochine) và một phần các xứ Ngoại Ấn. Về Việt nam thì văn minh Đông sơn phần lớn của dận tộc Proto-Melanésoid Indonesian.

Giai đoạn thứ hai là đặc trưng của kỹ thuật Lạch trường bao quát đại khái ba thế kỷ trước và sau kỷ nguyên Thiên chúa. Nó chi phối một khu vực không được giới hạn rõ rệt nhưng gồm một phần Tây Nam Trung hoa Bắc việt và một vài tỉnh Trung việt. Văn minh thời kỳ này là của chủng tộc phần lớn nguồn gốc Thái.

Hai nhóm trên đây ảnh hưởng quyết định không những vào văn minh Việt nam mà còn vào cả văn minh của nhân dân miền núi hiện đang sinh hoạt ở Tây Nam Trung hoa và phần lớn miền Đông Nam Á.

Giai đoạn thứ ba là văn minh Óc eo mà đặc trưng là kỹ thuật thuộc thời kỳ đầu thế kỷ thứ II sau T.c. cho đến năm 500. Nó bao quát một khu vực hãy còn chưa định rõ gồm miền Nam Việt nam và cũng phải đã ảnh hưởng ít nhiều vào các dân tộc sinh hoạt thời ấy theo bờ biển phía Bắc đến tận Thanh hóa. Văn minh Óc eo thuộc hẳn về dân tộc Ấn độ hay là Indo-Scythe (Nguyệt thị) hình như có giao dịch thông thương trực tiếp hay gián tiếp với miền Cân đông và Đông La hy. »

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Những suy đoán trên đây của nhà khảo cổ học về tiểu sử Việt nam trên dãi đất Bắc việt có vẻ chính xác hơn là những suy luận về tài liệu sử ký Tầu.

Tiếp tục công cuộc khảo cổ trên đây của Trường Viễn đông, Viện Bảo tàng Hanoi năm 1963 có phát hiện ở vị trí Văn điển gần Hanoi những dụng cụ thuộc về thời kỳ « Nguyên tân thạch khi » (Upper Neolithic). Và ông Văn Tân đã suy đoán rằng : « Những hình dạng, kiểu thức và kỹ thuật sản xuất của chúng, cũng như những chất liệu nhắc lại những phát hiện ở Phùng nguyên (Phú thọ có đền Hùng). Vị trí của nơi phát hiện ở trung tâm trung châu chứng minh rằng 5.000 năm về trước Tiên tổ chúng ta đã định cư tại đấy.» (1)

Còn về thời đại đồ đồng thì những phát hiện mới đây ở Bắc việt, vẫn theo tài liệu ông Văn Tân dịch thuật ra Anh ngữ trên đây thì :

« Một kho tàng gần 10.000 đầu tên nỏ bằng đồng đã khai quật ở Cổ loa (kinh đô Thục An Dương Vương gần Hanoi) ngày 17 tháng 7 năm 1959. Những đầu tên ấy đều lớn khổ, ba cạnh... Tất cả những đầu tên nỏ ấy đều tương tự với đầu tên của người Tầu thời Chiến quốc (468-200 tr. T.c.)

Ở vị trí Việt tiên (Phú thọ) phát hiện năm 1961 trong khoảng đất chu vi 400 thước vuông, người ta thấy những mảnh đồ gốm, trang trí rất phong phú, mà đề tài thì tương tự với

---

(1) The beginnings of archaeology in the Democratic Republic of Việt nam — Xunhasaba-Hanoi.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

đề tài trang trí trên đồ khai quật được ở Phùng nguyên. Hơn nữa, trong sự phát hiện thấy có đến 54, 3 phần trăm đồ bằng đá, điều nầy chưa từng thấy ở các vị trí « thời đại đồ đồng » khác. Còn đồ đồng ở đây, phần lớn bị hủ hoại, thì đại khái là đồ nhỏ như lưỡi câu và vòng khuyên hoa tai. Chúng khác hẳn với những đồ phát hiện ở Đông sơn, do đấy mà có thể kết luận rằng Văn minh Việt tiên (hay Phùng nguyên) có trước thời Đông sơn và các thời đồ đồng khác đã được khám phá ở Việt nam.

Tháng 9 ngày 14 năm 1960 sẩy bờ sông lở ở vị trí Dao thịnh (Yên bái, phía trên Phú thọ) làm xuất hiện một cái cóng bằng đồng có nắp cao 0, m 84 và rộng 0, m 70. Trên sườn có trạm trổ hình thuyền, người và chim (như ở trên trống đồng Đông sơn) trên nắp có 4 đôi tượng, đàn ông đàn bà đang giao hợp... Việc lở núi ngày 24 tháng 9 năm 1962 lại làm xuất hiện một cái trống đồng lớn.

Theo giáo sư khảo cổ học người Nga là Boriskoswki đã hướng dẫn Viện lịch sử Hanoi thì sự phát hiện vị trí Núi Do ở Thanh hóa chứng minh miền ấy là một trung tâm văn minh thạch khí thời đại cổ nhất. Nó xác nhận cái giả thuyết khoa học cho rằng Việt nam và toàn cỏi Đông dương là một khu vực có lẽ đã là một trong những cái nôi của nhân loại. »

(Thuật theo tài liệu đã dẫn trên).

Kết luận của khảo cổ Bắc việt hiện thời trên đây cũng phù hợp với kết luận của nhà khảo cổ học Mỹ, ở Thái lan là

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Wilhelm G. Solheim H. Ph. D, đăng tải ở tạp chí National Geographic Vol 139 n. 3 tháng 3-1971, dưới nhan đề « New light on Forgotten Past » :

« Tôi đồng ý với Sauer rằng sự thuần thục các thứ cây ở thế giới đã là công trình của nhân dân thuộc văn hóa Hòa bình ở một địa điểm Đông Nam Á. Tôi không thấy ngạc nhiên nếu sự kiện bắt đầu sớm nhất từ 15.000 năm trước Dương lịch.

« Tôi nghĩ rằng những đồ đá sắc cạnh có sớm nhất tìm thấy ở miền Bắc châu Úc 20.000 năm trước Dương lịch nguyên lai thuộc Hòa bình. Người ta hiện biết rằng đồ gốm sớm nhất là thấy ở Nhật bản khoảng 10.000 tr. T.c. Tôi mong rằng khi nào có nhiều phát hiện về văn minh Hòa bình với đồ gốm có dấu dây thừng được qui định thời đại tinh, bấy giờ chúng ta sẽ thấy loại đồ gốm ấy là do dân ở Hòa bình chế tạo vào trước 10.000 tr. T.c.

Thuyết tập truyền cho rằng tiền sử Đông Nam Á đã di chuyển từ phương Bắc xuống, mang theo những tiến triển quan trọng về nghệ thuật. Tôi thấy trái lại rằng văn hóa Nguyên tân thạch hệ (Proto-Neolithic) phía Bắc Trung hoa gọi là văn minh Yang-shao đã do trình độ thấp văn hóa Hòa bình phát triển lên từ miền Bắc nam Á vào khoảng kỷ nguyên thứ VI hay thứ V tr. T.c.

« Tôi có ý kiến rằng văn hóa sau này được gọi là Lungshan mà người ta xưa nay vẫn cho nó xuất phát ở Yangshan phía Bắc Trung hoa, rồi mới bành trướng sang phía Đông và Đông

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nam, thì thực ra cả hai nền văn hóa ấy điều phát triển từ căn bản Hòa bình.

« Việc dùng thuyền độc mộc có lẽ đã được sử dụng trên các dòng sông nhỏ ở Đông Nam Á từ lâu, trước kỷ nguyên thứ V tr. T.c. Tôi tin rằng việc di chuyển bằng thuyền ra ngoài bể bắt đầu khoảng 4000 tr. T.c. tình cờ đã đi đến Đài loan và Nhật bản đem theo nghề trồng khoai sọ và có lẽ các hoa mầu khác.

« Vào khoảng kỷ nguyên thứ III tr. T.c. các dân tộc Đông Nam Á đã lành nghề đi thuyền mới đi sang các đảo Nam dương và Phi luật tân. Họ đem theo kiểu nghệ thuật kỷ hà học như các hình vòng tròn xoáy ốc, hình tam giác và hình chữ nhật vẽ trên đồ gốm, trạm vào gỗ, xâm vào mình, quần áo bằng vỏ cây và sau đến là vải dệt. Đấy là những hình tượng thấy trên đồ đồng ở Đông sơn (Thanh hóa) mà có giả thuyết cho nó đã từ Đông Âu đưa đến.

« Dân tộc Đông Nam Á cũng đã di chuyển sang phía Tây, đạt tới Madagascar có lẽ vào khoảng 2.000 trước. Có lẽ họ đã cống hiến một số cây thuần thục cho nền kinh tế miền Đông Phi châu.

« Vào khoảng đồng thời ấy có sự tiếp xúc đầu tiên giữa Việt nam và Địa trung hải có lẽ qua đường biển do kết quả của việc thông thương. Một số đồ đồng ít thông dụng xác chứng nguồn gốc từ Địa trung hải cũng đã được tìm thấy ở địa điểm Đông sơn ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

KẾT LUẬN

Với những tài liệu của sử học và khảo cổ học sơ lược trên đây của học giả đáng tin cậy, có quan hệ đến cổ sử dân tộc Việt nam chúng ta, nay có thể tạm kết luận về « *Bốn ngàn năm văn hiến* » của nền văn hóa dân tộc. Người ta không còn có thể hoài nghi về di tích Cổ loa với tên nỏ bằng đồng và triều đại nhà Thục của An Dương Vương vào thế kỷ thứ III trước kỷ nguyên Dương lịch. Như thế thì cũng không có thể phủ nhận cuộc chinh chiến giữa nhà Hồng Bàng của nước Văn lang, nước người xâm mình ở di tích Phùng nguyên tỉnh Phú thọ, Yên bái theo bờ sông Hồng hà ngày nay. Văn hóa Phùng nguyên đã có đồ đồng đặc biệt là cóng bằng đồng với hình thuyền và người chim trạm, trước văn hóa Đông sơn với đặc trưng biểu hiệu của Trống đồng. Đồ đồng ở đây có trước Trung hoa 1.000 năm, vậy thì Văn lang, Hồng bàng hay Lạc việt ít ra phải có trên 4.000 năm văn hiến kể tới nay. Đặc biệt đối với tinh thần truyền thống dân tộc là cái Trống đồng tiêu biểu cho nền văn hóa Đông sơn ở Việt nam đã từ một dụng cụ kỹ thuật biến thành một đối tượng tín ngưỡng tôn giáo Quốc gia như là một vị Thần linh Quốc tổ bắt đầu với triều Lý để thành cái Quốc lễ long trọng hàng năm triều đình, từ Vua đến các quan chức đến trước Thần Núi Trống đồng « Đồng Cổ Sơn Thần » để thề trung thành với tổ quốc. Theo Đại nam Nhất thống chí — tỉnh Thanh hóa có chép rằng :

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

« Ngày xưa vua Hùng Vương đi đánh Chiêm thành, đóng quân ở núi Khả lao, đêm mơ thấy thần báo mộng bảo vua : — « Xin có cái trống đồng và dùi đồng giúp nhà vua thắng trận phen này ! » Đến lúc ra trận thì thấy trên không văng vẳng có tiếng trống đồng rồi quả nhiên Vua được toàn thắng. Vua bèn sắc phong là « Đồng Cổ Đại Vương ». Đời vua Lý Thái Tông khi còn làm Thái tử (1020) vâng mệnh đi đánh Chiêm thành, đêm mơ thấy một người mình mặc áo nhung, tay cầm bảo kiếm tâu Vua rằng : — « Tôi là Thần Núi Đồng Cổ xin theo để lập công cùng Thái tử. »

Tới khi bình định được giặc liền lập miếu để thờ. Sau khi Thái tử lên ngôi lại mộng thấy Thần mang bài thơ đến báo cho biết là có ba vị Vương định gây loạn, sau quả nhiên có thật. Nhân thế mới phong chức « Thiên hạ minh chủ » thăng lên làm Thượng đẳng Thần, và hàng năm đắp đàn ở trước cửa đền sai các quan đến lễ và đọc lời thề : « Đạo làm dân một nước, làm con một nhà cốt ở luân thường ! Làm con, mà bất hiếu, làm dân mà không hết lòng yêu nước, xin Thần linh ngầm xét, tiêu diệt cả họ ! » (1)

Ngày nay, nghĩa là trước năm 1945, theo tường thuật của Victor Goloubew (BEEO t. 33-1933) chùa Đồng cổ trên con đường đi Phủ quảng, gần bến đò Yên định sông Mã. Chùa là một ngôi Đình kiến trúc khá xưa. Cái trống đồng để thờ trong chùa ấy được đặt trên cái giá gỗ trạm và sơn son tại trong cung cấm đình trong, bề kính 0, m 85 bề cao 0, m 58.

---

(1) Đại nam Nhất thống chí — tỉnh Thanh hóa.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Bên cạnh Trống có cái biển gỗ khắc chữ. Đây là bản dịch của Trần Văn Giáp :

« Tại phía Tây tỉnh Thanh hóa, ở làng Đan nê, huyện Yên định có ngọn núi Đồng cổ. Ba ngọn hình ngôi sao cho nên cũng lại gọi là núi Tam thai. Trong thung lũng, gần núi ấy có ngôi đền cổ thờ Thần. Núi mà uy linh đã nỗi tiếng là huyền diệu.

«Mùa xuân năm Canh tuất (1790) theo mệnh của đức Vua cha, tôi nhậm chức cai quản hạt tỉnh lỵ biên thùy này. Trong khi ấy dân miền núi nổi lên khiến tôi phải cầm quân hai lần dẹp giặc. Đi qua hạt này, tôi thường hay nghỉ chân trong đền và tôi có kêu cầu Thần linh. Nhờ quyền năng vô hình, quân của tôi tấn công được dễ dàng. Biết có Thần linh đã che chở, tôi tra hỏi các bô lão trong làng để được hiểu biết ít nhiều về vị Thần cũng như về cái Trống đồng, nhưng thiếu tài liệu ký chú, tôi không được biết chi hết, thời gian đã xóa nhòa tất cả di tích quá khứ trong ký ức mọi người.

«Vào năm Canh thân (1800) hai ngày trước ngày hội vào 9 tháng 9 sự tình cờ khiến tôi tìm thấy trên bờ sông phía Nam một cái trống đồng, cao 0, m 56 và rộng 0, m 75, còn nguyên vẹn, công trình khuôn đúc tỉ mỉ công phu nhưng về nguyên lai vẫn mù mịt.

«Mùa xuân năm Nhâm tuất (1802) trong khi đi giám sát, tôi lại đến bái yết ngôi đền, và khi trở về tôi có ra lệnh cho Quận công Tá trị Trương hữu tá và cho Xuân hoa Nguyễn Xuân cho rước cái trống đồng để dâng cúng cho Đền thờ Thần. »

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

(Bản văn viết vào năm Bảo hưng thứ 2 (1812) của em vua là Đức Tuyên, Thanh tra chính trị tỉnh Thanh hóa, do Trần Đình Hưu khắc viết vào gỗ bởi tay Quán quan sự Hoàng Đình Đồng).

Ở trên núi Tam thai nói trên đây còn một tấm bia mới dựng để kỷ niệm ngày vãn cảnh chùa của ông Pierre Pasquier. Lời bia dịch ra như sau :

« Trải qua các thế hệ chúng ta đã kính thờ Thần Đồng Cổ. Tiền nhân truyền lại cho chúng ta biết rằng vào thời Hùng Vương (265 tr. T. c.) nhà vua có cầm quân dẹp giặc, và dưới triều vua Lý (1028-1253) để thuần phong mỹ tục nhà vua có lập tòa án để phạt kẻ phạm phép. Sơn Thần Đồng Cổ là đệ nhất Thượng đẳng Thần cai quản thế gian và bảo vệ hòa bình nhân loại. Nhờ những công lao phò trợ ấy mà các Đế vương các triều đại đã ban sắc phong cho Thần. Danh tiếng của Thần được lan truyền từ ba bốn ngàn năm nay, do đấy mà nhân dân sáu làng chúng tôi đều muốn phụng thờ Thần linh quyền năng siêu việt. »

Đấy là nét trọng yếu Thần đạo với Phật đạo, Đình với Chùa hợp nhất dung thông trong tin tưởng vào một nước « Bốn ngàn năm văn hiến » mà nhân dân Việt nam ngày nay đòi trở về Nguồn Tổ Hùng Vương để biểu dương tinh thần dân tộc bất diệt vậy.

NGUYỄN ĐĂNG THỤC

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Những Tác Phẩm PHẬT HỌC do Nha TU THƯ ĐẠI HỌC VẠN HẠNH đã xuất bản :

— TRƯỜNG BỘ KINH tập I, II, III, IV của :
T.T. Thích Minh Châu.

— THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN tập I . . . nt . . .

— NHỮNG NGÀY VÀ NHỮNG LỜI DẠY CUỐI CÙNG CỦA ĐỨC PHẬT . . . . . nt . . . . .

— HUYỀN TRANG NHÀ CHIÊM BÁI VÀ HỌC GIẢ . . nt .

— THE CHINESE MADHYAMA ÀGAMA and THE PÀLI MAJJHIMA NIKAYA (Luận án Tiến Sĩ của : **T.T. Thích Minh Châu.**)

— ĐẠI THỪA và SỰ LIÊN HỆ VỚI TIỂU THỪA nt . .

— ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT . . . . . nt . .

— KINH LỜI VÀNG . . . . . nt . .

— SÁCH DẠY PÀLI . . . . . nt . .

— ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO TƯ TƯỞNG LUẬN, **T.T. Thích Quảng Độ** *dịch.*

— TIỂU THỪA PHẬT GIÁO TƯ TƯỞNG LUẬN nt . .

— THE LIFE and WORKS OF SARIPUTTA THERA (Luận án Tiến Sĩ của **T.T. Thích Huyền Vi**).

— PHẬT HỌC TINH HOA của **T.T. Thích Đức Nhuận.**

— PHẬT GIÁO VÀ NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM của **T.T. Thích Mãn Giác.**

— THIỀN HỌC TRẦN THÁI TÔNG của **G.S. Nguyễn Đăng Thục.**

— PHẬT GIÁO VIỆT NAM, **Đ Đ. Tuệ Sỹ** *dịch.*

— NGỮ LỤC, **Trúc Thiên** *dịch.*

— CON ĐƯỜNG THOÁT KHỔ, **Cô Trí Hải** *dịch*

— TINH HOA VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẠO PHẬT
Đ.Đ. Chơn Pháp *dịch*

— KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO VIỆT NAM tập I của **K. T. S. Nguyễn Bá Lăng.**

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Lê Văn Siêu

QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG VÀ NỀN QUỐC HỌC

DÙ có người nệ theo lề lối học Tây Phương, vịn vào cớ truyện Nguồn gốc Rồng tiên là hoang đường không có thực, để coi cả đời Hùng Vương của ta cũng là không có thực nữa, chúng ta đã có và đã trình bày đủ bằng chứng cho thấy suốt mấy ngàn năm nay toàn dân ta không phải đã làm việc thiếu ý thức là « mồ cha không khóc, khóc đống mối ».

Chúng ta không cần nói lại những điều ấy nữa. Mà ở đây, nhân dịp giỗ Tổ, có lẽ chúng ta nên đề cập đến vấn đề thiết yếu với chúng ta thì hơn. Đó là vấn đề *chúng ta đã có căn bản một nền quốc học từ đời Hùng hay chưa ?*

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Chúng tôi nhận rằng đã có. Nhưng để đáp ứng đòi hỏi của lề lối học mới, phải đủ luận cứ và phải chứng minh rành rọt, không phải để độc giả sờ nắm được cả những gì trừu tượng, mà ít ra cũng để độc giả thức cảm được với thiên lương của mình, thì không thể chỉ nói gọn lỏn là đã có mà đủ. Vậy, chúng tôi xin nói rõ dưới đây từng khoản một.

I.— ĐỜI SỐNG BỘ LẠC VÀ TỪ TRƯỞNG HÙNG VƯƠNG

Chúng ta nhận một cách phải chăng hơn, với Lê Tắc trong An nam Chí lược của ông, rằng hồi đầu chỉ mới có một nhóm bộ lạc tụ lại ở Phong châu và tôn Hùng Vương làm tù trưởng. (Ngay danh xưng Hùng Vương cũng là đời sau suy tôn, còn danh xưng cũ chưa tìm ra). Và từ đấy chúng ta hãy dò tìm trở lại những đặc tính nòng cốt tạo truyền thống cho đời sau.

II.— TƯƠNG QUAN LAO TÁC

Đặc tính nảy ra từ hoàn cảnh thiên nhiên, từ điều kiện sinh sống, điều kiện lao tác, để từ đó tạo thành tương quan lao tác và tương quan xã hội. Nguyên tắc này đúng. Nhưng cái khuôn « lịch sử tiến hóa của nhân loại là lịch sử của cuộc tranh đấu giai cấp » để ép cho đời Hùng đã có giai cấp tranh đấu là sai.

Tại Phong châu, còn nhiều ngọn đồi đất để làm chứng về điều kiện lao tác thời xưa. Đó là những ngọn đồi có ruộng xếp từng lên như những bậc thang từ chân đến đỉnh đồi.

Sao lại phải làm ruộng trên đồi như thế ? — Ấy là tại hồi bộ lạc Giao chỉ của Hùng Vương đến định cư, tại Phong châu,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

dưới chân các ngọn đồi còn lầy lụa nước mặn và đồng bằng còn đương được sông Hồng bồi đắp chưa thành hình.

Sao chẳng tìm nơi khác định cư lại bám lấy đấy ? — Ấy là tại hồi bộ lạc Giao chỉ bị các bộ lạc khác khỏe hơn dồn đuổi đến một vùng mà điều kiện sinh sống thực tồi tệ, ra biển không được vì đường sông chưa tạo thành, lên rừng núi phía bắc, tây và nam thì nhiều thú dữ, giặc cướp. Đành cha con ông cháu coi như bị đọa tới đó, để chịu đựng gian khổ mà cày cấy trồng trọt nuôi nhau.

Làm ruộng trên đồi, đã chính là một điều vạn bất đắc dĩ. Nhà nông nào lại chẳng biết nên làm ruộng ở ven sông trên những đất phù sa ? Nhưng họ Hùng Vương cha con ông cháu phải hì hục cuốc từng nhát cuốc xuống đất đồi rắn để vạc ra và san bằng đi cho thành ruộng mà cấy lúa để lấy lương thực nuôi nhau. Đó là cách phá hoang theo lối gia đình tiểu qui mô, mà cụ tổ Hùng Vương cũng cuốc, cũng nhỏ mồ hôi và nước mắt trên đất rắn như các con cháu khác. Đã không có việc ngồi không ăn sẵn, bắt người ta làm vất vả rồi nộp một phần huê lợi cho lãnh chúa, khi chỉ có tù trưởng và các con cháu trong nhà cả với nhau. Đất phá ra thành ruộng, mạnh ai nấy làm. Làm rồi thì giữ lấy đấy sang năm lại làm. Cũng không cần biết đất thuộc quyền tư hữu của ai.

Chúng ta thấy tương quan lao tác ở nguyên thủy là gia đình tự túc, tự cung, tự quản. Đất đầy rẫy ra nhưng phải làm rất mệt mới thành ruộng, không phải là thục điền cứ cắm cây

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

lúa xuống là mọc, nên cái ý tranh chiếm trước để được thêm đất đã không có. Chờ khi gia đình tăng gia nhân số thì đi vạc thêm đất làm thêm ruộng ở những ngọn đồi khác mà tù trưởng (cụ tổ Hùng Vương) có thể cũng không biết hay không cần biết. Vậy : không có giai cấp, không có sự bóc lột giai cấp cùng tranh đấu giai cấp nào cả.

III.— TƯƠNG QUAN XÃ HỘI

Ngoài những dịp lễ lạt mà tù trưởng đại diện các con cháu xin thần linh phù hộ cho mưa thuận gió hòa, cùng kêu gọi nhau cứu ứng khi có thú dữ giặc cướp (như giặc Ân) người ta đến với nhau còn mỗi chi họ đã sống tụ riêng ở một khu đồi khác thành làng, để tiện làm việc ngoài đồng liền ngay đấy. Những kinh nghiệm làm mùa được truyền lẫn cho nhau, từ tù trưởng khôn khéo hơn mà ra. Nhưng kỷ luật khắt khe hoặc thuế má thâu góp, hình phạt nặng nề cùng tổ chức trật tự xã hội, thì thật là không có. Bởi đất lầy dưới đồng bằng ngăn cách các khu đồi đã không cho phép sự tổ chức như vậy.

Người ta đến với nhau, quý trọng nhau, thân mến nhau vì tình gia đình họ hàng, trong chế độ cộng sản nguyên thủy ấy. Chẳng hề vì tương quan giai cấp xã hội nào cả. Bởi chính tù trưởng và gia đình mình cũng làm ruộng như thế, và nếu có ý nghĩ nào rằng mình ở trên hết, thì chỉ là trên vì tuổi tác, vì mình sinh ra các con cháu ấy, chớ không phải vì trời định ngôi vị ấy cho mình.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

IV.— ĐẶC TÍNH DÂN TỘC

Do những điều kiện thiên nhiên, lao tác và xã hội như trên, dân Giao chỉ định cư tại Phong châu đã có những đặc tính riêng. Mà bất cứ giống dân nào nếu cũng định cư trong những điều kiện ấy đều tất nhiên cũng có những đặc tính ấy.

Đó là :

Sự chịu khó vượt hết đức tính chịu khó của tất cả các giống dân khác định cư ở các nơi khác. Cho đến ngày nay người Việt vẫn còn đức tính ấy mà không ai có thể chối cãi được. Nó là tinh thần kiên nhẫn chịu đựng gian khổ, coi thường gian khổ, từ trời, đất, nước, khí tiết, từ số kiếp chẳng may, hay từ người cố ý giam hãm mình vào.

Sự yêu quê hương đất nước vì suốt ngày, suốt năm tháng, suốt đời quanh quẩn với hòn đất (lúc chết cũng thích được gửi xác vào giữa ruộng đất ấy) và vì cảnh sống trong làng êm ấm tình họ hàng bà con (ngay từ nguyên thủy) không ai bóc lột ức hiếp ai, mà chỉ lá lành đùm lá rách, tất cả đã vui với nhau và cùng để lại cho nhau rất nhiều kỷ niệm. Nên trải những kỳ đau thương về sau cả ngàn năm dưới quyền đô hộ của Tầu, dân Việt dù bị hành hạ cơ cực đến tột cùng, cũng vẫn bám lấy đất mà chịu đựng, chớ rời bỏ quê hương như người Do thái, thì quả thực là không có. *Sự thích sống thảnh thơi, hòa mình với thiên nhiên* đó là điều mà đời nay gọi là tự do, do chế độ chính trị ban phát, hay do ý thức tranh đấu mà có. Nhưng ở nguyên thủy, như tương quan xã hội nói trên, người Giao chỉ quả đã dư tự

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

do, khi sống thảnh thơi với mảnh ruộng vườn của mình. Không phải là tự do cấu xé lẫn nhau, và tự do buông thả thú tính, đây là tự do có ý thức, tự do trong lễ nghĩa, để đời sống chung trong làng có nền nếp, dù phép vua ở chính quyền trung ương cũng không thắng được lệ của làng.

Sự sống tự tại tùy thời thế đẩy đưa, mà lúc thất thế thì rồng (vật tổ) như giun thu mình trong ao tù, và lúc đắc thế thì vươn mình bay tung khắp vũ trụ.

Đó là quan niệm nhân sinh, quan niệm triết lý, gói tròn trong một đời sống thái hòa, mà dựa vào đặc tính dân tộc ta đã gợi ra được thêm với bao nhiêu truyện cổ khác ở đời Hùng Vương (về bánh giày bánh chưng, trầu cau, Sơn tinh Thủy tinh, Chữ đồng tử, Đức thánh Gióng...) là bấy nhiêu quan niệm khác về luân lý của người xưa.

Quyển Thiên Thư

Xưa có người từng nhìn một tầu lá mà đọc lên được lời kinh Phật, từng thấy một cử chỉ mà khế hội nổi một công án. Huống hồ nay dễ hơn nhiều lại sẵn còn bằng chứng. Lựa là phải có viết thành sách trên giấy trắng mực đen, (hay phải có người ngoại quốc nhận định dùm ra trước) thì chúng ta mới thấy ra nổi những tư tưởng triết lý vốn có trong một quyển Thiên Thư, mà điều kiện để đọc là lắng lòng mình xuống cho tâm hồn tìm về nguồn, thì tự nhiên từng lời từng chữ trong thông điệp của người xưa sẽ hiện dần ra hết.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Lấy gì làm chắc đúng ?

Hẳn có người có ý muốn hỏi như vậy. Thì nhìn kết quả thấy nguyên nhân, nhìn nguyên nhân thấy kết quả, chắc không ai hoài nghi nguyên tắc ấy. Vậy, cảnh sống cơ cực trên một khu đất tổ như đã kể, kéo dài với năm tháng, kéo dài cho tới những ngày con sông Hồng tạo thành đồng bằng cho sự sống yên vui phú túc hơn, nếu chẳng có một tư tưởng chỉ đạo (về chịu đựng gian khổ và bám lấy đất mà sống) thì hẳn nhiên trên bán đảo này bây giờ làm gì có nước Việt nam và làm gì có chúng ta nữa.

Tư tưởng chỉ đạo ấy chính là văn hóa, chính là căn bản nền quốc học của ta.

Ý nghĩ nghi ngờ về sự thực hữu của nền quốc học.

Trước đây, Ông Phan Khôi, môn đệ trung thành của cô Logique từng đã viết :

« Đừng nói cái học của ta chỉ ở trong phạm vi cái học của Tầu, thiếu vẻ đặc biệt, không đủ kêu là quốc học cho đến chịu giống với Tầu đi là ở nước ta cũng không có một cái học phái nào thành lập hẳn, vậy thì chữ học đã chẳng có, chữ quốc còn nương dựa vào đâu ? Vài mươi năm nay, từ khi tôi biết cái học là gì rồi, tôi cố đi tìm cho được cái học của nước ta. Tìm trong Chu An, tôi chỉ thấy một nhà nho khẳng khái. Tìm trong Nguyễn Bỉnh Khiêm, tôi chỉ thấy một nhà thuật số như mấy ông bà tiên tri đời nay. Khi tôi xét đến ông Võ Trường Toản thấy nói cái học của ông ở chữ *thành*. Khi tôi xét đến ông Chu Doãn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

Trí thấy nói cái học của ông chủ ở *bất căng*. Nay ngoài mấy chữ thành và bất căng đó, tôi không kiếm được cái gì khác nữa. Chỉ trơ trọi như vậy mà thôi, đâu có thể gọi là học được. Rồi tôi phải đi bòn như bòn vàng trong các văn tập thì như trong tập Vĩ dã thấy có vài bài ngăn ngắn nói ra giọng Tống Nho, tôi lấy làm mừng đôi chút, xong đâu phải đã là cái mục đích sự tìm kiếm của tôi. Tìm mãi không ra cho tới ngày này tôi mới trịnh trọng và quả quyết mà nói rằng không có ».

Cả ông Phạm Quỳnh cũng cùng một luận điệu ấy :

« Nước Nam ta mấy mươi thế kỷ theo học nước Tầu chỉ mới là người học trò khá, chưa hề thấy giám thoát của Thầy mà lập nên môn hộ riêng ; không những thế, lại cũng không lọt ra khỏi vòng giáo khoa mà bước lên tới cõi học thuật nữa. Như vậy thì làm sao có quốc học được ?

« Anh hùng ta có, liệt nữ ta có, danh sĩ cao tăng ta cũng có, nhưng trong cõi học nước ta cổ kim chưa có người nào có tài sáng khởi phát minh ra những tư tưởng mới, thiết lập ra những học thuyết mới, đủ có cái vẻ độc lập một nhà đối với các nhà khác, như Bách gia Chư tử bên Tầu đời xưa. Hay thảng hoặc cũng có mà mai một đi mất, sử sách không truyền chăng, nhưng phàm đã gọi là một cái học phái thì phải có cảm hóa người ta sâu xa, phải có ảnh hưởng trong xã hội, phải gây ra một phong trào tư tưởng, không thể tịch mịch ngay đi mà không còn tăm hơi gì nữa. Cho nên nay dầu kê cứu trong các sách cổ, cố tìm ra được năm ba cái ý kiến lạ hay cái tư tưởng gì của một vài

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

bậc tiền bối lỗi lạc, như vậy cũng chưa đủ chứng rằng nước ta có quốc học đặc biệt khác với cái học ở bên Tầu truyền sang. »

Cả hai vị đều cùng chết đuối trong cái bể luận lý hình thức, và chỉ dám tin một tư tưởng là khi có viết ra sách, in trên giấy trắng mực đen.

Chao ôi ! đã có biết muôn vàn nào là tư tưởng chứa đựng ngay trong mớ tiếng nói không kể ca dao, tục ngữ, cách ngôn, kể ngay từng lời từng tiếng một, mà hàng ngày chúng ta vẫn dùng, nhưng chúng ta lầm, không chịu hiểu đó là tư tưởng, đó là thông điệp của người xưa truyền đến chúng ta. Đó là lỗi ở người *nệ sách*, chỉ nhìn thấy chữ là thực có mà không nhận ra tiếng còn thực có hơn, lại đi đổ lỗi cho tiền nhân « không để lại cho chúng tôi cái gì cả ! »

Các ông chỉ « bòn như bòn vàng trong các văn tập » và « kê cứu trong các sách cổ » viết bằng chữ nho, đã vội nản chí rồi, thì đó là tại kho tàng văn hóa ở ngay miệng mình chẳng tìm, lại đi hì hục đào xới đất ở tận đâu đâu.

Trong sách *Người ta tư tưởng bằng từ ngữ* (On pense avec les mots) tác giả, giáo sư S.I. Hayakawa có dẫn lời Aldous Huxley rằng : « Lời nói có một huyền năng, — không phải theo lối huyền năng của các thầy phù thủy và những gì họ muốn thi thố. Lời nói huyền diệu ở chỗ nó tác động vào tinh thần của những người sử dụng nó (1). Nơi trang 35, tác giả còn thêm :

---

(1) Les mots ont bien un effet magique — mais pas de la façon que supposaient les magiciens et pas sur ce qu'ils essayaient de soumettre à leur influence. Les mots sont magiques par la façon dont ils agissent sur l'esprit de ceux qui les utilisent. **Aldous Huxley**

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

« Ngôn ngữ là cơ năng không thiếu được trong đời sống của loài người, — một đời sống như của chúng ta được uốn nắn, lái hướng phong phú hóa và khiến có thể sống được nhờ tích lũy kinh nghiệm quá khứ của những thành phần trong chính nòi giống chúng ta ! » Và nơi trang 36 ông còn thêm nữa : Tất cả những khám phá về nghệ thuật và khoa học đều đã được di lưu hậu thế bằng từ ngữ, mà không chịu phí tổn về thừa hưởng gia tài. (1)

Chính bộ tiếng nói của chúng ta là cái kho tích lũy bao nhiêu kinh nghiệm, từ hồi chưa có người Tầu với những chữ nho của họ, và là chất keo sơn gắn liền mọi người Giao chỉ lại trong cuộc sống xã hội, cũng như một quyển sách vô giá chứa đựng những điều căn bản của nền quốc học đã nói trên. Mà tất nhiên món gì chưa dám biết, chớ món tiếng nói này hẳn là một đặc phẩm đặc chế của nòi giống Việt khác hẳn cái học của bên Tầu truyền sang vậy.

LÊ VĂN SIÊU

---

(1) Toutes les découvertes des arts et des sciences nous sont léguées sans frais de succession par les mots.

S.I. Hayakawa

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Lê Kim Ngân

THỬ TÌM HIỂU

TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ TẠI NƯỚC TA THỜI HÙNG VƯƠNG

ĐẶT VẤN ĐỀ.

• Khi dùng chữ « thời Hùng Vương » ở đây chúng tôi chỉ muốn chỉ một thời gian lịch sử của nước nhà trước khi Thục An Vương chiếm nước ta lập thành nước Âu lạc (tức là từ năm 258 trước Tây lịch trở ngược lên cho tới Kinh Dương Vương), gồm 2622 năm, đúng theo như *Đại việt Sử ký Toàn thư* (viết tắt *Toàn thư*) chép : « Từ đây trở lên là Hồng Bàng thị,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

từ Kinh Dương Vương được phong năm Mậu tuất, cùng một thời với Đế Nghi, truyền đến cuối đời Hùng Vương, ngang với Văn Vương đời nhà Chu năm thứ 57 là năm Quí mão thì hết. Cộng 2622 năm (2879-258 trước Công nguyên) » (*Toàn thư*, bản dịch, tr. 63)

● Danh xưng « thời Hùng Vương » ở đây tôi xin xác định lại cho rõ, chỉ thuần túy là tên gọi để chỉ một khoảng thời gian lịch sử của nước Việt ta, chứ không có nghĩa như một triều đại (giống như các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần... sau này).

Sở dĩ chúng tôi phải cẩn thận nêu lên vấn đề này là vì hiện thời có hai thuyết về « sự thật vua Hùng » : *một thuyết* cho rằng vua Hùng với nước Văn lang không chắc đã có trong lịch sử nước nhà (1), và *một thuyết khác* lại tin tưởng chắc chắn rằng : « Họ Hồng Bàng và vua Hùng là có thật ». (2) (Chúng tôi sẽ có dịp bàn rõ về hai thuyết trên ở một đoạn sau trong bài này). Trong khi đó, chúng tôi chưa có trong tay một *tài liệu chắc chắn* để có thể theo hẳn thuyết nào trong hai thuyết trên.

● Trong bài này chúng tôi sẽ chỉ tìm hiểu tổ chức chính trị tại nước ta (mà ta tạm gọi là nước Văn lang theo như *Đại việt Sử ký Toàn thư* chép) vào thời gọi là Hùng Vương (theo như *Đại việt Sử ký Toàn thư*, đã viết). Các sinh hoạt xã hội khác

---

(1) Nhượng Tống, *bản dịch Đại việt Sử ký Toàn thư*, trang 53.

(2) Đào Tử Khai, *Họ Hồng Bàng và vua Hùng là có thật*, trong *Hùng Vương dựng nước*, Hànội, 1970, trang 33.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

như đời sống nông nghiệp, tôn giáo, phong tục, tập quán..., chúng tôi sẽ không bàn tới. Nếu có dịp, chúng tôi sẽ đề cập đến những vấn đề này trong một bài khảo cứu khác.

TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ THỜI HẠN CỦA ĐỀ TÀI.

● Nói một cách xác thực hơn, chúng ta sẽ xét tổ chức chính trị của tập đoàn dân Việt, những tổ tiên của chúng ta, trong địa bàn mà sử cũ gọi là nước Văn lang, từ *thiên niên kỷ thứ III đến gần cuối thiên niên kỷ thứ I* trước Công nguyên.

● Để khảo cứu đề tài này, chúng tôi đã sử dụng hai loại tài liệu :

— Loại tài liệu chắc chắn, đáng tin cậy là *tài liệu vật chất* do khoa khảo cổ học cung cấp. Đó là những địa khai tìm thấy tại các địa điểm khảo cổ ở miền Bắc như Phùng nguyên, Gò mun, Đông sơn...

— *Tài liệu thành văn* gồm những sách sử Trung hoa, Việt nam viết về thời này. Loại tài liệu này cần phải cân nhắc kỹ lưỡng vì đa số do người đời sau viết lại theo truyền thuyết, khẩu truyền.

● Trên khía cạnh khảo cổ học, ta có thể ghi nhận rằng thời đại Hùng Vương bao trùm các nền văn hóa sau (1) :

— Sớm nhất là *văn hóa Phùng nguyên* (2). Văn hóa Phùng

---

(1) Theo Hoàng Xuân Chinh, *Về thời gian tồn tại của thời đại Hùng Vương*, trong *Hùng Vương dựng nước*, trang 68.

(2) Phùng nguyên là một địa điểm gần đền Hùng, thuộc huyện Lâm thao, tỉnh Vĩnh phú, Bắc việt.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nguyên có thể phân làm hai giai đoạn : Phùng nguyên 1 thuộc cuối thời đại đá mới chuyển qua sơ kỳ thời đại đồng thau, Phùng nguyên 2 thuộc sơ kỳ thời đại đồng thau.

— Muộn hơn có *văn hóa Gò mun* (1) thuộc trung kỳ thời đại đồng thau.

— Thuộc hậu kỳ thời đại đồng thau, hoặc một phần đã chuyển qua sơ kỳ thời đại sắt là nền *văn hóa Đông sơn* (2) ở vùng Bắc việt, như Việt khê, Vinh quang, Đào thịnh, Việt trì...

Tuy nhiên cũng có người (3) cho rằng văn hóa Đông sơn là văn hóa chủ yếu của thời đại đồng thau ở Việt nam và đó cũng là nền văn hóa bao trùm gần suốt thời đại Hùng Vương. Tác giả Phạm Văn Kỉnh chia văn hóa Đông sơn làm ba giai đoạn (4) :

— *Đông sơn 1* là thời kỳ phát triển của thời đại đồng thau. *Văn hóa Gò mun, có thể coi là nền văn hóa tiêu biểu cho Đông sơn 1.*

— *Đông sơn 2* là thời kỳ hưng thịnh và mạt kỳ của thời đồng thau. *Địa điểm khảo cổ Việt khê có thể coi là tiêu biểu cho Đông sơn 2.*

---

(1) Gò mun (còn gọi Việt tiến) là một địa điểm thuộc huyện Lâm thao, tỉnh Vĩnh phú, gần đền Hùng Vương.

(2) Đông sơn là một địa điểm khảo cổ trên bờ sông Mã, thuộc tỉnh Thanh hóa.

(3) (4) Phạm Văn Kỉnh, *Những di tích hậu kỳ thời đại đá mới, thời đại đồng thau trên miền Bắc Việt nam và vấn đề thời đại Hùng Vương*, trong *Hùng Vương dựng nước*, trang 50 - 56.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

— *Đông sơn 3* thuộc giai đoạn sớm của thời đại sắt.

Về thời gian lịch sử thì, vẫn theo Phạm Văn Kỉnh (sách đã dẫn), văn hóa Đông sơn trải qua ba thời kỳ lịch sử: Hùng Vương, An Dương Vương và phần đầu thời Bắc thuộc. « *Đông sơn 1 và một phần lớn Đông sơn 2 gồm những di tích có niên đại từ thế kỷ thứ III trước Công nguyên trở lên đến đầu thiên niên kỷ I trước Công nguyên (vào khoảng đầu thời Tây Chu), là những di tích thời đại Hùng Vương.* » (1)

Còn « văn hóa Phùng nguyên là một nền văn hóa khảo cổ thuộc hậu kỳ thời đại đá mới và sơ kỳ thời đại đồng thau » (2).

Về niên đại của văn hóa Phùng nguyên, tác giả họ Phạm cho rằng di tích căn bản của văn hóa Phùng nguyên có niên đại vào khoảng thời Ân và một phần thời Tây Chu, « *còn một bộ phận nào đó của văn hóa Phùng nguyên còn tồn tại song song với văn hóa Đông sơn và có liên hệ mật thiết với nền văn hóa này* » (3).

● Tóm lại, về niên đại của thời đại Hùng Vương, ta có thể định như sau :

— Dựa vào *Đại việt Sử ký Toàn thư*, ngoại kỷ, quyển 1, Hồng Bàng thị kỷ, ta nhận rằng *thời này, từ Kinh Dương Vương cho đến Hùng Vương thứ 18 bao gồm 2622 năm, tức từ năm 2879 đến 258 trước Công nguyên*, nghĩa là vào đầu thiên niên kỷ thứ III cho đến gần cuối thiên niên kỷ thứ I trước Tây lịch.

---

(1) Phạm Văn Kỉnh, sách đã dẫn, trang 52.

(2) (3) Phạm Văn Kỉnh, sách đã dẫn, trang 55.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

— So với thời đại khảo cổ, thì thời Hùng Vương bao gồm những nền văn hóa sau :

* Trước hết là *văn hóa Phùng nguyên* (vào những năm đầu thời Hồng Bàng), tức là thời văn hóa hậu kỳ đá mới sang sơ kỳ thời đại đồng thau.

* *Văn hóa Đông sơn 1 và Đông sơn 2* tức là thời kỳ phát triển, hưng thịnh và mạt kỳ của thời đại đồng thau.

TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ THỜI HÙNG VƯƠNG.

Muốn bàn tới tổ chức chính trị, trước hết ta cần xác định địa bàn trên đó cơ cấu chính quyền có thể được thiết định, sau ta mới nói tới các cơ quan, viên chức vận hành cơ cấu chính quyền này.

Nói một cách khác, trước hết ta cần bàn xem *địa bàn của dân tộc Lạc việt* như thế nào (nghĩa là ta phải tìm xem *giới hạn của thẩm quyền quản hạt* của chính quyền Hùng Vương, nếu có, ra sao), rồi sau đó ta mới bàn tới cơ cấu vận hành quyền chính trong giới hạn này, tức chính quyền.

I. LÃNH THỔ NƯỚC TA THỜI HÙNG VƯƠNG NHƯ THẾ NÀO ?

A. Thử bàn về địa bàn nước ta thời Hùng Vương.

● *Theo Đại việt Sử ký Toàn thư*, ngoại kỷ, Hồng Bàng kỷ, quyển 1 (bản dịch của Nhượng Tống, trang 35) thì : «Khi Hùng Vương lên ngôi dựng nước gọi là nước Văn lang. Nước ấy phía Đông giáp biển Nam; phía Tây tới Ba thục ; phía Bắc đến hồ Động đình ; phía Nam tiếp với nước Hồ tôn, tức nước Chiêm thành,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

tức là tỉnh Quảng nam ngày nay. Chia nước làm mười lăm bộ. Rằng Giao chỉ ; rằng Châu diên ; rằng Vũ ninh ; rằng Phúc lộc ; rằng Việt tường ; rằng Ninh hải ; rằng Dương truyền ; rằng Lục hải ; rằng Vũ định ; rằng Hoài hoan ; rằng Cửu chân ; rằng Bình văn ; rằng Tân hưng ; rằng Cửu đức ; cho các bề tôi cai trị. Còn bộ Văn lang, tức là nơi nhà Vua đóng đô. »

Theo như sử cũ của ta chép trên đây thì biên giới của nước Văn lang (1) bao gồm gần hết cả miền Giang nam và Lĩnh nam của Trung hoa, toàn thể miền Bắc Việt nam, kéo dài xuống tới Hoành sơn hiện thời.

• H. Maspéro, trong *Le Royaume de Văn lang* (2), cho rằng địa bàn của nước Văn lang về phía Bắc lên tới Ba thục và hồ Động đình là do sự lầm lẫn giữa nước Văn lang 文 郎 và nước Dạ lang 夜 郎 vì hai chữ Văn 文 và Dạ 夜 viết gần giống nhau nên sách xưa dễ dàng lầm lộn. Theo ông, địa bàn nước Văn lang của vua Hùng chỉ tương đương với miền đất Bắc việt ngày nay.

Ông Đào Duy Anh, trong *Đất nước Việt nam qua các đời* (3) cho rằng địa bàn nước Văn lang chép trong *Lĩnh nam*

---

(1) Biên giới này cũng được chép trong *Lĩnh nam Trích quái* của Trần Thế Pháp (cuốn này xuất hiện vào đầu thế kỷ XV, viết bằng chữ Hán) (bản dịch Việt văn của Lê Hữu Mục, trang 44-45).

(2) H. Maspéro, *Etudes d'histoire d'Annam*, đăng trong BEFEO, XVI (1916), trang 1-10.

(3) Đào Duy Anh, *Đất nước Việt nam qua các đời*, Hà nội, 1964, trang 13-17.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

Trích quái chính là địa bàn của dân Bách việt (1). Còn tổ tiên chúng ta thuộc nhóm Lạc việt. Theo *Hậu hán thư*, *Mã Viện truyện* (quyển 24) và *Nhâm Diên truyện* (quyển 76) thì nhóm Lạc việt này là người ở các quận Giao chỉ và Cửu chân, nghĩa là ở vào khoảng miền Bắc Việt nam hiện nay. Đào Duy Anh (sách đã dẫn) cũng lại xét 15 bộ của nước Văn lang chép trong *Lĩnh nam Trích quái* và đi tới kết luận : « đất 15 bộ không thể ở ngoài phạm vi của miền Bắc nước Việt nam ngày nay cùng với một dải ở miền Nam tỉnh Quảng tây của Trung quốc » (2).

Như thế cả H. Maspéro lẫn Đào Duy Anh đều đồng ý với nhau địa bàn sinh sống của dân Lạc việt, hay nói khác đi, của nước Văn lang chỉ bao gồm phần đất Bắc Việt ngày nay.

● *Về phương diện khảo cổ học*, các nhà khảo cổ sau khi xét các đồ đồng tìm thấy tại các địa điểm khảo cổ ở Bắc Việt nam (Phùng nguyên, Gò mun, Việt khê, Đào thịnh, Đông sơn...) ở nam Trung quốc, ở In-đô-nê-xi-a, ở Mã lai, đã đi tới kết luận là : « *trên một khu vực liền khoảnh, bao gồm miền Bắc Trung bộ và Bắc bộ hiện nay, có các di tích khảo cổ thuộc thời đại*

---

(1) Đào Duy Anh, sách đã dẫn ở trên, dẫn sách Lộ sử đời Tống của La Tất ghi rằng Bách việt gồm có : « Việt thường, Lạc việt, Âu việt, Âu khải, Âu nhân, Thả âu, Cung nhân, Hải dương, Mục thâm, Phú xác, Cầm nhân, Thương ngô, Nam dương, Dương việt, Quế quốc, Tây âu, Quyên tử, Sản lý, Hải quý, Tây khuẩn, Kê từ, Bộc cầu, Tỷ đái (sửa là Bắc đái), Khu ngô, gọi là Bách việt ».

(2) Đào Duy Anh, sách đã dẫn, trang 15.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

đồ đồng thau phân bố sát liền nhau, không đứt quãng ». Đó là văn hóa Đông sơn, « *một nền Văn hóa có địa bàn phân bố chính là miền Bắc Việt nam* » (1).

Dựa vào di tích của đồ đồng thau tìm thấy ở các địa điểm khảo cổ tại Thanh hóa, tại các địa điểm ở đồng bằng Bắc việt, Đào Duy Anh viết : « Điểm cực bắc phát hiện được di tích của văn hóa đồ đồng Lạc việt là xã Đào thịnh ở phía Bắc thị trấn Yên bái trên tả ngạn sông Hồng ; điểm cực nam phát hiện di tích của văn hóa đồ đồng Lạc việt là miền Cương hà trên lưu vực sông Gianh ở Quảng bình. Phạm vi phân bố của văn hóa đồ đồng ở miền Bắc Việt nam, xét đại thể chính là tương đương với khu vực của nước Văn lang như chúng ta đã xác định ở trên » (2).

● Tóm lại, dựa vào thư tịch và khoa khảo cổ học, chúng ta có thể kết luận một cách khá chắc chắn rằng : Địa bàn sinh sống của dân Lạc việt thời Hùng Vương, hay nói khác đi, địa bàn của nước Văn lang (theo truyền thuyết) *bao gồm toàn thể đất Bắc việt và một phần Bắc Trung việt ngày nay.*

B. Sự thật về nước Văn lang ra sao ?

Địa bàn của tập đoàn dân Lạc việt vừa xác định trên có phải là địa bàn của một nước Văn lang trong truyền thuyết không ? Sự thật về nước Văn lang như thế nào ?

---

(1) Lê Văn Lan, Phạm Văn Kỉnh, Nguyễn Linh, *Thời đồng thau tại Việt nam*, Hànội, 1963, trang 105.

(2) Đào Duy Anh, *Đất nước Việt nam qua các đời*, trang 16-17, *Lịch sử cổ Đại Việt nam. « Văn hóa đồ đồng và trống đồng Lạc việt »*, Hànội, 1957.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Về khía cạnh thư tịch, có lẽ chữ « Văn lang » đầu tiên xuất hiện trong một đoạn văn của *Lâm ấp ký* (do người Trung hoa viết vào khoảng thế kỷ thứ V) được dẫn lại trong *Thủy kinh chú*, quyển 36 tờ 451-452, nguyên văn như sau :

朱吾以南有文狼人野居無室宅依樹止宿食生魚肉捨香爲業與人交市若上皇之民矣縣南有文狼究下流逕通.

Âm : Chu ngô dĩ nam hữu Văn lang nhân, dã cư vô thất trạch, y thụ chỉ túc, thực sinh ngư nhục, thải hương vi nghiệp, dữ nhân giao thị, nhược Thượng hoàng chi dân hỹ. Huyện nam hữu Văn lang cứu hạ lưu kinh thông.

Xin dịch nghĩa là :

« Ở phía nam (huyện) Chu ngô (tại quận Nhật nam) có giống người *văn lang* (văn : vẽ mình ; lang : loài sói), ở đồng nội, không (xây) nhà cửa, nương vào đây mà nghỉ ngơi ban đêm, ăn cá và thịt sống, làm nghề hái lượm các chất có hương thơm, cùng mọi người buôn bán tại chợ, cũng là dân của Thượng hoàng vậy. Ở phía nam huyện (này) có khe thác Văn lang, hạ lưu nhỏ hẹp giao thông được. »

Về sau các sử gia Việt nam viết Văn lang 文 狼 này thành Văn lang 文 郎 (1) và đặt thành quốc hiệu cho một nước giả tưởng của Vua Hùng! Chính Đào Duy Anh trong *Đất nước Việt*

---

(1) H. Maspéro, sách đã dẫn, trang 3.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nam qua các đời, nơi trang 13 và 14, khi xét về danh sách 15 bộ của nước Văn lang, cũng đã tỏ ý nhi ngờ về 15 bộ này với tên Văn lang : « Những tên trong ba danh sách ấy (1) đều là tên các quận châu huyện từ đời Tần đến đời Đường, trừ ra hai tên Việt thường và Văn lang là hai tên vốn có trong truyền thuyết, nhưng chính hai tên ấy thì tên Việt thường đến nhà Ngô nhà Tề cũng lấy để đặt tên của quận Cửu đức và tên Văn lang thì đến đời Đường đã trở thành tên một thành 文 狼, ở huyện Tân xương, hoặc tên một rợ Di (文 郎 夷) xưa ở huyện Mê linh. Xem nội dung các danh sách ấy thì có thể đoán rằng khi các sử gia xưa của nước ta muốn cho nước Văn lang trong truyền thuyết một nội dung cụ thể thì họ đã lấy tên ở các đời từ nhà Đường về trước, chọn lấy một số tên, một là nhằm cho đủ số 15 bộ trong truyền thuyết, hai là nhằm làm thế nào để cho 15 tên ấy trùm cả địa bàn sinh tụ của tổ tiên ta ở thời Hùng Vương. »

● Vậy thì ta đã thấy rõ rằng Văn lang chỉ là một tên trong truyền thuyết, và có thể để chỉ một giống người vẽ mình (văn) và đời sống còn lạc hậu sống như loài sói (lang). Chứ vào thời Hùng Vương chưa thể có một nước Văn lang với một tổ chức hành chánh khá chặt chẽ (chia nước làm 15 bộ) như trong các danh sách sử xưa của ta ghi chép được.

---

(1) Ba danh sách Đào Duy Anh nêu ra đây là ba danh sách 15 bộ, được chép trong *Việt sử lược*, *Lĩnh nam Trích quái* và *Địa dư chí* (của Nguyễn Trãi).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

II. TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN THỜI HÙNG VƯƠNG

Bàn tới tổ chức chính quyền, người ta thường nói tới người đứng đầu tổ chức này. Ở đây đó là vua Hùng Vương.

Vậy sự thật về Hùng Vương ra sao ? Cơ cấu chính quyền của xã hội Lạc việt thời này thế nào ?

A. Vua Hùng có hay không ?

Về vấn đề này có hai giả thuyết được nêu lên :

1) *Giả thuyết thứ nhất* gồm có : Nhượng Tống, Nguyễn Phương và một số học giả khác nghi ngờ về triều đại Hùng Vương với nước Văn lang trong lịch sử dân tộc Việt :

● Nhượng Tống, trong bản dịch cuốn *Đại việt Sử ký Toàn thư* của Ngô Sĩ Liên, nơi trang 51, có bàn rằng : « Theo như lời tác giả (chỉ Ngô Sĩ Liên), tập Ngoại kỷ về triều họ Hồng Bàng và triều vua Thục là do mình mới thêm vào. Thêm vào bằng cách nào ? Tác giả đã bảo ta : « Tham bác với Bắc sử, Dã sử ; với các sách truyện, chí ; cùng với các điều được nghe, được thấy, được truyền dạy... ». Nói một cách khác, trong các sử cũ của ta, không hề có chép họ Hồng Bàng cùng vua Thục. Hai chuyện đó là tự Ngô Sĩ Liên chắp nối « đầu cua tai ếch » mà chế tạo nên !

Theo Nhượng Tống, sở dĩ Ngô Sĩ Liên « bịa » ra đời Hồng Bàng rồi đặt họ này lên đầu phần Ngoại kỷ, gán cho họ này là tổ của dân tộc Việt là có một hậu ý rõ ràng : đó là ý đề cao dòng họ Lê là dòng họ sử thần Ngô Sĩ Liên khâm phục và đang làm thần tử (Ngô Sĩ Liên làm quan dưới thời Lê Thánh Tông).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Nhượng Tống viết : « Ông Liên là sử thần đời Lê... và ở các nhà nho xưa, lòng trung ái cơ hồ như thiên tính... Huống chi vua của ông lại là Thánh Tông, một kẻ rất sùng nho, trọng đạo. Với vua ấy, ông có thể yêu tha thiết... Như trong lời tựa, ông đã muốn báo bổ nhà Vua bằng việc viết sử. Báo bổ cách nào ? Ấy là cách nhận ngầm dân Mường là chính giống Việt nam... Sao thế ? Bởi vì Lê Lợi, Thái tổ nhà Lê, chính là một người Mường... Nếu không là một người Mường, sao có kế thế làm phụ đạo động Lam sơn ? Miền cho tới nay cũng vẫn còn là một miền Mường thuần túy ! Ấy là cái duyên cớ khiến nhà viết sử của chúng ta đặt họ Hồng Bàng lên đầu Ngoại kỷ. » (1)

● Nguyễn Phương trong bài « *Lịch sử Lạc việt* » (2) lại cho rằng 18 đời vua Hùng gán cho nước Văn lang chính là 18 đời vua Hùng của nước Sở bên Trung quốc, và Hùng Vương ở nước Văn lang chính là Lạc vương mới đúng. Ông viết : « ... làm được cho Hùng Vương do Lạc vương mà ra cũng là Hùng Vương do nước Sở mà ra, đó mới là công việc các học giả Việt nam cố gắng làm. Con người đã bắt đầu công việc to tát đó có lẽ là tác giả của *Lĩnh nam Trích quái* vào thượng bán thế kỷ XV. Ở đây sự việc sẽ được chắp nối một cách tự do và quái dị ! Dẫn đầu một loạt những chuyện « trâu ma rắn thần », là chuyện họ

---

(1) *Đại việt Sử ký Toàn thư*, bản dịch của Nhượng Tống, trang 53.

(2) Nguyễn Phương, *Lịch sử Lạc việt*, Bách khoa số 197.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Hồng Bàng, tức là chuyện trong đó có nói về Hùng Vương. (1)» Rồi sau khi chép lại chuyện Hùng Vương trong *Lĩnh nam Trích quái*, Nguyễn Phương phê bình : « Tính cách tưởng tượng của câu chuyện thật là rõ rệt. Ngoài ra nó còn mang tính cách đồi phong bại tục nữa... Nhưng không phải nhờ tập *Lĩnh nam Trích quái* mà tập truyền Hùng Vương đã được bất hủ hóa trong trí óc người Việt. Tác phẩm đã làm việc đó, chính là bộ *Đại việt Sử ký Toàn thư* của Ngô Sĩ Liên. Trong Toàn thư, ông không có công sáng tác câu chuyện, nhưng sáng kiến của ông lại không ai bì kịp... đó là lấy chuyện quái dị làm chuyện sử... » (2) và Nguyễn Phương kết luận : « Như vậy tính cách giả tạo của tất cả câu chuyện Hùng Vương đã trở thành hiển nhiên, và thứ dân đầu tiên lịch sử nói đến ở Cổ việt chỉ có thể là dân Lạc việt, với người đứng đầu là Lạc Vương (3). »

● Nhượng Tống nghi ngờ Ngô Sĩ Liên « bịa » ra thời đại Hùng Vương để đề cao triều đại của nhà Lê mà họ Ngô đang giúp giập. Thực ra Ngô Sĩ Liên không hề « sáng tác » ra triều đại Hùng Vương. Trước thời Ngô Sĩ Liên người ta đã thấy có đền thờ Hùng Vương tại làng Hi cương, huyện Sơn vi, tỉnh Phú thọ, nơi mà truyền thuyết cho rằng đó là kinh đô cũ của vua Hùng (4). Theo ông H. Maspéro, trong *Le Royaume de Văn*

---

(1) (2) (3) Bách khoa, số 197.

(4) Đền thờ vua Hùng chắc chắn đã có từ đầu thế kỷ XV trở về trước vì người Minh sau khi đánh nhà Hồ, chiếm nước ta, đã có nói tới đền thờ này trong cuốn *Đại Minh Nhất thống chí*, quyển 90, tờ 5 b của họ.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

lang (1), thì đền thờ này không xưa lắm, có lẽ mới được dựng lên vào đời nhà Trần. Điều này chứng tỏ rằng « truyền thuyết Hùng Vương » đã có trước Ngô Sĩ Liên, sử gia Ngô Sĩ Liên chỉ làm công việc ghi chép lại ; và đồng thời, đền này cũng không phải được lập ngay khi triều đại vua Hùng vừa bị diệt để chứng tỏ chắc chắn cho giả thuyết « vua Hùng là có thật. »

Còn Nguyễn Phương không hẳn phủ nhận « sự thật Hùng Vương » mà chỉ cố chứng minh Hùng Vương tức là Lạc Vương.

2) *Giả thuyết thứ nhì* gồm có đa số học giả ngoài Bắc cho rằng : « *Họ Hồng Bàng và vua Hùng là có thật* » (2). Tác giả bài « *Họ Hồng Bàng và vua Hùng là có thật* » không đưa ra một luận cứ nào vững chắc, mà hoàn toàn chỉ dựa vào « *điều thư tịch nói rằng : Thời Chu Trang Vương, ở Bộ Gia ninh, có người xưng là Hùng Vương, dùng ảo thuật để áp phục nhân dân* » (3).

Ngoài ra còn nhiều tác giả khác ở ngoài Bắc đã cố gắng chứng tỏ « Hùng Vương là có thật » bằng cách ghép khoa khảo cổ học gắn liền với thời đại Hùng Vương, khiến cho người đọc có cảm tưởng như khoa khảo cổ học đã tìm được dấu tích Hùng Vương qua những địa khai đào quật được hoặc trên những

---

(1) BEFEO, XVI (1916).

(2) Đào Tử Khai, *Họ Hồng Bàng và vua Hùng là có thật*, trong *Hùng Vương dựng nước*, Hànội, 1970.

(3) Đào Tử Khai, sách đã dẫn, trang 33. Điều thư tịch mà Đào Tử Khai nói ở đây chính là cuốn *Việt sử lược*, một cuốn sử viết vào khoảng năm 1377 của một tác giả Việt nam khuyết danh.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

hoa văn của đồ gốm, đồ đồng tìm thấy (1). Hơn thế nữa Tô Minh Trung và Đỗ Văn Ninh, trong bài « *Những người làm công tác sử học ở miền nam Việt nam đã bàn gì về thời đại Hùng Vương* » (2) đã chê sử gia Nam Việt nam về việc họ tìm hiểu sự thật về Hùng Vương là : « Không có những sử liệu chính xác, khoa học, không thêm được chút tài liệu mới nào vượt quá lập luận của H. Mapê-rô, Lê Chí Thiệp, Lê Dư, vẫn với phương pháp duy nhất là lục lạo trong mớ sử cũ của Trung quốc và Việt nam... »

Chúng ta không phủ nhận được công trình to lớn của các nhà khảo cổ học ngoài Bắc đã thực hiện được nhiều công cuộc khai quật giá trị, đóng góp rất nhiều về việc tìm hiểu thời đại đồ đá, đồng thau tại miền Bắc Việt nam. Tuy nhiên, những địa khai mà các nhà khảo cổ học ngoài Bắc thực hiện cho tới giờ, mới chỉ cho ta biết được một cách chắc chắn những văn hóa vật chất của dân ta trong một giai đoạn lịch sử nào đó, mà ta cũng chỉ mới chắc chắn gọi được là *thời đại đồ đá, thời đại đồng thau*, hoặc gọi bằng tên địa danh khai quật : Văn minh Hòa bình, Bắc sơn, Phùng nguyên, Gò mun, Đông sơn... Chứ

---

(1) Trong cuốn *Hùng Vương dựng nước* ta thấy có các đề tài rõ rệt bao hàm ý này, chẳng hạn như : — *Khảo cổ học và vấn đề Hùng Vương* của Diệp Đình Hoa. — *Những di tích hậu kỳ thời đại đá mới, thời đại đồng thau trên miền Bắc Việt nam và vấn đề thời đại Hùng Vương* của Phạm Văn Kỉnh.

(2) *Hùng Vương dựng nước*, trang 243 - 238.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

chưa có một chứng tích vật chất nào do khoa khảo cổ cung cấp chứng tỏ có sự tồn tại của một triều đại Hùng Vương trên mảnh đất Bắc việt vào thời gian từ năm 258 trước Tây lịch trở về trước. Rốt cuộc, các nhà sử học miền Bắc vẫn phải dựa vào « mớ sử cũ của Trung quốc và Việt nam » mà định niên đại cho thời Hùng Vương. Chính Hoàng Xuân Chinh trong bài « *Về thời gian tồn tại của thời Hùng Vương* » (1) cũng đã phải dựa vào *Việt sử lược*, *Đại việt Sử ký Toàn thư* để đoán định về thời gian tồn tại của thời đại Hùng Vương và rồi phải thú nhận : « Sở dĩ có sự khác nhau trên là do chúng ta nghiên cứu còn đang quá tản mạn. Đối với sự xác minh, giám định các tài liệu trên, chúng ta mới đang trên quá trình tiến hành. Trong khi đó việc đoán định niên đại tuyệt đối của các di chỉ khảo cổ, văn hóa khảo cổ, thì cho đến nay, chúng ta chưa có điều kiện làm được » (2).

● Tóm lại các học giả vẫn chưa đồng ý với nhau về vấn đề vua Hùng có thật hay không.

Vì phía chúng tôi, như đã minh xác ngay từ khởi đầu bài này, hiện chúng tôi không đủ tài liệu chắc chắn để có thể quyết chắc rằng vua Hùng (hay vua Lạc), coi như một ông vua trong nền quân chủ phong kiến, có hay không trong lịch sử cổ đại của dân Việt. Mà có lẽ cũng khó ai có thể đưa được một sự thật chính xác về vấn đề này.

---

(1) *Hùng Vương dựng nước*, trang 64-71.

(2) Hoàng Xuân Chinh; *Hùng Vương dựng nước*, trang 66-67.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

● Tuy nhiên, theo thiển ý, nếu có một vua Hùng (hay vua Lạc) thì vị vua này cũng chỉ là một *tù trưởng trong một bộ lạc lớn* nằm ở trung tâm sinh hoạt của dân Lạc việt (tại Phong châu, tức miền Vĩnh phú hiện nay ở Bắc việt). Luận cứ chứng minh ý kiến này sẽ được biện giải trong phần sau đây.

B. Cơ cấu chính quyền thời Hùng Vương.

1) Cổ thư và khoa khảo cổ nói gì về vấn đề này ?

● Muốn biết cơ cấu chính quyền thời Hùng Vương, thiết nghĩ không gì hơn là phải lục lọi lại các *THƯ TỊCH CỔ* nói về thời này :

— Một trong những sách cổ nhất của Trung hoa viết về xã hội Lạc việt là cuốn *Giao châu ngoại vực ký* (viết vào thế kỷ IV, nay không còn) được *Thủy kinh chú* chép lại (1) như sau :

« Đất Giao chỉ xưa, thời chưa chia thành quận huyện, đất đai có Lạc điền, ruộng làm theo nước thủy triều lên xuống. Dân khai khẩn để sinh sống trên ruộng này, nhân đó gọi là Lạc dân, dựng lên Lạc vương, Lạc hầu làm chủ các quận huyện. Ở các huyện đa số là Lạc tướng làm chủ. Lạc tướng có ấn đồng giải xanh. »

Âm : Giao chỉ tích vị hữu quận huyện chi thời, thổ địa hữu Lạc điền, kỳ điền tùng triều thủy thượng hạ. Dân khẩn thực

---

(1) Lịch Đạo Nguyên, *Thủy kinh chú*, quyển 37, trang 458.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

kỳ điền, nhân danh vi Lạc dân, thiết Lạc vương, Lạc hầu chủ chư quận huyện. Huyện đa vi Lạc tướng. Lạc tướng đồng ấn thanh thụ.)

Đến thế kỷ thứ V, Thẩm Hoài Viễn, tác giả *Nam việt chí* đã chép về xã hội của dân Giao chỉ thời Hùng Vương như sau :

« Đất Giao chỉ rất phì nhiêu, nhiều dân bị di cư đến đó. Họ là những người đầu tiên khai khẩn đất. Đất đen và bốc hơi mạnh lắm, bấy giờ những cánh đồng đó gọi là Hùng điền và dân là Hùng dân. Có một ông chúa gọi là Hùng Vương và Hùng Vương có các chức viên giúp việc gọi là Hùng hầu. Lãnh thổ đất Hùng thì chia ra cho các Hùng tướng » (1).

— Nhìn về sách do người Việt viết ta thấy có cuốn *Lĩnh nam Trích quái* (đầu thế kỷ XV) chép về tổ chức chính trị thời Hùng Vương như sau :

« Hùng Vương... sai các em phân trị, đặt em thứ làm tướng võ, tướng văn ; tướng văn gọi là Lạc hầu, tướng võ gọi là Lạc tướng, con trai vua gọi là Quang lang, con gái gọi là My nương, quan hữu ty gọi là Bồ chánh, thần bộc nô lệ gọi là nô tỳ, xưng thần là khôi, đời đời cha truyền con nối gọi là phụ đạo, thay đời truyền cho nhau đều hiệu là Hùng Vương không đổi (2) ».

---

(1) Dẫn theo Hoàng Hưng, *Hùng Vương dựng nước*, trang 87.

(2) *Lĩnh nam Trích quái*, bản dịch của Lê Hữu Mục, trang 45. Đoạn này được *Toàn thư* và *Cương mục* chép lại.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

— Lê Quí Đôn, trong *Vân đài loại ngữ*, chép lại sách *Phiên ngung tạp ký* như sau :

« Đất Giao chỉ... xưa kia có quân trưởng gọi là Hùng Vương, tướng văn là Hùng hầu, tướng võ là Hùng tướng » (1).

Phan Huy Chú, trong *Lịch triều hiến chương loại chí, Nhân vật chí* (2) chép :

« Lúc bấy giờ, vua tôi cùng đi cày, cha con tắm cùng (sông) không chia giới hạn, không phân biệt uy quyền thứ bậc. »

● Nếu dựa theo thư tịch trên, thì ta phải nhận rằng thời Hùng Vương, nước Văn lang đã có vua, có triều đình. Vua, gọi là Hùng Vương, đã có quyền phong cho thân thích đất đai. Những người được phong đều được cha truyền con nối hưởng tước phong và đất đai được phân phong. Đó chính là chế độ *quân chủ phong kiến* giống như chế độ nhà Chu bên Trung quốc.

Tuy nhiên, nếu xét kỹ, ta thấy tất cả các thư tịch trên có lẽ chịu ảnh hưởng nhiều của *Giao châu ngoại vực ký* được dẫn lại trong *Thủy kinh chú*. Mà *Giao châu ngoại vực ký* chỉ mới xuất hiện vào thế kỷ thứ IV, cách thời Hùng Vương ít nhất là 7 thế kỷ, và cuốn này lại do một tác giả Trung hoa viết nên việc gán ghép cho thể chế thời Hùng Vương tương tự như thể chế Trung quốc đương thời (thời Chu) là việc thường thấy.

---

(1) Lê Quí Đôn, *Vân đài loại ngữ*, bản dịch, trang 149.

(2) Bản dịch, trang 154.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Cho nên ta có thể đặt nghi vấn về *chính thể thời Hùng Vương theo thư tịch cổ.*

● Quay sang các nhà *KHẢO CỔ HỌC*, dân tộc học và các sử gia hiện thời, ta được biết gì về chính thể thời Hùng Vương?

— Nguyễn Minh Cương, trong bài « *Thử tìm hiểu mối quan hệ giữa văn hóa Phùng nguyên và văn hóa hậu kỳ thời đại đá mới ở miền nam Trung quốc* » đã viết (1) :

« Qua mối thống nhất về đặc trưng văn hóa vật chất của văn hóa Phùng nguyên trên một miền đất rộng bao gồm các tỉnh Vĩnh phú, Hà tây, một phần Hà bắc và Hà nội, ta có thể suy đoán rằng lúc đó nếu không phải là liên minh bộ lạc, thì các thị tộc đã gắn bó với nhau chặt chẽ thành bộ lạc hùng mạnh để khai phá miền châu thổ sông Hồng và để chống với sự xâm nhập từ bên ngoài. »

— Phạm Văn Kỉnh, trong bài « *Những di tích hậu kỳ thời đại đá mới, thời đại đồng thau trên miền bắc Việt nam và về vấn đề thời đại Hùng Vương* » đã cho rằng « chúng ta có thể biết rằng cơ cấu xã hội của thời đại này đã vượt khỏi phạm vi của chế độ thị tộc và bộ lạc, nhưng cơ cấu xã hội đó như thế nào, chúng ta chưa có những tài liệu chắc chắn. Nhưng dù sao đi nữa, chúng ta có thể nhận xét rằng đây là một thời kỳ có những biến chuyển quan trọng, tạo nên những cơ cấu cần thiết

---

(1) *Hùng Vương dựng nước*, trang 75 - 76.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM THƯ VIỆN HUỆ QUANG

cho sự ra đời, hoặc đã manh nha với một hình thức nào đó, một cơ quan... Đó là nhà nước ». (1)

— Nguyễn Linh, trong bài « *Về những giai đoạn phát triển của « nước Văn lang » và thời kỳ Hùng Vương* » chia sự hình thành nước Văn lang qua ba giai đoạn (2) :

1) *Sự hình thành bộ lạc Văn lang :* diễn ra cuối thời đại đá mới hậu kỳ, lúc chưa biết kỹ thuật đồ đồng. Di tích An đạo là điển hình, di chỉ Phùng nguyên là mốc cuối cùng. Thời gian từ khoảng 2.000 đến 1.500 năm trước Công nguyên.

2) *Cư dân bộ lạc Văn lang* chuyển sang thời đại đồng thau, đó là giai đoạn sơ kỳ thời đại đồng thau, kéo dài từ thế kỷ XV đến thế kỷ thứ VII trước Công nguyên. Di tích tiêu biểu là Lũng hòa, Gò bông, Nghĩa lập, Gò ấp.

3) *Sự hưng khởi của nước Văn lang*, việc thành lập nước Văn lang trùng hợp với thời kỳ hưng thịnh của thời đại đồng thau, được phản ảnh trong các di tích Từ sơn, Gò mun, Đông lâm, Việt khê, sự xuất hiện của những kiểu trống đồng cổ nhất. Thời điểm của nước Văn lang là từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ thứ III trước Công nguyên.

• Nếu dựa theo các nhà khảo cổ miền Bắc như chúng tôi vừa trích dẫn ở trên thì nước Văn lang chậm lắm là vào cuối thời Hùng Vương, đã có một cơ quan nhà nước bao trùm lên

---

(1) *Hùng Vương dựng nước*, trang 54.
(2) *Hùng Vương dựng nước*, trang 78.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

dân Lạc việt. Và như thế thì nước Văn lang bấy giờ đã chắc chắn thành hình. Tổ chức chính trị và chính thể tại nước Văn lang bấy giờ như thế nào thì các nhà khảo cổ học vừa kể đề dặt nói rằng không đủ tài liệu để biết cho chắc chắn.

— Thực ra thì không phải dựa vào khoa khảo cổ học mà các nhà khảo cổ kể trên đã đi tới kết luận có một nhà nước Văn lang. Chính Phạm Văn Kỉnh (sách đã dẫn, trang 50) đã thú nhận : « *hiện nay chúng ta chưa có trong tay những tài liệu khảo cổ có « dấu ấn » rõ rệt của « nước Văn lang* ». Mà chính là nhờ ánh sáng của tư tưởng En ghen mà họ đã đưa tới kết luận có « nhà nước Văn lang » thời Hùng Vương (1).

---

(1) Phạm Văn Kỉnh, sách đã dẫn, trang 54 : « Nhưng dù sao đi nữa chúng ta có thể nhận xét rằng đây là một thời kỳ có những biến chuyển quan trọng, tạo nên những cơ sở cần thiết cho sự ra đời, hoặc đã manh nha với một hình thức nào đó, một cơ quan mà, theo En ghen : «Không những bảo vệ những của cải mà các tư nhân vừa mới có được, khỏi bị những truyền thống Cộng sản chủ nghĩa của chế độ thị tộc xâm phạm, không những thần thánh hóa các quyền tư hữu tài sản trước kia bị khinh rẻ, tuyên bố rằng sự thần thánh hóa đó là mục đích tối cao của mọi xã hội loài người, mà nó lại còn làm cho những hình thức mới và phát triển kế tiếp nhau của việc thu được tài sản, hay nói một cách khác, của cải luôn luôn tăng lên nhanh chóng hơn, được xã hội nói chung thừa nhận, một cơ quan không những chỉ kéo dài mãi sự phân chia xã hội thành giai cấp, sự phân chia này hiện mới chớm nở — mà còn kéo dài mãi quyền của giai cấp hữu sản bóc lột giai cấp không có của, và quyền thống trị của giai cấp hữu sản đối với giai cấp không có của ». Đó là nhà nước. »

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Để áp dụng tư tưởng En ghen vào việc chứng minh có nhà nước Văn lang, Phạm Văn Kỉnh đã dựa vào khu mộ Việt khê: khu mộ này cho thấy « có sự phân biệt giàu nghèo rõ rệt : chủ nhân của một trong những ngôi mộ đó là một người bản địa giàu có và còn thuộc loại quí tộc nữa. Một số lượng lớn gồm hàng trăm vật tùy táng quý giá, những loại vũ khí quí, những đồ dùng xa xí chứng tỏ chủ nhân của nó rất cách biệt với nhân dân » (1).

Ta biết rằng: không phải hễ có sự phân biệt giàu nghèo là phải có một nhà nước theo kiểu một tổ chức quốc gia như nước Văn lang theo quan niệm của các nhà khảo cổ miền Bắc. Về khu mộ Việt khê, sao ta không thể đưa giả thuyết rằng mộ này là của một người tù trưởng của một bộ lạc? Mà sao cứ phải gán cho chủ nhân của nó thuộc thành phần tư bản quí tộc trong một xã hội « *vượt khỏi phạm vi của chế độ thị tộc và bộ lạc* ».

— Giả định của Nguyễn Linh về các giai đoạn hình thành nước Văn lang cũng không có chứng cớ vững chắc. Những di tích khảo cổ mà Nguyễn Linh ghép cho mỗi giai đoạn của bộ lạc, bộ và nhà nước Văn lang hoàn toàn do tác giả họ Nguyễn tự đặt ra, chứ không có di tích An đào, Lũng hòa, Từ sơn... nào chứng tỏ có sự tồn tại của bộ lạc, bộ, nhà nước Văn lang cả.

2) *Sự thực về cơ cấu chính quyền thời Hùng Vương ra sao ?*

---

(1) Phạm văn Kỉnh, sách đã dẫn, trang 51.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Vậy thì cơ cấu chính quyền của dân Lạc việt thời Hùng Vương như thế nào? Khó thể xác định một cách chắc chắn vấn đề này.

Tuy nhiên chúng tôi cũng thử đưa ra một phương pháp để tìm hiểu về xã hội nước ta thời Hùng Vương. Phương pháp này dựa vào sự tiến hóa tất nhiên của mọi xã hội nhân loại qua thời gian, nhất là sự tiến hóa về cơ cấu xã hội. Xã hội Việt nam không vượt ra ngoài qui lệ tiến hóa này. Chúng tôi sẽ định một thời điểm nào đó, mà vào thời điểm này ta có thể biết được khá chính xác xã hội ta đang cần khảo cứu. Ở trường hợp Việt nam, chúng tôi chọn thời điểm đó là thời Bắc thuộc vì, ở thời Bắc thuộc, ta có thể đọc thấy trong các sử sách Trung hoa sinh hoạt của dân ta, nhất là về cơ cấu xã hội nước ta do các nhân chứng đương thời người Trung hoa qua ta viết lại. Dựa vào xã hội thời Bắc thuộc này, ta đi ngược trở lên trước từ 3 đến 10 thế kỷ là có thể suy đoán, tuy không được chính xác lắm, nhưng cũng không đến nỗi quá xa sự thật, về xã hội nước ta thời Hùng Vương.

Áp dụng phương pháp này chúng tôi có thể đưa ra nhận định sau về cơ cấu xã hội của dân ta thời Hùng Vương :

Vào thời Hùng Vương ta chưa có một nước « Văn lang » với một guồng máy nhà nước duy nhất bao trùm lên toàn thể miền Bắc Việt nam; mà bấy giờ chỉ có những bộ lạc, với mối giây liên kết nào đó, rải rác khắp miền châu thổ sông Hồng, Thái bình, Chu và Mã.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

● Để chứng minh cho điều nhận định này, trước hết chúng tôi thiết nghĩ phải bác bỏ luận cứ dựa vào thư tịch xưa cho rằng thời Hùng Vương hay Lạc Vương, ta đã có một nước Văn lang với vua Hùng hay Lạc cai trị như một ông vua trong nền quân chủ phong kiến.

Khởi đầu là một đoạn trong *Giao châu ngoại vực ký* (thế kỷ thứ IV) được dẫn trong *Thủy kinh chú*, nói về giống dân Lạc, có Lạc vương, Lạc hầu và Lạc tướng cai trị. Sau đó có cuốn *Nam việt chí* của Thẩm Hoài Viễn (thế kỷ thứ V) được *Thái bình quảng ký* của Lý Phỏng và *Thái bình hoàn vũ ký* của Nhạc Sử trích dẫn lại vài đoạn nói về đất Giao chỉ có dân Hùng, do một ông chúa là Hùng Vương cai trị với các Hùng hầu giúp việc, Hùng tướng chia nhau cai trị lãnh thổ đất Hùng (1).

Còn các sách sử của ta thì đều dựa vào sách sử của Tàu, rồi thêm bớt chút ít cho ra vẻ có một vua Hùng là Quốc tổ của dân Việt, một dân tộc có « bốn ngàn năm Văn hiến ».

Do đó, ta thử xét lại toàn bộ bản văn có lẽ là đầu tiên nói về cơ cấu xã hội của dân tộc Lạc : đoạn văn của *Giao châu ngoại vực ký* được dẫn lại trong *Thủy kinh chú*, quyển 37, trang 458. Bản văn đó như sau :

交趾昔未有郡縣之時土地有雒田其田從
潮水上下民墾食其田因名爲雒民設雒王
雒侯主諸郡縣縣多爲雒將雒將銅印青綬

(Phần phiên âm chúng tôi đã dẫn ở trên)

---

(1) Bản dịch đoạn văn này đã dẫn ở như trên.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

H. Maspéro, trong *Le Royaume de Văn lang*, BEFEO, XVI (1916) trang 8 dịch đoạn này ra tiếng Pháp như sau :

« Autrefois, au temps où le Kiao-tche n'était pas encore divisé en commanderies et sous-préfectures, son territoire formait les champs lo (lặc), où l'eau montait et descendait suivant la marée. Les habitants labouraient des champs pour en tirer leur nourriture ; c'est pourquoi on les appelait le peuple lo (lặc). Il y avait le roi lo (lặc) et les marquis lo (lặc) qui étaient à la tête des commanderies et des sous-préfectures. Dans les sous-préfectures, il y avait beaucoup de chefs lo. Les chefs lo recevaient (au temps des Han) un cachet de cuivre avec ruban vert ».

Hoàng Hưng, trong *Hùng Vương dựng nước*, trang 87, dịch như sau :

« Đời xưa, đất Giao chỉ khi chưa chia thành quận huyện, ruộng đất gọi là Lạc điền, nước lên xuống theo thủy triều. Dân cư cày bừa trên ruộng đó để sinh sống, gọi là Lạc dân. Lạc vương và Lạc hầu cai trị các quận huyện đó. Ở các huyện đó có Lạc tướng; Lạc tướng có ấn đồng giải xanh ».

Nguyễn Phương, trong *Việt nam thời Khai sinh* (Viện Đại học Huế xuất bản, 1965) nơi trang 137 đã dịch đoạn trên như sau:

« Xưa, khi Giao chỉ chưa thành quận huyện, đất đai có ruộng gọi là ruộng Lạc, ruộng đó tùy thủy triều lên xuống mà làm. Dân khẩn ruộng đó mà ăn, vì thế tất cả gọi là dân Lạc. *Họ lập* Lạc vương, Lạc hầu để coi quận huyện. Có nhiều Lạc tướng, có ấn đồng lụa xanh ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Ta thấy bản dịch của Hoàng Hưng dựa nhiều vào bản chữ Pháp của H. Maspéro, còn bản dịch của Nguyễn Phương có hơi khác. Cả ba bản dịch đó đều có những chỗ khiến ta cần xét lại. Đó là :

a. Bản dịch của H. Maspéro và Hoàng Hưng đã bỏ quên chữ « thiết » không dịch. Nguyên văn câu ở bản chữ Hán là : « *Dân khẩn thực kỳ điền, nhân danh Lạc dân, thiết Lạc vương, Lạc hầu chủ chư quận huyện* . . . », Ông H. Maspéro đã cắt câu này làm hai và dịch là : « les habitants labouraient des champs pour en tirer leur nourriture ; c'est pourquoi on les appelait le peuple lo (lặc). Il y avait le roi lo (lặc) et les marquis lo (lặc) qui étaient à la tête des commanderies et les sous-préfectures ». Hoàng Hưng theo H. Maspéro và dịch là : « Dân cư cầy bừa trên ruộng đó để sinh sống, gọi là Lạc dân. Lạc vương và Lạc hầu cai trị các quận huyện đó ».

Ta thấy rõ cả hai bản dịch, Pháp lẫn Việt, đều bỏ rơi mất chữ « thiết ».

Còn bản của Nguyễn Phương có dịch chữ « thiết », nhưng ông lại thêm chủ từ cho chữ thiết và dịch là : « *họ lập* ». Họ ở đây, theo ý học giả họ Nguyễn, là « người Trung hoa », hay nói rõ hơn là người Hán. Nguyễn Phương lý luận : « Nếu tổ chức Vương, Hầu, Tướng không phải do nhà Hán thiết lập, vì nhà Hán không có thói quen đó và vì nó đã có trước khi nhà Hán đến, thì tại sao nó lại đầy dẫy mầu sắc Trung quốc đến thế ? Nhà Hán không lập Vương, Hầu, Tướng ở những nơi họ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

mới chiếm cứ, nhưng những tiếng Vương, Hầu, Tướng là tiếng Trung quốc, và tổ chức đó ai cũng biết là tổ chức phát xuất từ Trung quốc. Muốn giải quyết khó khăn này, chúng ta có thể nghĩ rằng : trước khi bị Trung quốc đến cai trị, người Lạc việt đã có một tổ chức khá phát triển, gồm có một số người đứng đầu và nhiều người giúp việc cai trị ; tổ chức đó, khi các sử gia Trung quốc muốn mô tả, họ đã dùng những danh từ tương đương trong ngôn ngữ Trung quốc, gọi người đứng đầu là Vương, gọi các thứ bực giúp việc là Hầu, là Tướng. Hỏi các danh từ Vương, Hầu, Tướng có diễn đúng sự thật của tổ chức Lạc việt không ? Điều đó chúng tôi không biết, và có lẽ cũng không ai có thể biết ». (1)

Thực ra với lập luận trên, Nguyễn Phương chưa thể biện minh cho việc dùng chữ « họ » (chỉ người Hán) đặt trên câu « lập Lạc Vương, Lạc Hầu . . . »

Còn bảo rằng người Hán dùng chữ Vương để chỉ người đứng đầu, và những chữ Hầu, Tướng để chỉ những người giúp việc, lại càng vô căn cứ. Trong bản văn của *Giao châu ngoại vực ký* dẫn trên có chỗ nào nói đến Lạc vương đứng đầu và Lạc hầu, Lạc tướng giúp việc cho Lạc vương đâu ? Hay ta chỉ thấy : Lạc vương, Lạc hầu đều được là chủ các quận huyện, cũng như tại đa số các huyện, có Lạc tướng làm chủ ?

Đó là chưa kể việc dùng tước hiệu của nước mình để gán cho các nhà cầm quyền nước ngoài của các sử gia Trung quốc

---

(1) Nguyễn Phương; *Việt nam thời khai sinh*, trang 142.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

hoàn toàn nằm trong ức đoán của Nguyễn Phương. Trái hẳn thế, qua các bộ sử của Trung quốc, như Hán thư, Đường thư... ta thấy truyền thống của các sử gia Trung quốc vẫn là tôn trọng các địa danh, nhân danh, cùng tên gọi các chức quan của các nước « man di » và họ cố gắng phiên âm ra tiếng Trung quốc cho thật sát với tiếng địa phương.

Vậy « thiết » có nghĩa gì ?

Theo Từ hải, chữ « Thiết » 設 có mấy nghĩa như sau :

— Thiết là *đặt ra, bầy ra* (thi trần dã 施陳也)

— Thiết là *đặt dựng lên* (trí lập dã 置立也)

— Thiết là chữ dùng *chỉ sự noi theo, đắn đo bắt chước* (huyền nghĩ chi từ 縣擬之詞)

— Thiết là *to lớn* (đại dã 大也).

Ta có thể dùng nghĩa thứ nhất và thứ nhì của chữ « thiết » mà dịch nghĩa câu trên như sau : « *Dân khai khẩn để sinh sống ruộng này, nhân đó gọi là Lạc dân, dựng lên Lạc vương, Lạc hầu làm chủ các quận huyện* » .

Ta lại cũng có thể dựa vào nghĩa thứ tư của chữ « thiết » (thiết là to lớn) để dịch nghĩa câu này như sau : « *Dân khai khẩn để sinh sống ruộng này, nhân đó gọi là Lạc dân, to (hơn Lạc dân thì có) Lạc vương, Lạc hầu, chủ các quận huyện* ».

Nếu dùng nghĩa chữ *thiết là dựng lên*, thì ai dựng lên Lạc vương, Lạc hầu ? Phải chăng đó là Lạc dân ?

Nếu vậy thì vào thời này đã có một nền dân chủ cổ đại, các người cầm quyền bộ lạc đã do dân chọn lựa rồi chăng ?

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Nếu dùng nghĩa chữ *thiết là to lớn* thì có vẻ hơi gượng ép và không được chỉnh lắm đối với từ pháp Trung hoa.

Dầu sao tôi cũng xin nêu một nghi vấn ở đây để các vị học giả tường lãm và góp thêm ý kiến làm sáng tỏ vấn đề này.

b. Tiếp theo câu trên là câu : « *Huyện đa vi Lạc tướng* ». Rõ ràng chữ « đa » không thể đi với Lạc tướng. Thế mà H. Maspéro dịch là : « Dans les sous-préfectures, il y avait beaucoup de chefs lo ». Hoàng Hưng dịch là « Ở các huyện đó có Lạc tướng ». Nguyễn Phương dịch : « có nhiều Lạc tướng ».

Vậy là H. Maspéro đã ghép chữ « *đa* » vào với Lạc tướng, còn Hoàng Hưng thì bỏ chữ « đa » đi không dịch. Nguyễn Phương bỏ sót mất chữ « Huyện » và cũng để chữ « đa » đi với Lạc tướng.

Câu trên theo thiển ý, phải dịch là : « Ở các huyện *phần lớn là Lạc tướng làm chủ* » (chữ « vi » ở đây có nghĩa thay cho chữ « chủ » ở trên).

Nếu phân tích kỹ bản văn chữ Hán trong *Giao châu ngoại vực ký* ở trên thì ta nhận thấy rằng :

* Tại khu vực có Lạc dân sinh sống, có nhiều bộ lạc (mà sau này người Tầu sang cai trị dựa vào các bộ lạc này mới chia thành quận, huyện).

* Làm chủ các quận huyện này là Lạc vương, Lạc hầu (nếu là *bộ lạc lớn*, được hiểu thị trong bản văn trên bằng chữ quận huyện) hay Lạc tướng (nếu là *bộ lạc nhỏ*, tương đương với

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

cấp huyện ở thời người Tầu cai trị). Mà đa số các bộ lạc cấp huyện sau này thì do Lạc tướng làm chủ (có thể còn thiếu số huyện do Lạc hầu làm chủ).

Nhận định này càng được chứng thực khá chắc chắn, nếu ta đọc tiếp đoạn văn kế tiếp đoạn trên, cũng trong *Giao châu ngoại vực ký* được *Thủy kinh chú* (quyển 37, trang 458-459) dẫn lại, như sau :

後蜀王子將兵三萬來討雒王雒侯服諸雒將.

(Âm : Hậu Thục Vương tử tương binh tam vạn lai thảo Lạc vương, Lạc hầu, phục chư Lạc tướng).

Nghĩa :

« Sau con Thục Vương đem binh ba vạn đến *đánh giết* Lạc vương Lạc hầu, *cho các Lạc tướng làm việc* (như xưa). »

(Xin ghi chú cho rõ : chữ *phục* ở đây nghĩa là theo, làm việc, chứ không có nghĩa như chữ phục 伏 (phục này có nghĩa là : cúi xuống, chịu khuất).

Cũng vẫn *Giao châu ngoại vực ký* dẫn trong *Thủy kinh chú* (quyển 37 trang 458) chép về thời Triệu và đầu đời Bắc thuộc của nước ta như sau :

漢後民郡二真九趾交主典者使二令王越
浦合到軍將路王越討德博路軍將波伏遣
民郡二及鍾千酒頭百牛齎者使二令王越
太真九趾交爲者使二拜乃軍將路詣簿口戶

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

守諸雒將主民如故... 後朱一雒將子名詩
索一冷雒將女名徵側爲妻側爲人有膽勇
將詩起賊攻破州郡服諸雒將皆屬徵側爲
王治一冷縣復交趾九眞二郡... (1)

(Âm: Việt vương lệnh nhị sứ giả điển chủ Giao chỉ, Cửu chân nhị quận dân. Hậu Hán khiển Phục ba Tướng quân Lộ Bác Đức thảo Việt vương. Lộ Bác Đức đáo Hợp phố. Việt vương lệnh nhị sứ giả tê ngưu bách đầu, tửu thiên chung, cập nhị quận dân hộ khẩu bạ, nghê Lộ Tướng quân. Nãi bái nhị sứ giả vi Giao chỉ, Cửu chân Thái thú ; chư *Lạc tướng chủ dân như cố*... Hậu Chu diên Lạc tướng tử danh Thi Sách, Mê linh Lạc tướng nữ danh Trưng Trắc vi thê. Trắc vi nhân hữu đảm dũng, tướng Thi khởi tặc, công phá châu quận, phục chư Lạc tướng, giai thuộc Trưng Trắc vi vương trị Mê linh huyện, phục Giao chỉ Cửu chân nhị quận...)

Xin dịch nghĩa như sau :

« Vua Việt ra lệnh cho hai sứ giả chủ trì phép tắc dân hai quận Giao chỉ, Cửu chân. Sau Hán sai Phục ba tướng quân Lộ Bác Đức đánh dẹp Việt vương. Lộ Bác Đức đến Hợp phố. Việt vương ra lệnh cho hai sứ giả đem một trăm con trâu, một nghìn vò rượu cùng sổ sách hộ khẩu dân hai quận tới dâng Lộ Tướng quân. (Tướng quân) bèn cho hai sứ giả làm Thái thú Giao chỉ, Cửu chân ; *các Lạc tướng vẫn làm chủ dân như cũ*.. Sau con trai Lạc tướng (huyện) Chu diên tên là Thi Sách lấy

(1) 3 dấu (—) là 3 chữ thiếu.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

con gái Lạc tướng (huyện) Mê linh tên là Trưng Trắc làm vợ. Trắc là người có đảm lược, dũng mãnh, theo Thi Sách khởi loạn công phá châu quận, các Lạc tướng phục tòng đều chịu thuộc quyền Trưng Trắc. (Trưng Trắc) làm vua trị huyện Mê linh, khôi phục lại hai quận Giao chỉ, Cửu chân ».

Hai đoạn văn trên cho ta thấy rõ mấy điểm sau :

* Khi Thục An Dương Vương qua đánh dân Lạc (không hề nói đến nước Văn lang), thì diệt hết Lạc vương, Lạc hầu (tức là tù trưởng các bộ lạc lớn), còn Lạc tướng thì vẫn để cho làm chủ các miền đất của họ như cũ (tức là ở các bộ lạc nhỏ).

* Lúc nhà Triệu dẹp xong nhà Thục, lập thành nước Nam việt, thì vua Nam việt chỉ sai hai sứ giả qua *chủ trì phép tắc* (điển chủ) đối với dân hai quận Giao chỉ, Cửu chân, còn vẫn giữ nguyên thể chế cũ, nghĩa là vẫn để *nguyên các bộ lạc cho các Lạc tướng làm chủ* như dưới thời nhà Thục và trước thời nhà Thục nữa.

* Lộ Bác Đức tuân lệnh vua Hán qua đánh Nam việt. Hai sứ giả của vua Nam việt tại Giao chỉ, Cửu chân xin hàng, đều được phong làm Thái thú ở lại trông coi hai quận đó như cũ. Và các *Lạc tướng vẫn được làm chủ dân trên đất họ như cũ.* Chỉ khác là các bộ lạc nay đổi thành huyện và bấy giờ Lạc tướng được coi như đứng đầu một huyện. Bấy giờ nhà Tây Hán chia quận Giao chỉ làm 10 huyện (1), quận Cửu chân làm 7 huyện (2), và quận Nhật nam làm 5 huyện (3).

(*Xem chú thích trang 79*)

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Nếu chỉ kể hai quận Giao chỉ và Cửu chân như *Giao châu ngoại vực ký* chép, thì nước ta bây giờ có cả thẩy 17 huyện. *Và có lẽ có 17 lạc tướng làm chủ 17 huyện đó.*

* Mãi đến khi Hai Bà Trưng khởi nghĩa (năm 39 sau Tây lịch), *chế độ Lạc tướng này vẫn còn* : Hai bà chính là con gái Lạc tướng huyện Mê linh (ở quận Giao chỉ) và Thi Sách, chồng bà Trưng Trắc, chính là con trai Lạc tướng huyện Chu diên (cũng ở quận Giao chỉ).

Chế độ Lạc tướng này chỉ bị bãi bỏ sau khi Mã Viện dẹp tan cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng, tổ chức lại guồng máy cai trị tại nước ta : các huyện đổi là thành và sau đó các viên huyện lệnh người Trung hoa thay thế dần người bản xứ ở thành (sau đổi lại làm huyện). Từ đó trở đi, dân Việt chỉ được tự trị trong các đơn vị hành chánh rất nhỏ, là làng xã.

(*Chú thích tiếp theo trang 78*)

(1) *Tiền Hán thư*, Địa lý chí, quyển 28 hạ, tờ 10 a : Giao chỉ có 10 huyện là : 1. Liên lâu ; 2. An định ; 3. Câu lâu ; 4. Mê linh ; 5. Khúc dương ; 6. Bắc đái ; 7. Kê từ ; 8. Tây vu ; 9. Long biên ; 10 Chu diên.

Quận Giao chỉ ở vào khoảng giữa lưu vực Nhị hà và sông Thái bình.

(2) *Tiền Hán thư*, Địa lý chí, quyển 28 hạ, tờ 10 b : Quận Cửu chân có 7 huyện là : 1. Tư phố ; 2. Cư phong ; 3. Đô lung ; 4. Hàm hoan ; 5. Vô thiết ; 6. Dư pháp ; 7. Vô biên.

Quận Cửu chân ở vào khoảng địa phận lưu vực sông Mã và sông Chu (tỉnh Thanh hóa, Nghệ an ngày nay).

(3) *Tiền Hán thư*, Địa lý chí, quyển 28 hạ tờ 11 : Quận Nhật nam có 5 huyện là : 1. Chu ngô ; 2. Tỷ cảnh ; 3. Lộ dung ; 4. Tây quyền, 5. Tượng lâm.

Quận Nhật nam ở phía nam quận Cửu chân, vào khoảng từ đèo Ngang đến đèo Hải vân.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Tóm lại, dựa vào các đoạn văn trong *Giao Châu ngoại vực ký* vừa dẫn chứng trên, ta có thể thấy rõ : thời Hùng Vương, tại miền Bắc Việt nam hiện thời đã có một giống dân, là dân Lạc sinh sống trong nhiều bộ lạc rải rác dọc theo ven sông. Làm chủ các bộ lạc này có Lạc vương, Lạc hầu, Lạc tướng. Lạc vương có lẽ là tù trưởng một bộ lạc lớn nhất, mạnh nhất, Lạc hầu là tù trưởng bộ lạc lớn vừa, còn Lạc tướng là tù trưởng bộ lạc nhỏ. Các Lạc vương, Lạc hầu, Lạc tướng này do Lạc dân lập lên theo một tục lệ nào đó nay ta không biết.

Các bộ lạc ở đây đã có nhiều liên lạc mật thiết vì, sự thống nhất của nền văn hóa Phùng nguyên bao trùm trên một miền đất rộng lớn tại miền châu thổ sông Hồng đã chứng tỏ rằng các bộ lạc này phải có mối liên lạc chặt chẽ với nhau (1).

● Ngoài ra, dựa vào *dân số học*, ta cũng có thể soi rọi nhiều ánh sáng vào xã hội thời Hùng Vương :

Ta có thể biết dân số nước ta vào thời Bắc thuộc lần thứ nhất (thế kỷ thứ nhất) như sau (2) :

Quận Giao chỉ :	746.217 người,	92.440 nhà,
Quận Cửu chân :	166.013 người,	35.753 nhà,
Quận Nhật nam :	69.485 người,	15.460 nhà,
Tổng cộng :	981.715 người.	143.653 nhà.

Con số thống kê trên do người Trung hoa thực hiện vào thời này, tuy không được chính xác lắm, nhưng cũng không

---

(1) Nguyễn Minh Chương, *Hùng vương dựng nước*, trang 75-76.

(2) *Tiền Hán thư*, quyển 28 hạ, tờ 10-11.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

đến nỗi quá sai sự thật. Dựa vào con số này, ta có thể ước đoán là dân ta vào thế kỷ thứ nhất có chừng trên dưới 1.000.000 (một triệu người), sống trong 150.000 nhà.

Theo sự ước đoán của các nhà địa lý thì dân Việt những năm gần đây tăng suất vào khoảng 14, 8‰ (sinh suất : 34, 1‰ tử suất : 19, 3‰ (phần nghìn).

Cứ cho rằng vào thời Thượng cổ, tử suất cao, sinh suất kém thì tăng suất của dân Việt ít nhất cũng phải 10‰ (10 phần nghìn) một năm.

Nếu tính từ thời Bắc thuộc ngược lên vào giữa thời Hùng Vương (thiên niên thứ nhất trước Tây lịch), thì ta có một thời gian là 10 thế kỷ cách biệt. Trong khoảng 10 thế kỷ này, không có một tài liệu sử học nào hiện tại chứng tỏ là có sự thay đổi dân số đột ngột do sự di dân bất ngờ trên miền đất Bắc Việt nam. Vậy ta có thể suy đoán được dân số thời Hùng Vương do cách tính dựa vào tăng suất :

1 năm tăng suất trung bình : 10‰ (10 phần nghìn)

1.000 năm tăng suất trung bình : 10.000‰ tức gấp 10 lần.

Vậy dân ta ở thế kỷ thứ nhất là 1.000.000 thì ở thế kỷ thứ 10 trước Tây lịch chỉ bằng một phần 10 tức chỉ vào khoảng 100.000 người.

(Thực ra, nếu tính cho chính xác thì nếu cứ 100 năm đầu tăng thành gấp 2, thì 100 năm sau sẽ tăng thành gấp 4 so với con số khởi đầu, và cứ thế 100 năm thứ ba sẽ tăng thành gấp 8...

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nghĩa là, nếu nói theo toán học : *dân số Việt tăng theo cấp số nhân, mà số tăng bội là 2*, và khoảng cách giữa hai con số là 100 năm.

Theo lý thuyết về dân số gia tăng của Malthus (được dẫn lại trong *Manuel d'Economie Politique*, Paris, 1953, trang 195, của Louis Baudin, thì : dân số tăng theo cấp số nhân, số công bội là 2, nghĩa là tăng theo như sau : 1, 2, 4, 8, 16, 32..., hai con số trên cách nhau 25 năm.

Nếu so với lý thuyết trên thì ước đoán về sự tăng gia dân Việt của chúng tôi còn quá thấp (một đẳng 25 năm, một đẳng 100 năm).

Tuy nhiên, nếu tính theo sự gia tăng dân số theo cấp số nhân này thì qua 1000 năm, từ thiên niên kỷ thứ nhất trước Tây lịch tới thế kỷ thứ nhất của Tây lịch, dân Việt phải tăng lên gấp 512 lần. Và như vậy thì dân Việt giữa thời Hùng Vương chỉ có chừng 2000 người !

Con số 100.000 như giả định là quá nhiều và bao gồm cả những biến cố như chết vì thiên tai, chiến tranh, bệnh hoạn...

Một trăm ngàn người sống rải ra ít nhất trong 15 bộ (theo truyền thuyết và sử cũ ghi), thì mỗi bộ trung bình chỉ có chưa đến 7.000 người ! Một dân số ít oi như vậy, sống trong một miền châu thổ bao la, rộng tới hơn 16.000 km2 (mới chỉ kể châu thổ sông Hồng và Thái bình, nếu thêm miền châu thổ sông Mã và sông Chu, thì tới hơn 22.000 km 2), một miền châu thổ ngày nay nuôi sống tới hơn 20 triệu mạng sống, thì ta cũng đủ

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

thấy ngay dân Lạc này sống một đời sống vật chất khá đầy đủ. Đất rộng, người thưa, tài nguyên thiên nhiên phong phú, họ đâu phải tranh giành đất đai, thực phẩm mà cần có một guồng máy nhà nước chặt chẽ để duy trì trật tự công cộng ; họ lại càng không thể chấp nhận được một ông Vua độc tôn có quyền phân phong đất đai cho các em cai trị các địa phương như *Lĩnh nam Trích quái* đã viết.

Từng nhóm một, họ tụ tập thành các bộ lạc và tuân phục một tù trưởng, do họ tôn lên, hướng dẫn họ trong các sinh hoạt tập thể của bộ lạc. Quyền hạn của các tù trưởng này như thế nào, ta không được biết rõ. Nhưng dựa vào số dân (vài nghìn người) trong các bộ lạc, thì ta cũng có thể đại khái suy đoán rằng các tù trưởng không có quyền uy sinh sát lớn, mà chỉ đóng vai như một người tôn trưởng, dùng tình cảm mà xử trị các mối tranh chấp trong bộ lạc.

KẾT LUẬN

● Do những luận cứ trên, ta thấy rõ không thể nào có một « nước Văn lang » bao trùm toàn thể miền Bắc Việt nam được. Nước Văn lang giả tưởng này là khu vực trong đó có một giống dân, gọi là dân Lạc việt sinh sống.

● Địa bàn sinh sống của dân Lạc việt này trải rộng khắp miền châu thổ sông Hồng, sông Mã và sông Chu. Trung tâm sinh hoạt của dân này là miền Phú thọ ngày nay, phía trên Việt trì (nơi ngã ba sông Đà và sông Hồng gặp nhau) một chút. Tại Phú thọ (xưa gọi là Phong châu) có một bộ lạc lớn, *có lẽ* do một

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

tù trưởng, sử sách gọi là Lạc vương hay Hùng vương, đứng đầu. Còn ở rải rác khắp miền châu thổ này có các bộ lạc nhỏ hơn, do các tù trưởng mà sử sách gọi là Lạc hầu, Lạc tướng đứng đầu.

• Lạc vương, Lạc hầu, Lạc tướng *có lẽ* chưa được cha truyền con nối, mà do Lạc dân tôn lên theo thể thức do tập tục của từng bộ lạc ấn định (giống như cách bầu cử các xã trưởng sau này ở tại các xã thôn Việt nam).

Chế độ xã thôn tự trị của dân ta sau này có lẽ phản ảnh khá trung thực đời sống chính trị của các bộ lạc dân Lạc việt thời Hùng Vương.

Các bộ lạc này đã có nhiều liên hệ mật thiết với nhau. Liên hệ về phương diện gì và mật thiết tới đâu, thì ta chưa thể xác định rõ được.

LÊ KIM NGÂN

Ban Tổ Chức Đại lễ Phật Đản 2.517, Viện Đại học Vạn Hạnh mời Độc giả Viết và Đọc :

KỶ YẾU PHẬT ĐẢN 2.517

Chủ đề :

ĐỨC PHẬT VÀ CON NGƯỜI HIỆN ĐẠI

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Lã Sĩ Bằng

KHỞI NGUYÊN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

(Rút trong Bắc thuộc thời kỳ đích Việt nam)

Lời giới thiệu của dịch giả :

Đây là dịch một chương trong Đặc san của Viện « Đông Nam Á nghiên cứu chuyên san » số III nhan đề : « Bắc thuộc thời kỳ đích Việt nam » của tác giả Lã Sĩ Bằng ở Đại học Trung Văn Hương cảng.

Với tinh thần tôn trọng sự thật của nhà văn hóa, nhất là ngành sử học, giáo sử Lã Sĩ Bằng trong tác phẩm nói trên tỏ ra hết sức trung thực, cởi mở và xây dựng. Riêng về những nhận định về Việt nam chúng tôi thấy rất chính xác, khách quan của nhà học giả chân chính cho nên chúng tôi có dùng làm tài liệu nghiên cứu về sự tương quan giữa văn hóa Trung hoa và Việt nam. Nay xin dịch nguyên văn một chương để độc giả thưởng thức và thẩm định sự cố gắng đáng mong đợi của « Viện Nghiên cứu Đông Nam » ở Hương cảng.

N. Đ. T.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Dân tộc Việt nam nguyên thuộc về hệ thống dân tộc bản xứ Đông nam Trung quốc thời cổ. Từ thượng cổ cho đến thời Tần Hán giải đất hiện tại gọi là Triết giang, Phúc kiến, Quảng đông, Quảng tây cho đến Bắc việt, Trung việt đều là đất của người Việt ở cả. Cuối thời Xuân thu Việt vương Câu Tiễn xưng Bá ấy là thời kỳ thịnh vượng nhất của người Việt, theo nhà Hán học người Pháp tên là E. Chavamres khảo chứng thì lãnh vực nước Việt thời ấy, phía Bắc suốt cả miền Giang tô đến tận phía Nam Sơn đông. Năm 465 tr. Kỷ nguyên dương lịch sau khi Câu Tiễn mất rồi người sau không thể thừa kế nghiệp Bá ấy nữa, nước Việt bèn suy vong. Truyền lại sáu đời đến Vô Cương, nước Sở đem quân đánh nước Việt. Vô Cương bị giết, người Sở chiếm hết đất đai. Bấy giờ vào năm 333 tr. Kỷ nguyên dương lịch. Sử ký của Tư Mã Thiên quyển 41 mục « Việt vương Câu Tiễn thế gia » có nói : « Từ đấy người Việt tản mác, con cháu các họ tranh chấp, người làm Vua, người làm Chúa ở ven biển Giang nam hàng phục vào nước Sở ».

Nhà Hán học người Pháp là L. Aurousseau căn cứ vào đoạn sử ấy mà suy luận ra cuộc di cư của người Việt như sau : « Căn cứ vào đoạn văn trên đây có thể thấy được việc di dân của người nước Việt xưa vào năm 333 tr. K.n. dương lịch. Bắt đầu họ đi xuống phương Nam tập đoàn chính dời khỏi bình nguyên phì nhiêu phía Bắc Đại dũ lĩnh, phía Đông vòng quanh các núi theo dọc bờ biển thiên di về phương Nam. Sử ký đã nói : « Con cháu các họ tranh lập hoặc làm Vua, hoặc

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

làm Chúa », thì có thể thấy rằng họ lập lên một số nước nhỏ mà không có thể thống nhất, nhân thế mà Việt tộc tản cư mới sinh ra nhiều nước nhỏ mà phổ thông gọi là Bách việt vào thế kỷ thứ 3 tr. K.n. dương lịch. Tóm lại mà nói thì năm 333 sau khi nước Việt đi xuống miền Nam lập thành một số quốc gia phong kiến, trong số ấy có bốn nước trọng yếu hơn cả là :

1) Nước Việt ở giải Ôn châu tức Đông Âu việt,

2) Nước Việt ở giải Phúc châu tức Mân việt,

3) Nước Việt ở giải Quảng châu tức Nam việt,

4) Nước Việt ở giải Quảng tây phía Nam cùng với Bắc việt tức là Lạc việt hay Tây Âu hùng.

Bốn nước ấy vào thời cuối nhà Chu nghĩa là cuối thế kỷ thứ IV đầu thế kỷ thứ III tr. K.n. Tây lịch đã thành lập rồi vì sách Trang tử quyển 7 trong ấy có nói đến Nam việt mà ở thời nhà Chu cũng có danh từ Lạc việt ».

Ông L. Aurousseau nghiên cứu lần lượt bốn nước trọng yếu trong hàng Bách việt rồi kết luận mà đoán định rằng nước Việt nam ngày nay trực tiếp thuộc về di dân của nước Việt đã diệt vong vào năm 333 tr. K.n. Tây lịch, mà tổ tiên của họ tại 6 thế kỷ tr. K.n. Tây lịch đã dựng nước ở lưu vực sông Triết ngày nay trong tỉnh Triết giang.

Thuyết của L. Aurousseau phát biểu 40 năm trước đây, bấy giờ nhân vì Khảo cổ học, Ngữ học, Dân tộc học các phương diện chưa được ấn chứng cho nên trong giới học thuật không được tiếp nhận một cách phổ biến. Và ông Aurousseau khảo

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

luận về khởi nguyên của dân tộc Việt nam chuyên viết về hai chữ Âu và Việt mà Đông âu tức người Việt đất Ôn châu, Tây âu tức người Việt đất Bắc việt đều thuộc về chi phái Việt tộc gọi là Âu, thuyết ấy luận đoán có chỗ sai lầm. Xét chữ Âu thực trỏ vào dân bản xứ đảo Hải nam, chữ Tây âu trỏ vào người Việt ở phương Tây đất Âu tức Quảng tây phía Nam và Bắc việt, mà Đông âu trỏ vào người Việt ở phương Đông đất Âu tức là một giải Ôn châu, mà thời kỳ thiên cư cũng không nên xác định sau năm 333 tr. K.n. Tây lịch. Tuy nhiên ngoài những khuyết điểm nhỏ ấy thuyết của ông Aurousseau suy đoán về nguồn gốc dân tộc Việt nam do từ Bách việt mà ra rất có giá trị.

Cận đại các phương diện phát hiện và nghiên cứu về Khảo cổ học, Nhân loại học, Ngôn ngữ học, Dân tộc học đủ để công nhận suy đoán của Aurousseau. Văn hóa Bắc sơn thời tiền sử Việt nam mà chủ nhân có bộ phận thuộc về chủng tộc Indonésian. Văn hóa Đông sơn về sau thuộc về Văn hóa Đông cổ của Lạc việt từng tiếp nhận ảnh hưởng bên ngoài phần chủ yếu tự Hoa trung mà địa khu trung tâm của văn hóa Đông sơn lại lấy Bán đảo Nam trung và Hoa nam làm chủ yếu. Nói rõ hơn thì dân tộc Việt nam thuộc về giống người tóc cứng da vàng miền Nam Mông cổ, hình sọ và mũi về chỉ số cùng bề cao của thân thể thì đại khái giống với người dân Việt và Mán nước Tầu. Về ngôn ngữ thì dân tộc Việt nam nói tiếng độc vận đơn âm, thanh điệu phức tạp của tiếng Việt nam thuộc về Hán Thái

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

ngữ. Đến như đặc trưng văn hóa nguyên thủy của họ đều thuộc về phạm vi văn hóa cổ Đông nam á. Giáo sư Lăng Thuần Thanh hơn 10 năm gần đây hết sức nghiên cứu so sánh dân tộc học của văn hóa cổ Đông nam á có kết luận rằng : « Không những dân tộc Việt nam do nhóm Bách việt thời cổ Trung quốc ra mà dân bản xứ Nam dương Indonésia cũng cùng một nguồn gốc Bách việt thời cổ Trung quốc. Theo thuyết của Lăng Thuần Thanh thì khu vực địa lý phân phát nền văn hóa cổ xưa của Đông nam á ấy không những chỉ bao quát bán đảo và Hải đảo Đông nam á như bán đảo phía Nam Trung hoa và Nam dương quần đảo, mà về lục địa còn bao quát từ bán đảo đến phương Nam Trung hoa ngược lên phía Bắc đến Trường giang vượt xa tới sông Hoài, Tần lĩnh phía Nam, chạy từ bờ biển phía Đông, ngang qua miền Nam Trung hoa sang phía Tây qua Điền (Vân nam), Miến điện cho đến Assam ở Ấn độ. Danh từ Trung quốc trong cổ sử thường gọi là Bách việt tức là hệ thống Tây nam cũng gọi là Cức liêu cùng với dân bản xứ Indonésia ở Nam dương hiện tại là dân tộc cùng thuộc về một hệ thống văn hóa, đấy là giòng giỗi thiên di về phương Nam về sau của Việt tộc.

Trong Bách việt một chi nhánh Lạc việt đi xuống phương Nam để trở nên một dân tộc trong nhóm Bách việt còn bảo tồn được dân tộc tính chưa bị Hán tộc đồng hóa và dung hòa nhờ sự thuận lợi của tình thế địa lý cho nên đã có thể phản kháng quân Tần khoảng 4 năm từ 221 đến 217 tr. K.n. Tây lịch. Từ Hán Vũ đế diệt nhà Triệu (111 tr. K.n. Tây lịch) về sau Việt

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nam tuy lệ thuộc vào Trung quốc hơn một ngàn năm thấm nhuần Hán hóa nhưng không bị Hán tộc đồng hóa và thu hút, kết cục vào thế kỷ thứ X kỷ nguyên Tây lịch đã thoát ly Trung quốc mà độc lập. Đến như người Việt Đông âu, Mân việt, Nam việt, các chi nhánh Việt tộc ấy từ thời Hán tới nay đã hướng vào trung tâm Hán tộc để bị đồng hóa đến dung hòa thành dân Trung quốc ngày nay ở các tỉnh Triết, Mân, Việt, Quế.

LÃ SĨ BẰNG

NGUYỄN ĐĂNG THỤC *dịch*

* *Nhị Khê đã phát hành :*

TRIẾT LÝ ĐỐI CHIẾU

của NGUYỄN ĐĂNG THỤC

* *Kinh Thi sẽ in :*

THIỀN CỦA VẠN HẠNH

của NGUYỄN ĐĂNG THỤC

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Nguyễn Viết Hồng

TINH HOA TƯ TƯỞNG CỔ VIỆT

Từ trước đến nay người ta thường có quan niệm sai lầm rằng dân tộc ta không có tư tưởng. Đã đành rằng chúng ta không có những trường phái và lý thuyết như ở Tây phương cũng như không có các kiến trúc đồ sộ, nhưng điều này tưởng không có gì lạ. Trước hết, vì dân ta phải thường trực tự vệ chống đe dọa xâm lược từ phương Bắc, hai nữa vì tư tưởng cổ truyền đã thẩm thấu vào đời sống dân gian thành những nếp sống phổ cập rồi. Vì lẽ đó, thiết tưởng muốn thấy được và hiểu được tư tưởng Việt phải đi cùng một lúc về hai nguồn cội, một là tư tưởng ẩn tàng trong các huyền thoại và truyền thuyết cổ thời, và hai là nếp sống của người dân, thể hiện qua

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

ca dao tục ngữ và phong tục tập quán. Trong phạm vi bài này chúng ta hãy thử đào sâu vào một vài huyền thoại để tìm hiểu các tư tưởng triết lý ẩn tàng trong đó. (1)

Có hai lý do khiến chúng ta có thể dựa vào các huyền thoại và truyền thuyết để tìm hiểu tư tưởng dân ta. Trước hết, cả một giai đoạn hơn hai ngàn năm lịch sử của dân ta trước khi bị Trung hoa xâm lấn còn nằm trong bí sử ; khoa khảo cổ cùng khoa ngôn ngữ học đã khai quật dần dần thời kỳ này nhưng chưa đủ nói lên được các khía cạnh chi tiết về nếp sống cùng nhiều dữ kiện xã hội khác. Tuy thế, hai ngàn năm hơn đó tất đã ghi những nét mạnh vào nếp sống dân ta để tạo nên một nền tảng văn hóa. Chính nhờ giai đoạn dựng nước dài hơn hai ngàn năm này mà dân ta sau đó mới giữ được độc lập và dân tộc tính mặc dù bao cố gắng đồng hóa của người Tầu. Sau nữa, nếp sống vững chắc và lâu dài ấy không thể không đúc thành những nét tư tưởng lớn làm nền tảng tư duy cho dân tộc ta. Những nét lớn ấy của tư tưởng Cổ Việt đã được truyền tụng lại cho con cháu các đời sau, qua các huyền thoại và truyền thuyết. Có hiểu được nhu cầu tự vệ quốc phòng thường trực của dân ta, mới thấy được giá trị của các huyền thoại và truyền thuyết ấy trong việc lưu truyền tư tưởng cho con cháu. Trước sức mạnh ào ạt và hung bạo của người Tầu không có gì có thể tồn tại

---

(1) Về huyền thoại nước ta có đặc điểm là toàn nói về con người không phải nửa người nửa vật hay thuần vật như trong các huyền thoại Tây phương. Có lẽ nên gọi các huyền thoại của dân ta là «Nhân thoại» hơn là « Thần thoại ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

dù là văn tự, sách vở và kiến trúc. Chỉ còn hai cái có thể hy vọng lưu truyền được, đó là nếp sống, vì đã quá sâu dầy và phổ cập, những câu truyện truyền tụng từ đời này sang đời khác (*trăm năm bia đá thì mòn, nghìn năm bia miệng hãy còn trơ trơ*). Vậy việc truyền lại cho con cháu những tư tưởng lớn qua các câu truyện thần thoại là một hành động đầy khôn ngoan của cha ông chúng ta. Trước một gia tài tư tưởng quí báu ấy tại sao chúng ta lại coi thường ? Vã lại hầu hết những tư tưởng lớn của thế giới đều được gói ghém trong các biểu tượng nửa thần thoại nửa truyền thuyết, như trong Cựu ước và Tân ước chẳng hạn. Bởi thế phân tích tư tưởng dân tộc qua các huyền thoại và truyền thuyết không phải là một việc làm vô căn cứ và thiếu tin cậy. Đương nhiên tư tưởng ấy phải được phổ cập trong dân gian mới đáng kể là tư tưởng tiêu biểu cho dân tộc được.

Các huyền thoại và truyền thuyết mà chúng tôi sắp dựa vào để phân tích tư tưởng Cổ Việt sau đây hầu hết chúng ta đều đã đọc qua ít nhất một lần. Có khác chăng là cách chúng tôi trình bày để lột ra được những nét tư tưởng lớn của Tổ Tiên chúng ta.

Bây giờ chúng ta hãy ngược giòng thời gian để trở về thuở dân ta mới lập quốc tại miền Cổ Việt (ngày nay là Hoa nam). Đây là chúng ta đã cắt ngắn lịch sử dân ta đi cả nghìn năm rồi theo những thuyết mới nhất về lịch sử tiến hóa của Việt tộc. Sở dĩ chúng ta phải cắt ngắn vì chúng ta mới có di tích chắc chắn kể từ thời đó thể hiện qua câu chuyện kết duyên

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

giữa nàng Âu Cơ và Lạc Long quân, và chuyện bọc trăm trứng (Bách việt). Hơn nữa, câu chuyện kết hợp kỳ thú ấy tại Động Đình Hồ (Dương tử giang) lại cũng khởi đầu cho giai đoạn lâu hơn hai nghìn năm, là giai đoạn đặt nền móng cho nếp sống của dân tộc.

Chúng tôi gọi giai đoạn khởi đi bằng câu chuyện kết hợp giữa Âu và Lạc ấy là *giai đoạn khai quốc*. Sở dĩ chúng tôi gọi bằng danh hiệu ấy là một phần để phân biệt tính chất của giai đoạn nầy với hai giai đoạn sau, một phần để nói lên sự bôn tẩu lập quốc của dân ta thuở ấy. Câu chuyện kết hợp Âu Cơ và Lạc Long chẳng những đã nói lên được cố gắng kết hợp hai chi của nòi Việt mà còn làm nền tảng cho sự kết hợp giữa Tiên và Rồng sau này để thành hèm (totem) Tiên Rồng trong giai đoạn sau. Trong chiều hướng đó, câu chuyện nặng tính chất chủng tộc ấy còn làm ta bắt đầu mường tượng ra sự kết hợp giữa hai yếu tố đối lập là cha và mẹ, dương và âm, cao và thấp (ven núi và ven biển), nóng và lạnh... Từ đó chúng ta cũng thấy bắt đầu mường tượng một ý niệm mơ hồ về sự cần thiết phải dung hòa được hai yếu tố đối nghịch nhau ấy. Tuy thế chúng ta chưa thấy hiện rõ cái trục của sự kết hợp.

Sang giai đoạn thứ hai trong diễn trình tiến hóa của tư tưởng và đời sống dân tộc, chúng ta bước vào *giai đoạn đạo học*. Ở giai đoạn chủng tộc hay khai quốc chúng ta chưa thấy tư tưởng hiện ra một cách quan trọng rõ rệt. Trong giai đoạn đạo học, chúng ta thấy những sự kiện lịch sử của giai đoạn

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

đầu được cô đúc lại và trừu tượng hóa thành những nét lớn cho tư tưởng hình thành. Tuy nhiên những tư tưởng này chỉ là những nét hết sức phổ quát chưa khai triển ra ; tuy thế lại đã là nền tảng cho suốt quá trình khai triển của tư tưởng dân ta sau này. Chúng tôi gọi giai đoạn mà tư tưởng mới chỉ hiển hiện những nét lớn ấy là giai đoạn đạo học và giai đoạn khai triển tư tưởng lớn ra là giai đoạn triết học, theo quan niệm đạo học đặt nền móng cho mọi suy tư triết học. Trong giai đoạn thứ hai này chúng ta thấy xuất hiện totem (hèm) Tiên Rồng. Mỗi dân tộc đều có một totem biểu tượng cho ý chí chung của dân tộc ấy, như nước Pháp lấy con gà trống làm vật tổ, và ngay như ngày nay nước Mỹ lấy con chim ưng làm vật biểu tượng cho dân tộc. Điều đặc biệt đối với dân tộc ta do đó không phải ở việc có hèm, mà chính ở việc có một hèm kép là Tiên với Rồng ghép chung lại thành một. Tại sao Tổ tiên ta không chọn một hèm đơn cho giản dị và dễ dàng lại chọn một hèm kép gồm hai vật tổ ? Tất nhiên nó phải ẩn dấu đằng sau một ý nghĩa gì. Chúng ta thử phân tích ý nghĩa thường được gán cho hai vật đó thì hiểu được. Trước hết, Tiên là một biểu tượng của thanh thoát, cao nhã, tươi sáng, đẹp đẽ ; Rồng là một biểu tượng của hùng mạnh, vĩ đại, rực rỡ, tung hoành. Đương nhiên cái ý niệm nhị nguyên Tiên Rồng đã hàm chứa trong câu chuyện Âu Lạc rồi nhưng giờ đây totem Tiên Rồng đưa ra được một quan điểm sống rõ rệt hơn : sống cho hùng mạnh nhưng đồng thời thanh

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

thoát, chứ không phải cái hùng mạnh như hổ, như voi hay như chim ưng chỉ thuần có mạnh mà thiếu thanh nhã. Đi sâu một bước nữa, Tiên tuy tướng và dụng là âm nhưng thể lại là dương (trong sáng, linh hoạt) mà Rồng tuy tướng và dụng là dương nhưng thể lại là âm (tiềm phục) (1).

Khi lui về thì sức mạnh tiềm ẩn như Tiên, khi tiến ra thì cao cả vũ bão như Rồng, tuy hai mặt mà vẫn chỉ là một. Cái ý niệm trung dương hữu âm, trung âm hữu dương, và cực âm lộng dương, cực dương lộng âm đã có rõ. Việc dung hòa được hai ý niệm tưởng như tương phản này vào một hèm kép là một sáng tạo tư tưởng kỳ vĩ của Tổ tiên ta vì đã đặt được nền tảng thống nhất cho nhị nguyên đối lập rồi.

Chúng ta có thể nói mà không sợ vọng ngôn rằng lịch sử dân tộc ta đã thể hiện được ý chí Tiên Rồng trên. Lịch sử ta là một lịch sử dài đấu tranh chống ngoại xâm hùng mạnh từ phương Bắc tới. Lúc mà sức mạnh dân tộc vươn lên cùng tột nhất để đuổi quân xâm lược đoạt lại giang sơn, đấy chính là lúc dân ta biểu dương sức mạnh vũ bão của Rồng, nhưng cũng chính ngay trong những những giây phút hùng mạnh vô địch ấy dân ta lại biết tự kiềm chế và lui về dùng ngoại giao khôn khéo để vuốt mặt cho kẻ thù hầu tránh cảnh dồn địch vào chân tường, đấy chính là lúc mà những nét thanh cao tươi mát của Tiên được hiện lên giúp dân tộc ta trở về được tình trạng

---

(1) Muốn hiểu rõ điểm này cần đi sâu vào dịch và y lý Đông phương, không thuộc phạm vi bài này.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nhu hòa để cùng sống với người. Ngay đến những chuyện như Phù Đổng Thiên Vương hay trăm nghìn truyện anh hùng hữu danh và vô danh khác, chúng ta cũng thấy tinh thần Tiên Rồng truyền thống ấy được phát hiện, lúc tiến ra để phò vua cứu nước thì sức mạnh tựa hùm beo, không sức quân địch nào cản nổi, mà khi xong việc thì lui về ẩn dật trên non cao tiêu dao cùng ngày tháng, xem danh lợi như lông tơ, thực đã thể hiện được tinh thần dung hợp Tiên Rồng đến độ tinh vi và hiện thực nhất.

Nhưng mặc dù những nét lớn căn bản đã được vạch ra, tư tưởng Cổ Việt chỉ thật sự thành hình một cách vững chắc và có hệ thống kể từ khi Thánh Tản Viên xuất hiện triết học hóa các tinh chỉ trên. Giai đoạn kể từ Tản Viên chúng tôi gọi là *giai đoạn triết học* để tỏ cái ý đó. Tư tưởng Tản Viên được gói ghém trong hai chuyện lưu truyền tục gọi là truyện Sách Ước và truyện Gậy Thần. Chi tiết về cốt truyện đôi khi có sai khác tùy theo sách sử chép lại và có sai lạc đôi chút mỗi đời khi truyền tụng lại. Nhưng dù sao cốt truyện vẫn không thay đổi và chính nhờ ở cốt truyện này mà chúng ta mới tìm được ý nghĩa sâu sắc của câu truyện. Đại cương thì người ta truyền tụng rằng, Thánh Tản Viên (tên thật là Nguyễn Tuấn) được thần trao cho một cây gậy có hai đầu sinh và tử, chỏ đầu tử thì sống thành chết, chỏ đầu sinh thì chết thành sống lại. Nhờ gậy này mà Tản Viên cứu được một con rắn, con rắn này lại chính là con Thủy Long Vương. Nhà Vua trả ơn Tản Viên bằng cách cho cuốn sách trắng tinh không có chữ nhưng khi muốn ước

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

gì thì chữ hiện ra mà được như thế. Thánh Tản Viên đem Gậy Thần và Sách Ước ra giúp vua Hùng Vương giết giặc cứu nước.

Câu truyện quan trọng ở cây Gậy Thần và cuốn Sách Ước. Gậy Thần có chín đốt và hai đầu sinh tử. Chín đốt chỉ chín nguyên số từ 1 tới 9. Còn hai đầu sinh tử cũng như hai đầu của nhị nguyên sống chết, có không, tam vật. v.v... Khi đã cầm nắm được giữa gậy thì chỉ sinh ra sinh, chỉ chết ra chết, tức đã cầm nắm được sự sống và sự chết, cầm nắm được trục của sinh tử. Sự sống với chết chỉ là tương đối, khi con người đã khám phá và cầm nắm được những luật tắc của tự nhiên và vận dụng được vào nhân sinh rồi (tức chỉ sự hiểu được chín đốt) thì sống chết ở nơi tự con người không ở thiên mệnh hay nơi đâu khác. Trong ngôn ngữ thông thường chúng ta nghe nói tới những giây phút sống bằng cả hàng năm hay hàng chục năm ; ấy cũng vì trong những giây phút ấy người ta đã sống thực sống hết được sức mình.

Nếu câu chuyện Gậy Thần có một ý nghĩa nhân sinh đầy tính chất nhân bản và nhân chủ như thế thì câu chuyện Sách Ước lại nói lên được vũ trụ quan đặc thù của dân tộc ta. Sở dĩ vũ trụ quan này gọi là đặc thù vì đã làm nổi bật mối liên hệ nhân bản giữa con người và tự nhiên. Tự nhiên ở đây tượng trưng bằng quyển sách ước trắng tinh không có chữ (gợi ta nhớ tới ý niệm vô cực của Lão) còn con người được tượng trưng bằng sự ước muốn. Luật tắc của tự nhiên thì vô cùng tận và luôn luôn như thế. Khi con người ước muốn thế nào thì

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

thiên nhiên hiện ra như thế đó. Đây là nói lên cái ý niệm con người cải tạo tự nhiên cho thích hợp với ý muốn của mình, cho phục vụ được nhân sinh. Ở tự nhiên thì luật tắc cứ thế đó, vô thưởng vô phạt, vào con người thì có phân ra thưởng phạt, thiện ác, tùy theo tiêu chuẩn nhân sinh xã hội. Thí dụ như cái bàn chẳng hạn. Vật liệu để làm cái bàn thì lấy trong thiên nhiên, như bàn gỗ thì là cây trong rừng, mà cây trong rừng thì muôn đời vẫn như thế nếu không được bàn tay con người chế thành cái bàn. Nhưng khi thành bàn thì lại khác biệt vì tùy theo sở thích và tài khéo của cá nhân, cũng như tùy theo tập tục của xã hội. Cái bàn có thể tròn, vuông, hay hình khác ; có thể mầu xanh, trắng... có thể dùng để ăn, để viết, hay để trang trí. Ngay trong thí dụ này chúng ta đã thấy hiện rõ ba phần tư tưởng là tự nhiên, con người và xã hội, mà trong đó con người là trục nối từ tự nhiên vào xã hội, nhờ có người mới chế từ cây vào bàn được. Câu chuyện Sách ước do đó đã làm nổi bật cái trục Nhân trong Tam tài.

Tóm lại, qua hai câu truyện rất đơn giản mà Thánh Tản Viên đã nói lên hai khía cạnh quan trọng bậc nhất vẫn làm ưu tư cả loài người Đông Tây kim cổ : con người chuyển không thành có, và con người là trục của sống chết, cầm nắm được sự sống chết ở nơi tự mình. Trong ý nghĩa ấy, quan niệm Dịch của Việt ta khác quan niệm Dịch của Trung hoa. Ở Trung hoa, luật tác động cũng nhận có chuyển từ vô cực ra thái cực, ra lưỡng nghi và ra vô cùng. Tuy nhiên, đấy mới chỉ là luật tắc

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

thuần túy của tầng tự nhiên, còn đối với con người còn thiếu một khoen nối nữa vì vấn đề đặt ra cho con người là ai hay đúng hơn, làm sao chuyển từ không ra có được. Vì không tìm được khoen này nên Dịch Trung hoa mới đi vào thiên mệnh và phát triển mạnh về số mệnh học mà không vận dụng Dịch vào được nhân sinh. Còn ở nước ta, bằng biểu tượng Ước Muốn, Tản Viên đã cho ta thấy cái khoen nối kết chuyển từ tĩnh vào động là ở ngay con người.

Chính nhờ được nung đúc qua bao nhiêu ngàn năm trong tinh thần nhân bản và nhân chủ cao độ như trên mà dân tộc ta đã có những đức tính ít thấy ở các dân tộc khác. Từ ngàn xưa chúng ta đã biết sống hào hùng mà vẫn thanh thoát, biết ôn nhu mà không thiếu dũng liệt. Lại biết hòa với người để cùng sống khi người không có ý muốn hại mình; đồng thời khi bị người áp muốn áp đặt văn hóa tư tưởng ngoại lai hòng tiêu diệt tư tưởng độc lập của mình thì biết vừa chống đối vừa thẩm thấu để dung hóa, đãi lọc lấy những chất liệu nhân bản trong tư tưởng của địch nhân đem vào làm thành chất liệu cho tư tưởng của mình. Cái phong độ và lối sống ấy đã giúp dân ta thoát qua bao cuộc thử thách cam go tưởng như mất nước và diệt vong. Cái phong độ ấy thể hiện từ trong lối sống giản dị nhưng thắm thiết tình người của nông phu cho tới tinh thần khí phách nhưng không kiêu ngạo của các sĩ phu trước quân giặc. Cái phong độ ấy còn tỏa ra trong ca dao tục ngữ, tạo nên những tính tình đặc biệt của dân ta như hài hước, châm biếm, tinh tứ, hiên ngang, giản dị... Phong độ và tính

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

tình ấy tưởng không thể một chốc lát hay vài chục năm trời mà đào tạo được. Phải cả một nếp sống bình dị trong dân giã dần dà tập luyện mà thành. Mấy ngàn năm hun đúc lên một tinh thần và tính tình ấy.

Tư tưởng Việt do đó đã mang sẵn những yếu tố đồng hợp với tư tưởng thế giới cổ kim. Hơn thế nữa trong tư tưởng và đời sống dân ta còn thấy nổi bật hơn đâu hết tư tưởng nhân bản và nhân chủ, lấy con người làm trung tâm nối kết từ tự nhiên vào xã hội. Tư tưởng Việt nhờ đó đã có sẵn mầm mống để tổng hợp tư tưởng Đông Tây kim cổ. Mà ngày nay, nhu cầu cấp thiết và sâu dầy là nhu cầu tổng hợp văn hóa trước thực trạng phân hóa của xã hội ta gây ra bởi cuộc giao thỏa tư tưởng lớn đang diễn ra ngay tại nước ta. Đây là một nhu cầu không thể không được giải quyết vì nếu không thực hiện được cuộc tổng hợp văn hóa này thì dân ta sẽ mãi mãi nằm trong cuộc phân hóa và phân tranh của tư tưởng lớn trên thế giới hiện đang hội tụ ở nước ta. Đây chính là lúc ta phải khai quật lại truyền thống tinh hoa của tư tưởng Việt rồi hiện đại hóa cùng hệ thống hóa nó để làm trụ cốt cho một cuộc tổng hợp mới tạo dựng một nền tảng tư tưởng làm đà đẩy cho dân ta tiến lên thoát khỏi cảnh bị động hiện tại và tiếp nối được cuộc tiến hóa của lịch sử nước nhà. Chỉ sau khi làm được cuộc tổng hợp đó, tư tưởng mới ổn định, và chỉ sau khi tư tưởng được ổn định, mọi kế hoạch phát triển và kiến thiết xã hội mới có một nền tảng vững chắc và lâu bền để thành công được.

NGUYỄN VIỆT HỒNG

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

TU THƯ ĐẠI HỌC VẠN HẠNH ĐANG IN :

ABHIDHAMMTTHASAṄGAHA

THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN

TẬP II

hay MÔN TÂM LÝ HỌC CỦA ĐẠO PHẬT

Tỷ Kheo THÍCH MINH CHÂU (dịch và giải)

... Đây là quyển sách căn bản cho những ai muốn tham học tạng A Tỳ Đàm và trở thành sách đầu giường cho chư Tăng Miến điện, Tích lan, Thái lan v.v...

Ngài Anurudha đã thành công khi Ngài chẩn mạch được căn bệnh cổ truyền và khéo léo hệ thống hóa tư tưởng và triết học Abhidhamma một cách gọn ghẽ và súc tích...

Sách đã được dịch ra tiếng Miên, Thái, Tích lan, Miến điện, Ấn độ, Anh, Pháp v.v... chỉ trừ có tiếng Việt, và bản dịch này là để bổ khuyết sự thiếu sót ấy.

Có nguyên bản Pàli và phụ lục Pàli - Việt, Việt - Pàli.

CÁC TÔNG PHÁI CỦA ĐẠO PHẬT

Nguyên tác : The Essentials of Buddhism Philosophy của JUNJIRO TAKAKUSU, TUỆ SỸ giới thiệu và dịch.

... Cố Giáo sư J. Takakusu là một học giả rất quen thuộc của thế giới Phật giáo, với những công trình văn hóa quan trọng. Đây là tác phẩm chính yếu của Giáo sư được viết bằng Anh ngữ trong các năm 1938 - 39, dành cho các giảng khóa tại Đại học đường Hawaii. Năm 1939, các Triết gia thế giới họp tại Đại học đường Hawaii trong khóa Hội thảo các Triết gia Đông Tây, tác phẩm này được dùng làm bản văn cho các cuộc thảo luận của họ. Sách trình bày những điểm tinh túy của Triết học Phật giáo, qua các tông phái Đại thừa, Tiểu thừa và đã được liệt kê vào số sách phải đọc trong chương trình Tiến sĩ Phật học của các Viện Đại học Thế giới.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

• Trần Anh Tuấn

NGUYỄN HUỆ, MỘT THIÊN TÀI QUÂN SỰ

CUỘC khởi nghĩa của Tây Sơn bắt đầu năm Tân mão (1771) ở một ấp nhỏ thuộc tỉnh Bình định đã đưa Nguyễn Nhạc lên ngôi Thái Đức hoàng đế (1778) và Nguyễn Huệ Quang Trung hoàng đế (1788), chấm dứt các dòng họ Lê, Trịnh, Nguyễn đầy uy quyền non ba thế kỷ ở nước Việt.

Sự nghiệp ấy hoàn thành, theo Hoa Bằng, vì anh em Tây Sơn là hiện thân của ý nguyện toàn dân đang bị áp bức dưới một « *chế độ bất lương* », vì Quang Trung là « *con đẻ của thời đại* » (1). Chúng ta có thể nói rõ thêm, sự nghiệp hoàn thành là

(1) Hoa Bằng, *Quang Trung anh hùng dân tộc 1788-1792*, tái bản lần 2, Saigon, Bốn Phương xb., 1958, tr. 30.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

nhờ thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ, người em thứ ba nhà Tây Sơn (1).

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ NGUYỄN HUỆ

Quê quán ở Nghệ an (2), Nguyễn Huệ sinh năm 1753 con Hồ Phi Phúc và Nguyễn thị Đồng, ở ấp Kiên thành, huyện Tuy viễn, Qui nhơn (3) trong một gia đình khá giả (4). Nguyễn Huệ là người thông minh linh lợi, có dị tướng ngay cả dưới ngòi bút của sử thần nhà Nguyễn :

---

(1) Có vài tác giả, như Louis Eugène Louvet, cho Huệ là anh Lữ. Tham khảo : Louis Eugène Louvet, *Mgr. d'Adran. Missionnaire et Patriote*, Paris, Librairie Delhomme et Briguet, 1900, tr. 53.

Mới đây, ông Nguyễn Phương đã tham khảo ý kiến của nhiều tác giả cho thấy thứ tự Nhạc, Lữ, Huệ là hợp lý. Tham khảo: Nguyễn Phương, *Việt nam thời bành trướng : Tây sơn*, Saigon, Khai Trí xb , 1968, chú thích 1, tt. 161-162.

(2) Tổ phụ anh em Tây sơn là Hồ Phi Khang ở huyện Hưng nguyên, tỉnh Nghệ an, bị quân chúa Nguyễn Phúc Tần do Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Hữu Dật bắt khoảng 1653 - 1657 giải về Nam, cho về ở ấp Tây sơn khai khẩn đất hoang. Đến thời Nhạc, Huệ, đổi họ là Nguyễn. Việc đổi họ này theo Sở Cuồng (*Tây Sơn Ngoại sử*) là để phù hợp với câu sấm « Phù Nguyễn Trì Thống », theo Văn Tân (*Cách mạng Tây Sơn*) là để phù hợp với họ đang cầm quyền, hoạt động sẽ dễ dàng.

(3) Nay là thôn An khê (ở vùng Hòn một, gần đèo An khê, trên quốc lộ 19 Qui nhơn — Pleiku) thuộc huyện Bình khê, tỉnh Bình định.

Năm 1799 khi chiếm được Qui nhơn, Nguyễn Ánh đổi thành Bình định.

(4) Nguyễn Nhạc làm chủ trại Tây sơn, sau biện lại tuần Vân đồn. Văn Tân (sđd), dẫn *Nghệ an chí* của Bùi Tồn Trai cho biết nhờ giàu có Nguyễn Nhạc mới được làm chủ trại.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

« Nguyễn Văn Huệ là em của Nhạc, tiếng nói như chuông to, mắt lập lòe như ánh điện, là người thông minh giảo hoạt, giỏi chiến đấu, người người đều kính sợ. » (1)

Thuở nhỏ, Nguyễn Huệ cùng các anh thụ giáo văn võ nơi giáo Hiến ở ấp Yên thái, Qui nhơn.

Vị thầy dạy dỗ anh em Tây Sơn đâu phải một ông đồ tầm thường! Những chi tiết mù mờ còn lại cho thấy ông là một nhà nho ấp ủ mối bất bình lớn (2). Lẩn khuất trong một ấp nhỏ ở Qui nhơn rồi mở trường dạy học, có lẽ là hoạt động thich hợp nhất trong thời gian ẩn thân. Công việc này sẽ giúp giáo Hiến giải tỏa những ấm ức chất chứa, và thâm tâm giáo Hiến tránh sao không mong mỏi trong đám môn sinh ấy lại chẳng có kẻ đứng lên thể hiện chí nguyện mình đạp đổ cường quyền bạo lực. Vì thế mới có việc :

« Giáo Hiến nói riêng với Nhạc : « Lời sấm nói khởi nghĩa ở Tây *(Tây sơn)*, thu chiến công ở Bắc. *Anh là người Tây sơn hãy gắng lên ».* (3)

---

(1) *Đại nam Chính biên Liệt truyện, Nhà Tây Sơn*, Tạ Quang Phát dịch và chú giải, Saigon, Phủ Quốc Vụ khanh Đặc trách Văn hóa, 1970, tr. 73.

(2) Ngay đến họ của ông ta hiện cũng không được biết rõ. Văn Tân (sđd., tr. 35) cho biết theo Sở Cuồng (*Tây Sơn Ngoại sử*) thì giáo Hiến họ Trương và là con của Trương Văn Hạnh, trong khi *Đại nam Chính biên Liệt truyện* (sđd., tr. 9) cho biết hai người là bạn của nhau.

Giáo Hiến ở nhà Trương Văn Hạnh bấy giờ làm quan dưới triều Võ Vương (1738-1765). Khi Võ Vương mất, di chiếu lập người con lớn tuổi nhất là Luân lên nối nghiệp. Nhưng Trương Phúc Loan chuyên quyền, bắt giam Luân, đưa người con thứ 16 mới 11 tuổi tên Thuần lên ngôi. Sợ việc bại lộ, Trương Phúc Loan tìm giết những người biết chuyện, Trương Văn Hạnh ở trong số này.

(3) *Đại nam Chính biên Liệt truyện*, sđd., tr. 9.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Dưới sự chú tâm dạy dỗ của bậc thầy ấy, anh em Tây Sơn có được một căn bản vững vàng ra đời. Nói thế không để phủ nhận khả năng tiềm tàng của anh em Tây Sơn, nhất là của Nguyễn Huệ, mới giải thích được sự nghiệp vượt trên thường nhân của họ, mà chỉ để tỏ thấy khả năng ấy đã được trau luyện để càng sáng tỏ. Chí của Nguyễn Huệ là chí cao viễn, được ấp ủ hun đúc ngay từ thuở ấu thời, đâu đợi đến năm 1788, khi 200.000 quân Thanh tràn sang nước Việt, Nguyễn Huệ mới « nễ lời các tường » đăng đàn tế cáo trời đất !

Một đoạn thư gửi Nguyễn Thiếp sau này cho thấy rõ điều ấy :

« *Thiên hạ loạn thế này ! Nhân dân lầm than thế này !* **Vậy** *mà nhà thầy cứ nằm cao không dậy, thì đối với thiên hạ, nhân dân ra sao ?* » (1).

Cuộc đời của Nguyễn Huệ đã hơn một lần chứng tỏ sự đam mê cuồng nhiệt của ông. Một người con gái Bắc hà 16 tuổi đã có thể ảnh hưởng mạnh đến quyết định của Nguyễn Huệ (2).

---

(1) Trích lại trong : Nguiễn Ngu Í, *Hồ Thơm Nguyễn Huệ Quang Trung 1752-1792 hay Giấc Mộng Lớn Chưa Thành*, Saigon, Về Nguồn xb., 1967, tr. 8.

(2) Năm 1786 khi Lê Hiển Tông mất, người nối nghiệp là tự tôn Lê Duy Kỳ. Ngọc Hân công chúa vốn không ưa tự tôn nên nói với Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ bèn ngỏ ý với triều thần nhà Lê muốn hoãn việc hành lễ đăng quang. Cả triều đình e ngại. Các vị trong tôn thất nhà Lê đổ tội cho Ngọc Hân công chúa làm lỡ việc lớn. Công chúa sợ, xin Nguyễn Huệ cho lập tự tôn. Nguyễn Huệ bằng lòng. Lễ đăng quang bấy giờ mới cử hành.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Một người vợ khác, mất cuối tháng 3-1791 khiến ông điên cuồng làm khiếp sợ các giáo sĩ Tây phương (1). Bản chất cuồng nhiệt bên trong ấy thể hiện nơi chốn sa trường sẽ biến thành một sức quyến rũ lôi cuốn hết thảy mọi người (2).

Ngọn lửa nhiệt thành ấy chính là điều kiện dẫn đến những công trình vĩ đại mà con người bình thường không bao giờ nghĩ đến.

NGUYỄN HUỆ, THIÊN TÀI QUÂN SỰ

Đời sau thật dễ dàng thần thánh hóa Nguyễn Huệ. Biết bao cá nhân, biết bao tác phẩm được dựng lên ca tụng vị anh hùng ấy. Nhưng thật ra, đâu phải đợi đến đời sau, thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ đã được những người cùng thời nhìn nhận.

Các giáo sĩ Tây phương đương thời thường ví Nguyễn Huệ như « tân Attila », « Alexandre », vốn là những nhà quân sự nổi danh bách chiến bách thắng của Âu châu (3). Hãi sợ tài

---

(1) Thư giáo sĩ Girard gửi giáo sĩ Boiret ngày 25-11-1792 : « *Các quan đã khuyên Tiếm vương cho mời một người Âu vào cung. Sau lại yêu tôi (giáo sĩ Girard) kê thuốc cho phu nhân Tiếm vương, nhưng bà ta từ trần... Tiếm vương gần như thành điên khùng. Ông muốn hành quyết 2 thầy lang đã săn sóc vợ ông. May thay họ chỉ phải mang cùm thôi ...* »

Tham khảo : Đặng Phương Nghi, «Triều đại Quang Trung dưới mắt các nhà truyền giáo Tây phương,» *Sử Địa*, số 13 (tháng 1 đến 3-69), tr. 151.

(2) Ta Chí Đại Trường, «Góp thêm về Phổ hệ Tây Sơn và chân dung Anh Em họ,» *Sử Địa*, số 9-10 (1968), tr. 129.

(3) Trong nhật ký tường trình của Hội truyền giáo Bắc kỳ gửi Hội Truyền giáo Trung ương Ba lê từ tháng 10-1788, Nguyễn Huệ được gọi là « tân *Attila* » : Tham khảo : Đặng Phương Nghi, « Vài tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc tiến của Nguyễn Huệ,» *Sử Địa*, số 9-10 (1968), tr. 196.

Trong bức thư đề tháng 6-1789 gửi Blandin, giáo sĩ Le Roy ví Nguyễn Huệ như « *Alexandre* » . Tham khảo : Đặng Phương Nghi, « Triều đại Quang Trung dưới mắt các nhà truyền giáo Tây phương, » *Sử Địa*, số 13 (tháng 1 đến 3-1969), tr. 145.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

dụng binh của Nguyễn Huệ, các giáo sĩ khi được tin giám mục Bá Đa Lộc chiêu mộ quân Pháp giúp Nguyễn Ánh đã không khỏi e ngại quân Pháp sẽ thất trận trước Tây Sơn. Trong bức thư đề ngày 11-6-1788, giáo sĩ La Bartelle gửi giáo sĩ Letondal đã viết :

« Tôi không rõ cuộc viễn chinh của người Pháp khi nào sẽ xảy ra. Nhưng tôi sợ rằng quân Pháp của chúng ta vì khinh thường bọn người này (Tây Sơn) và không am hiểu tường tận cách hành binh của họ và không đủ sẵn sức mạnh và có thể trở thành nạn nhân ». (1)

Người Việt cùng thời với Nguyễn Huệ như một cung nhân cũ của vua Lê từ Trường an (2) ra Thăng long nói với Thái hậu :

« Cứ xem những lời trong bài hịch, thì thấy ngài (Tôn Sĩ Nghị) buộc cho ta nhiều lắm, mà ngài thì cứ lượn lờ trên sông, chỉ dùng thanh thế dọa nạt, không biết Nguyễn Huệ là bậc anh hùng lão thủ hăng tợn và giỏi cầm quân. Coi y ra Bắc vào Nam, thật là thần xuất quỷ nhập, không ai có thể dò biết. Y bắt Nguyễn Hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Vũ Văn Nhậm như giết con lợn, không một người nào còn dám trông thẳng vào mặt. Nghe lệnh của y, ai cũng mất cả hồn vía, sợ hơn sấm sét. E rằng bất nhật y sẽ lại ra, quân Tôn tổng đốc còn có cái lo bên trong, địch sao cho nổi ? » (3).

---

(1) Trích lại trong : Nguyễn Nhã, « Tài dùng binh của Nguyễn Huệ », *Sử Địa*, số 13 (tháng 1 đến 3-1969), tr. 206.

(2) Phủ Trường an thuộc trấn Sơn nam, nay thuộc tỉnh Ninh bình.

(3) Ngô Thời Chí, *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, Ngô Tất Tố dịch, Saigon, Tự Do xb., 1958, tr. 252.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

TỔ CHỨC QUÂN ĐỘI :

Đánh mau, đánh mạnh là điểm nổi bật về phép dụng binh của Nguyễn Huệ. Đó là lối đánh của kẻ chủ động chiến trường, lối đánh của kẻ mạnh.

Thế mạnh ấy bắt nguồn từ sự tổ chức quân đội toàn hảo bao gồm các yếu tố huấn luyện, hỏa lực và mưu lược của nhà chỉ huy.

● *Tuyển binh, huấn luyện :*

Về quân số, Nguyễn Huệ có biện pháp hữu hiệu tuyển số binh cần thiết và nhất là có tài huấn luyện thật mau chóng các tân binh.

Khi ra Bắc đánh quân Thanh, tới Nghệ an và Thanh hóa, Nguyễn Huệ lấy thêm lính đến « *hơn một vạn* » (1). Tính từ khi đến Nghệ an ngày 26-12-1788 cho đến vùng núi Tam điệp ngày 15-1-1789, trong khoảng không đầy một tháng trời vừa tuyển binh, vừa huấn luyện tân binh, vừa chuyển quân vậy mà đạo quân ấy đại thắng đạo quân viễn chinh nhà Thanh, với quân số gấp đôi.

Phi một thiên tài quân sự thật không ai làm được « phép lạ » ấy. Hay, nói như một giáo sĩ Tây phương đương thời :

« ... *quân phiến loạn (Tây Sơn) làm sao so sánh được với đối*

---

(1) Ngô Thời Chí, sđd., tr. 254.

Đại nam Chính biên Liệt truyện, sđd., tr. 133 chỉ cho biết sau khi lấy thêm binh ở Nghệ an, Thanh hóa, quân số tổng cộng « *hơn mười vạn* ».

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

phương của họ ? Và không có bàn tay Thượng đế thì làm sao họ có thể đánh bại được địch thủ khi địch hơn họ về lượng cũng như về sức ? » (1).

Cách tuyển binh rất gắt gao, tránh được mọi sự ẩn lậu. Tài liệu của những chứng nhân đương thời đã kiểm chứng sự kiện này. Trong một lá thư ngày 16-6-1788, giáo sĩ Doussaint gửi cho Blandin viết :

« *Rất khó đi lại, kẻ nào không có thẻ sẽ bị bắt giữ và bị tù, mỗi làng bắt buộc phải dựng lên 2 hay 3 căn nhà nhận dấu (tay) của người qua lại. Với phương tiện này, họ bắt được tận hết suất đinh .* » (2).

Những chứng nhân khác sẽ nói rõ thêm về chi tiết « tận hết suất đinh » này :

« *Người bạn đồng sự trẻ của chúng tôi bắt buộc phải chạy bởi người ta bắt tất cả mọi người phải đi đánh nhau từ 15 tuổi trở lên. Những người già, đàn bà góa, và con gái cũng bắt đi sửa cầu, đường xá .* » (3).

« *Họ (quân Tây Sơn) đã phá hủy ở đây tất cả những ngôi nhà thờ đẹp nhất của chúng ta cùng tất cả những ngôi chùa và bắt các sư tăng cầm khí giới ra trận .* » (4).

---

(1) Thư ngày 12-7-1789 của giáo sĩ Sérard. Tham khảo : Đặng Phương Nghi, « Triều đại Quang Trung dưới mắt các nhà Truyền giáo Tây phương, » *Sử Địa*, số 13 (tháng 1 đến 3-1969), tr. 166.

(2) Trích lại trong : Nguyễn Nhã, bđd., tr. 217.

(3) Thư ngày 13-5-1787 của giáo sĩ Longer gửi Blandin, trích lại trong: Nguyễn Nhã bđd., tr. 217.

(4) Thư ngày 25-6-1786 của giáo sĩ La Bartelle gửi Blandin, trích lại trong : Nguyễn Nhã, bđd., tr. 217.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Để chuyển quân thật mau tạo yếu tố bất ngờ nơi chiến trường, đàn áp tâm lý địch quân, Nguyễn Huệ ra lệnh cho lính cứ 3 người 1 nhóm luân phiên võng lẫn nhau. Người lính nào, do đó, cũng có dịp nghỉ ngơi : việc chuyển quân vừa nhanh, vừa không kiệt sức, tinh thần phấn khởi « *quân lính vừa đi vừa hát rất nhộn nhịp nên quên cả mệt nhọc đi !* » (1).

● *Hỏa lực :*

Về hỏa lực, những khí giới lợi hại nhất của quân Tây Sơn là voi trận và ống phun lửa gọi là « hỏa hổ ». Chính Tôn Sĩ Nghị khi kéo quân sang Việt nam có ban ra 8 điều quân luật, các điều thứ 4 và thứ 5 đã đề cập đến những trường hợp đối phó với 2 loại khí giới lợi hại ấy (2).

Về loại ống phun lửa, từ đời Lê Thái Tổ đã thấy nói đến. Mỗi vệ trang bị ống lửa hạng đại tướng quân 1 cái, hạng lớn 10

---

(1) Văn Tân, sđd., tr. 119. Đây là theo *Lê triều Dã sử*. Mới đây, Nguyễn Lương Bích và Phạm Ngọc Phụng nghi ngờ sự việc quân lính cáng nhau là do người sau viết sách tưởng tượng để giải thích tốc độ hành quân mau lẹ của quân Tây Sơn. Việc cáng nhau, theo các tác giả này, « *không thể đi nhanh được bằng đi bộ rảo cẳng, càng không thể đi nhanh đều đặn trong thời gian nhiều ngày liền* ». Tham khảo : Nguyễn Lương Bích và Phạm Ngọc Phụng, *Tìm hiểu Thiên tài Quân sự của Nguyễn Huệ*, Hànội, nxb. Quân đội Nhân dân, 1966, chú thích 2, tr. 227.

(2) Điều thứ 4 : Người Nam, khi ra trận, hay dùng voi. Voi không phải là món người Thanh quen thạo : hễ gặp voi, thường cứ chạy đi trước... hễ thấy voi ra trận nếu xa thì bắn bằng súng, nếu gần thì trị bằng dao và cung, khiến voi bị thương, đau phải chạy quay lại, rồi tự giày đạp lẫn nhau...

Điều thứ 5 : Quân Nam toàn dùng cái ống phun thuốc súng làm lợi khí, gọi là « hỏa hổ ». Khi hai quân giáp nhau, quân Nam tất phải trước dùng thứ đồ ấy để đốt cháy quần áo người ta khiến cho phải lui. Hiện ta (quân Thanh) đã chế sẵn được vài trăm cái mộc bằng da trâu sống. Nếu thấy quân Nam bắn hỏa hổ thì quân ta một tay cầm mộc để đở lửa, một tay cầm dao để chém bừa.

Tham khảo : Hoa Bằng, sđd., tt. 160-161.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

cái, hạng nhỏ 80 cái (1). Tất nhiên đến đời Nguyễn Huệ loại khí giới này đã được cải tiến nhiều mới khiến chủ tướng quân Thanh e ngại.

Voi có nhiều ở rặng Trường sơn, anh em Tây Sơn ở vùng Qui nhơn lại thường liên lạc với đồng bào thiểu số nên quá quen thuộc với loài này. Việc thành lập đoàn tượng binh vốn rất lợi hại tất nhiên được Tây Sơn chú trọng nhiều. Để tăng thêm hiệu năng chiến đấu của voi, Nguyễn Huệ đã đặt đại bác trên mình voi hay kéo theo sau. Đoàn tượng binh do đó trở thành một binh chủng đa năng : voi trở thành phương tiện cơ động, phương tiện đột kích và phương tiện hỏa lực.

Chính đoàn tượng binh của Tây Sơn đã trở thành lực lượng xung kích, góp phần không nhỏ trong chiến dịch đại phá quân Thanh.

CHIẾN THUẬT, CHIẾN LƯỢC :

Quân số, hỏa lực... thật ra chỉ là những phương tiện, phải có bộ óc vận dụng khéo léo những phương tiện tốt ấy mới đưa đến những kết quả mong muốn. Chúng ta muốn nói đến mưu lược, khả năng của vị tướng cầm đầu đoàn quân ấy.

Trong cuộc đời làm tướng, không có trận nào mà không thể hiện mưu lược của Nguyễn Huệ. Từ trận đầu tiên đi vào sử sách là trận đánh úp Tống Phước Hiệp ở Phú yên với kế « dụ địch », trận tiêu diệt 20.000 quân Xiêm la với kế « phục kích »,

---

(1) Phan Huy Chú, *Lịch triều Hiến chương Loại chí, Tập IV*, Hànội, nhà xuất bản Sử Học, 1962, tr. 25.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

trận đánh chiếm Phú xuân với kế « ly gián » đến trận đại phá 200.000 quân Thanh với kế « xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị », Nguyễn Huệ luôn luôn tỏ khả năng bách chiến bách thắng của mình. « *Nơi nào có ta mang quân đến, nơi đó quân thù bị đánh tan tành* », (1) thật không phải là ngoa ngôn.

● *Chiến thuật đánh úp : Trận Phú yên 1775.*

Năm 1775, quận Việp Hoàng Ngũ Phúc được lệnh chúa Trịnh Sâm đem quân vào Quảng nam, chỗ đất Tây Sơn đang tranh giành với họ Nguyễn. Thế là Tây Sơn 2 mặt thọ địch. Bị thua quân Hoàng Ngũ Phúc ở Cẩm sa (huyện Hòa vinh, Quảng nam), Nguyễn Nhạc phải rút về Qui nhơn rồi dùng chước hòa bình, mua lòng Hoàng Ngũ Phúc xin hàng, tình nguyện làm tiền quân theo Trịnh đánh Nguyễn. Hoàng Ngũ Phúc ưng thuận, phong Nguyễn Nhạc làm Tây Sơn hiệu trưởng trang tiết tướng quân.

Yên mặt Bắc rồi, Tây Sơn quyết định đánh chiếm Phú yên lúc ấy do tướng Nguyễn là Tống Phước Hiệp trấn giữ với quân số 20.000. Ai sẽ đảm nhận nhiệm vụ khó khăn này? Những kiện tướng như Tập Đình, Lý Tài đều đã bị loại. Tập Đình sau trận bại Cẩm sa (Quảng nam) đã bỏ trốn về Trung hoa (2). Lý Tài sau nhiều trận đại bại không còn tinh thần nữa. Chính trong tình thế ấy, Nguyễn Huệ, mới 23 tuổi, lần đầu tiên được giao trọng trách.

---

(1) Hịch của Quang Trung hoàng đế ngày 10-7 âm lịch (1792) gửi quân dân 2 tỉnh Quảng ngải, Qui nhơn.

Toàn bài hịch đã được dịch đăng trong tạp chí *Sử Địa*. Tham khảo : Đặng Phương Nghi, « Triều đại Quang Trung dưới mắt các Nhà Truyền giáo Tây phương, » *Sử Địa*, số 13 (Tháng 1 đến 3-1969), tt. 175-177.

(2) Nguyễn Lương Bích và Phạm Ngọc Phụng, sđd., tr. 38.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Để tạo yếu tố bất ngờ trên chiến trường, Tây Sơn cho người giả thương lượng hợp tác với Tống Phước Hiệp. Rồi nhân lúc Tống Phước Hiệp ơ hờ, Nguyễn Huệ đem binh đánh úp Phú yên giết tại trận cai đội Nguyễn Văn Hiền, bắt sống cai cơ Nguyễn Khoa Kiên. Tàn quân Nguyễn cùng Tống Phước Hiệp tháo chạy. Phú yên lọt vào tay Nguyễn Huệ (1).

Sau trận này, Nguyễn Huệ được Hoàng Ngũ Phúc phong làm Tây Sơn hiệu tiền phong tướng quân.

● *Chiến thuật phục kich : Trận Xoài mút 1785.*

Năm 1784, Nguyễn Ánh thua chạy ra đảo Thổ châu rồi sang Xiêm cầu viện. Tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương (2) đem 20.000 quân và 300 chiến thuyền sang đánh. Tướng Tây Sơn Trương Văn Đa bị thua, quân Xiêm — Nguyễn tiến đến tận Long hồ (Vĩnh long ngày nay). Nguyễn Huệ được tin, thân kéo binh vào Gia định.

Thoạt giao chiến, quân Tây Sơn cứ lui dần, lui dần... nhử quân Xiêm — Nguyễn đến Xoài mút (Sầm giang, Định tường) nơi Nguyễn Huệ đã cho một bọn binh lính lực lưỡng mai phục. Rồi phục binh Việt đồ ra đánh. Quân Xiêm — Nguyễn đang khốn đốn vì bị phục kích lại bị 2 mặt quân thủy lục do Nguyễn Huệ chỉ huy ép lại, đại bại. Tàn quân Xiêm trốn chạy về nước

---

(1) *Đại nam Chính biên Liệt truyện. Nhà Tây Sơn*, sđd, tr. 49 - 51.

(2) *Chiêu* hay *chiếu* là chức tước, không phải tên họ, có thể gọi là *chao, chậu* như tiếng Lào, tiếng Thái. (Chú của Nguyễn Lương Bích và Phạm Ngọc Phụng, sđd., tr. 89).

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

(18-1-1785). Nguyễn Ánh chạy về Hà tiên, trú ở Cổn khơi rồi ra đảo Thổ châu. Tháng 3 âm lịch 1785 quân Tây Sơn tìm tới Thổ châu, Nguyễn Ánh lại chạy ra đảo Cổ cốt rồi sang Xiêm.

Người Xiêm la, sau trận thua năm Giáp thìn (1785), ngoài miệng tuy nói khác, nhưng trong lòng thì sợ Tây Sơn « *như sợ cọp* » (1).

● *Chiến thuật ly gián : Trận Phú xuân 1786.*

Năm 1786, thừa dịp đại thắng quân Xiêm ở Gia định và theo lời khuyên của Nguyễn Hữu Chỉnh, Tây Sơn tiến quân đánh Thuận hóa, bấy giờ do Phạm Ngô Cầu (quận Tạo, quan Đại) trấn thủ với phó tướng là Hoàng Đình Thể.

Hai vị quan nhà Nguyễn này không ưa nhau. Phạm Ngô Cầu không ưa Hoàng Đình Thể vì thế lực quan phó tướng ngày càng mạnh. Hoàng Đình Thể, ngược lại, không phục Phạm Ngô Cầu vì quan Đại quá ư tham nhũng, nhân dân oán ghét (2).

Lợi dụng sự chia rẽ ấy, Nguyễn Huệ mật sai Nguyễn Hữu Chỉnh viết thư kín gửi cho Hoàng Đình Thể nhưng cố tình để lọt vào tay Phạm Ngô Cầu. Do đó khi Hoàng Đình Thể ra chống cự với quân Tây Sơn cùng hai con thì bị Phạm Ngô Cầu đóng cửa thành, không tiếp tế.

Hoàng Đình Thể tức giận, định quay vào thành giết Phạm Ngô Cầu, thì trên thành, Phạm Ngô Cầu đã kéo cờ trắng xin hàng Tây Sơn (3).

---

(1) Hoa Bằng, sđd., tr. 54.

(2) Nguyễn Phương, sđd., tr. 144.

(3) Hoàng Đình Thể tiếp tục chiến đấu rồi tự sát, hai con tử trận. Phần Phạm Ngô Cầu trói mình tự nộp cho Nguyễn Huệ, bị giải về Qui nhơn và bị giết ở đó,

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Hạ xong thành Phú xuân, Nguyễn Huệ cho quân tiến chiếm các đồn Cát doanh (Quảng trị), Đồng hới (Quảng bình). Các tướng Trịnh giữ đồn đều bỏ chạy (1).

Thế là chỉ trong mấy ngày, từ 15-6-1786 đến 22-6-1786 đất Thuận hóa từ Phú xuân cho đến sông Gianh đều lọt vào tay Nguyễn Huệ.

● *Chiến thuật tốc chiến : Trận Đống đa 1789.*

Tuy nhiên chiến dịch tiến đánh quân Thanh mới phổ hiện điển hình nhất khả năng quân sự của Nguyễn Huệ.

Nguyên năm 1788, Lê Chiêu Thống cử Lê Duy Đản, Trần Danh Án sang Trung hoa cầu cứu tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị (2). Mặt khác, Thái hậu nhà Lê cùng nhóm Lê Quýnh sau khi chạy lên Cao bằng nương dựa đốc trấn Nguyễn Công Túc cũng sang Trung hoa cứu viện. Tôn Sĩ Nghị nhân cơ hội muốn chiếm nước ta, dâng biểu lên Cao Tông nhà Thanh là Càn Long xin khởi binh sang đánh Việt nam. Càn Long ưng chuẩn hạ lệnh lấy lính 4 tỉnh Quảng đông, Quảng tây, Vân nam và Quí châu tất cả 200.000 người, chia làm 3 đạo sang đánh nước Việt.

Đạo thứ nhất do chính Tôn Sĩ Nghị và đề đốc Hứa Thế Hanh chỉ huy theo đường Nam quan vào Lạng sơn. Đạo thứ hai do tri phủ Điền Châu Sầm Nghi Đống dẫn binh Quảng tây

---

(1) Văn Tân, sđd., tr. 65.

(2) Tôn Sĩ Nghị là một tướng tài của nhà Thanh, từng viễn chinh thắng lợi ở Tây tạng năm 1751. Khi phụng mệnh Càn Long khởi binh, Tôn Sĩ Nghị đã hiến kế liên kết với Xiêm la cùng ép đánh nước Việt nhưng Càn Long không thuận. *« Có lẽ vì nhà vua sợ quân Xiêm bất lực chăng ?».* Tham khảo : Văn Tân, sđd., tr. 104.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

theo ngả Cao bằng vào. Đạo thứ ba do đề đốc Ô Đại Kinh dẫn binh Vân nam, Quí Châu theo ngả Tuyên quang, thung lũng sông Nhị vào Lào kay. Ngày 25-11-1788 tất cả các đạo quân đều cùng xuất phát.

Khi tiến quân, Tôn Sĩ Nghị đã xiết chặt kỷ luật quân Thanh trong 8 điều quân luật, tổ chức yểm trợ cực chu đáo : mỗi lính có một phu phục dịch. Đề phòng loại súng phun lửa của Tây Sơn, Tôn Sĩ Nghị cho làm sẵn những tấm chắn bằng da trâu. Lo lắng những cuộc phục kích vốn là chiến thuật quen thuộc của phe yếu, Tôn Sĩ Nghị cho phát quang đường đi, xét đất đề phòng hầm bẫy (1).

Sữa soạn kỹ càng như vậy tưởng chừng sự chiến thắng của đại quân 200.000 người là điều chắc chắn.

Sự thật trái lại.

Theo lời bàn của Ngô Thì Nhậm (2), Ngô Văn Sở lui binh từ Thăng long về Tam điệp (17-12-1788) khiến quân Thanh liên tiếp chiến thắng, « tướng sinh kiêu, binh sinh lộng ».

Sự khinh thường Tây Sơn của quan quân nhà Thanh khiến các giáo sĩ Tây phương đương thời cũng phải lo sợ thay cho họ :

«*Thái độ hay tính khinh địch của quân Trung hoa đầy ngạo khí vì đã thành công chống một kẻ địch lợi hại làm cho những người biết suy nghĩ e sợ và tiên đoán những biến chuyển về sau.*» (3)

---

(1) Tạ Chí Đại Trường, « Đống Đa mâu thuẫn văn hóa vượt biên giới,» *Sử Địa*, số 13 (tháng 1 đến 3-1969), tr. 71.

(2) *Đại Nam Chính biên Liệt truyện. Nhà Tây Sơn*, sđd., tr. 127.

(3) Nhật ký của Giáo hội Bắc kỳ tháng 8-1787 đến 10-1788. Tham khảo : Đặng Phương Nghi, « Vài Tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc tiến của Nguyễn Huệ,» *Sử Địa*, số 9-10 (1968), tr. 217.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Trong khi ấy, ở Tam điệp Ngô Văn Sở cử Nguyễn Văn Tuyết cấp báo với Phú xuân, Nguyễn Huệ được tin, lên ngôi hoàng đế (22-12-1788) thân cầm đại quân rầm rộ ra Bắc, đến Nghệ an mộ thêm quân cả thảy được 100.000 lính rồi làm lễ xuất phát.

Cuộc chuyển quân cực kỳ thần tốc (1). Ngày 15-1-1789 đại quân đến núi Tam điệp. Quang Trung hoàng đế cho quân sĩ ăn tết trước, khẳng khái tuyên bố : « *chỉ nội mười ngày nữa, thế nào ta cũng quét sạch được giặc Thanh !* » (2).

Rời Nghệ an, một mặt thúc quân tiến gấp, một mặt dụng kế với Tôn Sĩ Nghị, Quang Trung cử Trần Danh Bình cầm đầu một phái bộ tỏ ý « cung thuận » khiến Tôn Sĩ Nghị càng kiêu căng, không phòng bị (3).

Ngày 30 tết (25-1-1789), quân Tây sơn qua sông Gián thủy (Ninh bình), đánh tan quân nhà Lê do Hoàng Phùng Nghĩa chỉ huy, truy kích bắt được tất cả bọn do thám Trung hoa chạy được đến Phú xuyên (Hà đông). Tin quân không bị tiết lộ, do đó, ngày mùng 3 tết quân Thanh đóng ở Hà hồi đang đêm thấy vang dội tiếng loa kêu, « *quân sĩ ứng tiếng luân phiên dạ rân gần mấy muôn người* » (4) khiến quân Thanh càng thêm hãi sợ, phải xin hàng.

---

(1) Văn Tân đã tính quân Tây Sơn một ngày đi trên 15km, so với thời Đại chiến thứ nhất 1914-1918, quân Anh, Pháp chỉ di chuyển khoảng 11km là cao, bình thường 4km. Tham khảo : Văn Tân, sđd., tr. 141.

(2) Hoa Bằng, sđd., tr. 183.

(3) Phản ứng của Tôn Sĩ Nghị là xé thư ném xuống đất, giết Trần Danh Bình, bắt giam tất cả sứ giả Tây Sơn.

(4) *Đại nam Chính biên Liệt truyện. Nhà Tây Sơn*, sđd., tr. 139.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Sáng sớm mùng 5 tết (30-1-1789) Quang Trung cho đốt hết quân lương, tự quấn khăn vàng quanh cổ, những dấu hiệu của sự quyết chiến, cưỡi voi thúc quân tiến đánh đồn Ngọc hồi.

Quang Trung cho đoàn tượng binh hơn 100 voi đi tiên phong. Binh chủng này có dịp chứng tỏ khả năng công phá kinh khiếp cho dù Tôn Sĩ Nghị đã tiên liệu cách đề phòng :

« *Mờ sáng hôm ấy, quân Thanh lùi đội tinh kỳ tiến lên. Chợt trông thấy voi, ngựa bên quân Thanh sợ cuống, hí lên, rống lên những tiếng kinh hoàng rồi chạy tán loạn ! Thấy thế quân Nam lại thúc voi xông vào, làm cho bên địch xô bồ hỗn độn loạn cả hàng ngũ* ». (1)

Quân Tây Sơn lại dùng ván gỗ tẩm rơm ướt theo hàng chữ nhất công đồn. Chính Quang Trung thúc voi đốc quân cố đánh khiến quân sĩ càng nức lòng. « *Theo lời đồn, ông đeo 2 cái đoản đao (gươm) và chạy ngang dọc chém rơi đầu nhiều sĩ quan và binh lính Trung hoa làm rất nhiều người chết về tay ông. Ông luôn mồm hô xung phong và lúc nào cũng ở trận tuyến đầu* » (2). Kết quả đồn bị hạ, quân Tây Sơn thừa thắng, phá luôn các đồn Văn điển (Hà đông), An quyết (ngoại ô Hà nội), trong khi một đạo quân khác cũng chiếm được đồn Khương thượng (3).

---

(1) Hoa Bằng, sđd., tr. 192.

(2) Nhật ký của Giáo hội Bắc kỳ tháng 10-1788 đến 7-1789. Tham khảo : Đặng Phương Nghi, « Vài Tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc tiến của Nguyễn Huệ, *Sử Địa*, số 9-10 (1968), tr. 224.

(3) Trận Khương thượng tức trận Đống đa. Bị Đô đốc Long vây hãm, tướng giữ đồn là Sầm Nghi Đống phải tự ải, rất nhiều thân binh cũng bị giết quanh vùng, để lại cho hậu thế chứng tích của mùa xuân chiến thắng Kỷ dậu.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM Thư Viện HUỆ QUANG

Chiều ngày 5 tết Quang Trung kéo quân vào Thăng long, đúng như lời hứa trước ba quân ở Tam điệp.

Tôn Sĩ Nghị đóng quân ở bãi cát sông Nhị nghe tin báo vội chạy về phía Bắc, chặt đứt cầu phao bắc qua sông để chặn quân Tây Sơn :

« Tôn Sĩ Nghị giành qua sông Phú lương, rồi lập tức đẵn cầu phao để dứt với phía sau mình. Bởi vậy, quân ở bờ Nam, đề đốc Hứa Thế Hanh, tổng binh Trương Triều Long trở xuống quan, binh, phu dịch hơn vạn người đều bị chết đuối ». (1)

Đạo quân Vân nam Quí châu lúc bấy giờ tiến xuống Sơn tây, nghe tin phải vội rút về.

Quang Trung cho binh truy kích tàn quân Tôn Sĩ Nghị sang tận đất Trung hoa. *« Người Tàu (nhà Thanh) chấn động dữ dội từ cửa ải trở lên phía Bắc già trẻ dìu dắt nhau chạy trốn. Hằng mấy trăm dặm tuyệt nhiên không có người và khói bếp »* (2).

Thế là không đầy 10 ngày, Quang Trung đã toàn thắng đoàn quân viễn chinh Trung hoa, gây tử thương hơn 10.000 quân và các tướng Hứa Thế Hanh, Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng, Sầm Nghi Đống (tự tử)... cùng, không kể số võ khí cá nhân, 2.000 đến 3.000 cỗ đại bác (3).

---

(1) Tài liệu trong *Càn Long Chinh vũ An nam ki* của Ngụy Nguyên viết năm 1842, Hoàng Xuân Hãn dịch và chú giải. Tham khảo : Hoàng Xuân Hãn, « Việt Thanh Chiến sử, theo Ngụy Nguyên, một Sử gia Trung quốc đời Thanh, » *Sử Địa*, số 9-10 (1968), tr.253.

(2) *Đại nam Chính biên Liệt truyện. Nhà Tây Sơn*, sđd., tr.143.

(3) Nhật ký của Giáo hội Bắc kỳ tháng 10-1788 đến 7-1789. Tham khảo : Đặng Phương Nghi, « Vài Tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc tiến của Nguyễn Huệ,» *Sử Địa*, số 9-10 (1968), tt. 224-225.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

« Đó, kết quả của cuộc chinh phạt ấy là như vậy, nó đem đến đau đớn và nhục nhã cho quân Trung hoa và lợi lộc cùng vẻ vang cho quân Tây Sơn » (1).

KẾT LUẬN

Diệt xâm lăng, đánh bại quân Trung hoa, Xiêm la và hạ 3 dòng họ Lê, Trịnh, Nguyễn là những thành quả vô cùng rực rỡ của Nguyễn Huệ. Chúng chứng tỏ ông là một thiên tài quân sự không hề chiến bại.

Sự nghiệp quân sự của Nguyễn Huệ sẽ còn lẫy lừng nữa, khi ông sửa soạn công cuộc tấn công Trung hoa. Tiếc thay cái chết đã đến với Nguyễn Huệ quá sớm, vào ngày 16-9-1792 sau một cơn bạo bệnh, khi ông mới 40 tuổi (2).

Thật ra, thiên tài của Nguyễn Huệ không chỉ khu hạn trong phạm vi quân sự.

Về kinh tế, Quang Trung hoàng đế cho các thương nhân Tây phương vào buôn bán dễ dàng, mở chợ, lập nhà hàng ở Bình thủy quan (Cao bằng), Du thôn ải (Lạng sơn), Nam ninh (Quảng tây)... tạo điều kiện cho công thương nghiệp phát triển. Quang Trung còn buộc chức dịch các địa phương tìm

---

(1) Nhật ký của Giáo hội Bắc kỳ tháng 10-1788 đến 7-1789. Tham khảo : Đặng Phương Nghi, « Vài Tài liệu mới lạ về những cuộc Bắc tiến của Nguyễn Huệ,» *Sử Địa*, số 9-10 (1968), tr. 226.

(2) Về ngày tháng Quang Trung mất, theo chính sử nhà Nguyễn là 29 tháng 9 Nhâm tí tức 13-12-1792 (Tham khảo : *Đại nam Chính biên Liệt truyện. Nhà Tây Sơn*, sđd.. tr.173). Năm 1945 Hoàng Xuân Hãn đã dẫn chứng cho biết địch ngày chết của Quang Trung là 29 tháng 7 Nhâm tí tức 16-9-1792.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

cách đưa những người tha phương về quê quán chăm lo nông nghiệp, cấp phát cho họ những ruộng đất bỏ hoang để kích thích việc sản xuất.

Về văn hóa giáo dục, nội một việc yêu tiếng mẹ đẻ, trọng dụng quốc văn, tiến tới việc xây dựng một nền học thuật Việt nam cũng đủ nêu gương sáng cho hậu thế tiếp nối.

Về tôn giáo, Quang Trung tôn sùng đạo Khổng, đạo Phật, lại có ý chấn chỉnh Phật giáo bằng cách bắt những nhà sư không xứng đáng phải hoàn tục. Thiên chúa giáo thời này cũng phát triển. « *Từ khi nhà Tây Sơn lên làm chủ tôn giáo được tiến bộ* » (1).

Về ngoại giao, Quang Trung đã liên tiếp đạt những thắng lợi ngoại giao với Trung hoa, điển hình là việc Quang Trung đã phá bỏ được lệ cống người vàng, lệ bắt đầu từ thời Lê Thái Tổ.

Đối nội cũng như đối ngoại, về kinh tế cũng như văn hóa, trong mọi hoàn cảnh, tất cả đều chứng tỏ Nguyễn Huệ là nhà lãnh đạo chân tài.

Cái chết của Nguyễn Huệ, do đó, trước hết là một thua thiệt lớn cho quốc gia Việt nam hồi hậu bán thế kỷ XVIII...

TRẦN ANH TUẤN

● *Chữ viết tắt* :

— bđd : bài đã dẫn
— nxb : nhà xuất bản
— sđd : sách đã dẫn
— xb : xuất bản

---

(1) Thư ngày 18-7-1793 của giáo sĩ Le Roy gửi Blandin dẫn bởi Hoa Bằng, sđd., tr. 292.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

sinh hoạt văn hoá

- TRẦN NGUYÊN HẠ
- NGUYỄN ĐỨC NGỌC

• *CHƯƠNG TRÌNH LỄ PHẬT ĐẢN 2.517 TẠI VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH :*

Viện Đại học Vạn Hạnh sẽ cử hành long trọng Lễ Tôn kính đức Phật nhân ngày đại lễ Phật đản năm nay, đúng vào ngày thứ năm, 17 tháng 5 năm 1973.

Theo thông lệ hằng năm, lễ Phật đản sẽ kéo dài trong suốt 1 tuần, từ ngày 10 đến 17-5-73 (nhằm ngày mồng 8 đến rằm tháng 4 âm lịch) với chương trình như sau :

— Tranh giải Thể thao qua các bộ môn : bóng chuyền, vũ cầu, bóng rổ...giữa các hội đoàn thể thao sinh viên Viện ĐHVH, các Đại học bạn tại Saigon...

— Chương trình Văn Mỹ Nghệ do Trung tâm Sinh hoạt Sinh viên VĐHVH và đoàn Văn nghệ Sinh viên VĐHVH thực hiện.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

— Ba buổi diễn thuyết đặc biệt do ông Hajime Nakamura, Giáo sư Phân khoa Triết học Ấn độ và Phật giáo Đại học đường Tokyo đảm trách.

— Phát hành nguyệt san TƯ TƯỞNG số 3, với chủ đề « Phật giáo Việt nam » do Tòa soạn Tư Tưởng và Phân khoa Phật học VĐHVH đảm trách.

— Phát hành những ấn bản đầu tiên các tác phẩm Phật học : Trung Bộ Kinh Tập I, Thắng Pháp Tập Yếu Luận Tập II do Thượng Tọa Thích Minh Châu dịch, và nếu không có gì trở ngại về kỹ thuật ấn loát, sẽ phát hành dịch phẩm « Các Tông Phái của Đạo Phật » của Đại đức Tuệ Sỹ.

Buổi lễ chính thức được tổ chức tại Thư viện ĐHVH vào lúc 9 giờ sáng ngày 17 tháng 5. Ngoài những nghi thức tôn giáo cổ truyền, Thượng tọa Viện Trưởng sẽ đọc bài diễn văn Phật đản với chủ đề : « Đức Phật và Con người Hiện đại », cùng với lời phát biểu của hai cơ quan đại biểu văn hóa ngoại quốc tại Việt nam, một đại biểu cho văn hóa Đông phương và một cho Tây phương, trong cùng chủ đề.

TUẦN LỄ VĂN MỸ NGHỆ TẠI TRUNG TÂM LIỄU QUÁN HUẾ.

Sau nhiều biến cố liên miên tại Huế, các sinh hoạt văn hóa tại Cố đô đã hầu như ngưng trệ. Để khơi dậy các hoạt động văn hóa nhằm gây tin tưởng cho đồng bào Cố đô, Trung tâm Liễu Quán — cơ quan văn hóa Phật giáo Huế — sẽ tổ chức Tuần lễ Văn Mỹ Nghệ nhân tuần chung thất Đại lão Hòa Thượng Tăng Thống GHPGVNTN. Tuần lễ Văn Mỹ Nghệ này sẽ khởi đầu từ ngày 10 tháng 4 đến 17-4-73. Đặc biệt trong tuần lễ này sẽ có nhiều buổi diễn giảng do quí vị học giả uy tín từ Sài gòn ra đảm trách. Buổi giảng đầu tiên sẽ do Thượng tọa Thích

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

Minh Châu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo dục kiêm Viện Trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh với đề tài : « *Con người và sự Giáo dục con người theo đạo Phật, đặc biệt theo A-tỳ đàm học*». Hy vọng rằng sau Tuần lễ Văn Mỹ Nghệ này, Trung Tâm Liễu Quán sẽ tiếp tục các chương trình văn hóa khác và các hoạt động văn hóa tại Cố đô sẽ sống dậy mạnh mẽ hơn xưa.

NHÓM KIẾN THỨC BẠN TRẺ VÀ TUẦN LỄ HÙNG VƯƠNG

Nhằm tạo một môi trường sinh hoạt lành mạnh cởi mở, nhằm góp phần với các bạn trẻ trong việc phát huy tinh thần công ích, đồng thời gia tăng sự liên hệ mật thiết giữa các thế hệ và các giới như mục tiêu đã vạch. Tiếp tục các chương trình từ trước, Nhóm Kiến Thức Bạn Trẻ sẽ tổ chức một tuần lễ mệnh danh là Tuần Lễ Hùng Vương tại Học Viện Quốc gia Hành chánh số 10 đường Trần Quốc Toản Sài gòn, với chương trình gồm 3 buổi Hội thảo với các đề tài sau :

— *Cội Nguồn Dân Tộc* vào lúc 9 giờ sáng ngày 12-5-72, do Bộ Quốc Gia Giáo Dục đảm trách. (Giáo sư Nguyễn Đăng Thục Khoa trưởng Phân khoa Văn học và Khoa học Nhân văn ĐHVH được mời làm tham luận viên trong đề tài này.)

— *Dân Tộc : Nhu Cầu Hòa Hợp và Hòa Giải* vào lúc 8 giờ 30 sáng 15-4 do TUDV phụ trách.

— *Bạn Trẻ và Sinh Hoạt* : ngày 15-4, do các Hội đoàn Thanh Niên. Chương trình Hội thảo này sẽ có thêm phần phụ diễn văn nghệ của các hội đoàn văn nghệ : Phong trào Du ca Việt nam, Ca đoàn Ảnh Việt, Ca đoàn Lê Văn Khoa, Ban Hoa Sim, Nhóm Văn Công Khai Phóng...

TRẦN NGUYÊN HẠ
NGUYỄN ĐỨC NGỌC

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

TƯ TƯỞNG

Năm Thứ VI số 2 ngày 14 tháng 4 năm 1973

MỤC LỤC

1.— VỀ NGUỒN	Tư Tưởng	3
2.— BỐN NGÀN NĂM VĂN HIẾN	Nguyễn Đăng Thục	5
3.— QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG VÀ NỀN QUỐC HỌC	Lê Văn Siêu	35
4.— TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ NƯỚC TA THỜI HÙNG VƯƠNG	Lê Kim Ngân	45
5.— KHỞI NGUYÊN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM	Lã Sĩ Bằng (*Nguyễn Đăng Thục dịch*)	85
6.— TINH HOA TƯ TƯỞNG CỔ VIỆT	Nguyễn Viết Hồng	91
7.— NGUYỄN HUỆ, MỘT THIÊN TÀI QUÂN SỰ	Trần Anh Tuấn	103
8.— SINH HOẠT VĂN HÓA	Nguyễn Đức Ngọc	123

GIÁ 150 $

In tại Ấn Quán VẠN HẠNH 222, Trương Minh Giảng — Saigon 3

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

GIÁ MUA BÁO DÀI HẠN

Tư Tưởng phát hành 10 số một năm, (8 số thường và 2 số đặc biệt). Giá mỗi số thường là 150$00. Số đặc biệt có giá riêng.

1.— *GIÁO SƯ VÀ SINH VIÊN VẠN HẠNH* :

— Mỗi số : 110$00

— Trọn năm : 1000$00 (kể cả số đặc biệt).

— Nhận báo trực tiếp tại phòng phát hành kinh sách của Viện.

2.— *ĐỘC GIẢ* :

a. *Saigon, Chợ Lớn, Gia định* :

— Mỗi số : 130$00

— Trọn năm : 1200$00 (kể cả số đặc biệt).

— Nhận báo trực tiếp tại phòng phát hành kinh sách của Viện.

b. *Các tỉnh* :

— Trọn năm 1.400$00 (kể cả số đặc biệt và cước phí bảo đảm).

3.— *CÔNG SỞ* :

— Mỗi số : 200$00 (kể cả số đặc biệt).

— Trọn năm : 2.000$00 (kể cả số đặc biệt).

4.— *THÂN HỮU* :

Giá ủng hộ : Tối thiểu 3.000$00 trọn năm (kể cả số đặc biệt và cước phí bảo đảm).

GIÁ QUẢNG CÁO

Bìa sau : (màu)

— Trọn trang ngoài : 15.000$00 mỗi số.

— Trọn trang trong : 10.000$00 mỗi số.

— Cả năm (10 số) tính bằng 9 số.

Trang trong :

— Trọn trang không có mầu 5.000$00 mỗi số.

— Có mầu thêm 1.000$00

— Cả năm (10 số) tính bằng 9 số.

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG

NGUYỆT SAN

TƯ TƯỞNG

VIỆN ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

CHỦ TRƯƠNG

Tòa soạn và Trị sự

222Trương Minh GiảngSaigon3

Điện thoại : 25.946

Phiếu Mua Báo

Phương danh, (cá nhân hay đoàn thể) .....

Địa chỉ : .....

Bằng lòng mua NGUYỆT SAN TƯ TƯỞNG

Kể từ số ..... **tháng** ..... **đến số** ..... **tháng** ..... **năm 1973.**

Xin gởi kèm theo đây chi phiếu ☐, Bưu phiếu ☐, Hiện kim ☐.

- **Chi phiếu, Bưu phiếu xin gởi Thượng Tọa Thích Minh Châu, Viện Trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh 222 Trương Minh Giảng Saigon 3.**
- **Hiện kim xin nộp tại phòng Thủ Quỹ Viện.**

.....ngày.....tháng.....năm 197

NGƯỜI MUA BÁO KÝ TÊN

GHI CHÚ : Quí Độc giả **muốn mua TƯ TƯỞNG dài hạn xin cắt phiếu trên đây, điền vào các chỗ trống và gởi về Tòa soạn theo địa chỉ trên. Giá tiền báo xin xem trang bên.**

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM HUỆ QUANG

THƯ VIỆN HUỆ QUANG
TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM

TU THƯ ĐẠI HỌC VẠN HẠNH

Phát hành trong Đại lễ Phật đản 2.517:

1. TRUNG BỘ KINH tập I

Tỷ Kheo THÍCH MINH CHÂU *dịch*

Pāli - Việt đối chiếu; có thêm phần chú thích.

ABHIDHAMMATTHASAṄGAHA

2. THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN tập II

hay *MÔN TÂM LÝ HỌC CỦA ĐẠO PHẬT*

Tỷ Kheo THÍCH MINH CHÂU *dịch* và *giải*

... « Đây là quyển sách căn bản cho những ai muốn tham học tạng A Tỳ Đàm và trở thành sách đầu giường cho chư Tăng Miến, Tích lan, Thái lan...

3. CÁC TÔNG PHÁI CỦA ĐẠO PHẬT

(Nguyên tác : The Essentials of Buddhism Philosophy của JUNJIRO TAKAKUSU, TUỆ SỸ *dịch*.

Sách trình bày những điểm tinh túy của triết học Phật giáo, qua các tông phái Đại thừa, Tiểu thừa và đã được liệt vào số sách phải đọc trong chương trình Tiến sĩ Phật học của các Viện Đại học thế giới.

QUẢNG
Vv
039

TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HÁN NÔM
Thư Viện
HUỆ QUANG